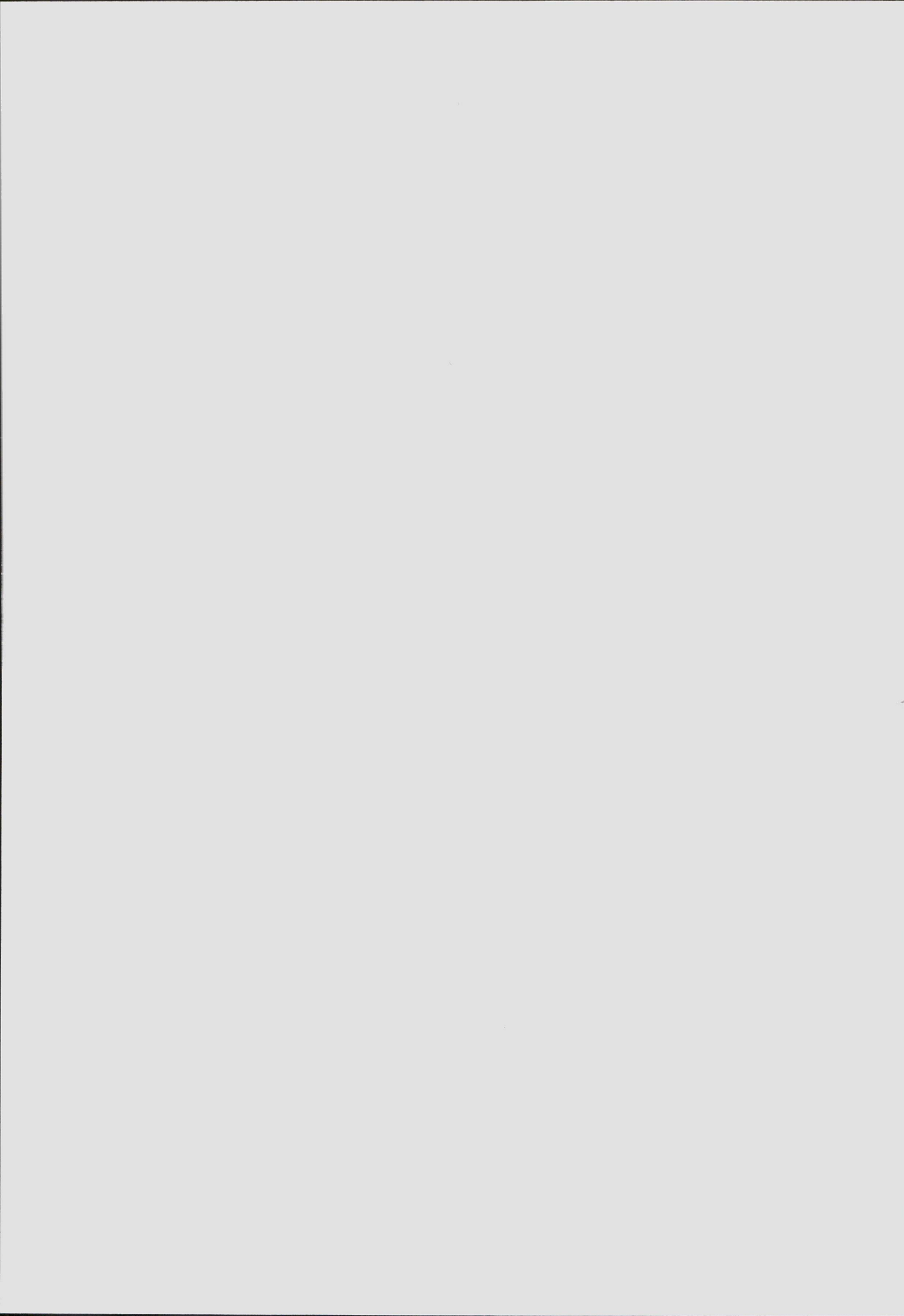


CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA DA LIỄU – ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH
CKTM DA LIỄU TẠI SỐ 238A, ĐƯỜNG TRẦN PHÚ,
PHƯỜNG HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH
NGHỆ AN

Thành phố Vinh, tháng 12/2024



CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

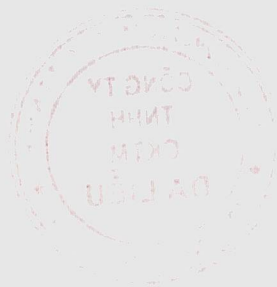
BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA DA LIỄU – ĐỊA
ĐIỂM KINH DOANH TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH
CKTM DA LIỄU TẠI SỐ 238A, ĐƯỜNG TRẦN PHÚ,
PHƯỜNG HỒNG SƠN, THÀNH PHỐ VINH, TỈNH
NGHỆ AN

CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU



Trần Thị Lam

Thành phố Vinh, tháng 12/2024



MỤC LỤC

MỤC LỤC	i
DANH MỤC HÌNH	iii
DANH MỤC BẢNG	iv
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
1. Tên chủ dự án đầu tư:	1
2. Tên dự án đầu tư:	1
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	2
3.1. Công suất của dự án đầu tư	2
3.2. Công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư	3
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	3
4.1. Giai đoạn xây dựng	3
4.2. Giai đoạn hoạt động	4
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	7
1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:	7
2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường	8
CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	11
1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật	11
2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án	11
3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án ..	14
CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	16
1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án	16
1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải	16
1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại	16
1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	17
1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	18

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác	18
2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	20
2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải	20
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	21
2.3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn	22
2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung	26
2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành	26
3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	28
3.1. Danh mục, kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục	28
3.2. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.	29
3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.	30
3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.	30
4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	31
CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	33
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	33
2. Tiếng ồn, độ rung	34
2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:	34
2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:	35
2.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:	35
2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung	36
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN .37	37
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	37
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	37
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải	37
2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	38
CHƯƠNG VIII CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	39

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện phòng khám	1
Hình 4.1. Sơ đồ thu gom xử lý nước	20
Hình 4.2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại	21
Hình 4.3. Quy trình xử lý nước thải	Error! Bookmark not defined.
Hình 5.1. Sơ đồ dẫn nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận	34

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Tổng hợp khối lượng vật liệu xây dựng.....	3
Bảng 1.2. Bảng tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ xây dựng của dự án.....	4
Bảng 1.3. Danh mục thiết bị, máy móc	5
Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án	6
Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa mà sông Rào Đùng có thể tiếp nhận tại điểm thải (Ltd)	8
Bảng 2.2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (Ln).....	9
Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Rào Đùng.....	10
Bảng 4.1. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải rắn.....	22
Bảng 4.2. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	28
Bảng 4.3. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	29
Bảng 4.4. Bảng tóm tắt kinh phí các biện pháp bảo vệ môi trường	30
Bảng 4.5. Mức độ tin cậy của các đánh giá, dự báo	31
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm.....	33
Bảng 5.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn.....	35
Bảng 5.3. Giá trị giới hạn của độ rung	35
Bảng 6.1. Dự kiến kế hoạch lấy mẫu.....	37

CHƯƠNG I: THÔNG TƯ CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Tên chủ dự án đầu tư:

Công ty TNHH CKTM da liễu

- Địa chỉ trụ sở chính: số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Lam , Chức vụ: Giám đốc

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoạt động chi nhánh số: 2902204693 do phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 05/11/2024.

2. Tên dự án đầu tư: Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, có vị trí tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc giáp: đường Trần Phú
- + Phía Đông giáp: salon tóc;
- + Phía Tây giáp: cửa hàng bán xe đạp;
- + Phía Nam giáp: khu dân cư.



Hình 1.1. Sơ đồ vị trí khu vực thực hiện phòng khám

Khu vực thực hiện dự án nằm sát khu dân cư khối 10, phường Hồng Sơn, cách Sân Bay Vinh khoảng 8,1 km, cách UBND phường Hồng Sơn khoảng 2,1 km. Khu đất cách Quảng trường Hồ Chí Minh khoảng 1km nằm ngay mặt đường Trần Phú, cách bến xe Vinh khoảng 8,6km, cách sông Rào Đòng khoảng km. Trong vòng bán kính 1km không có khu di tích, vườn quốc gia.

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: UBND thành phố Vinh

- Cơ quan thẩm định cấp giấy phép môi trường: UBND thành phố Vinh

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Dự án có tổng mức đầu tư 2.000.000.000 đồng thuộc nhóm C, dự án đầu tư nhóm III không thuộc đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; phải lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường cấp huyện, thành phố theo mẫu phụ lục XI kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

3.1. Công suất của dự án đầu tư

Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu tại số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An dự kiến hoạt động với ngành nghề kinh doanh: khám chữa bệnh chuyên khoa da liễu.

Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu thuê lại đất và công trình trên đất tại số 238A, đường Trần Phú (*thửa đất số 23, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*) của gia đình bà Trần Thị Hải Lý. Lô đất đã được gia đình bà Lý xây dựng nhà ở cơ bản. Tuy nhiên để phù hợp cho mục đích phòng khám nên sau khi chủ dự án thuê lại, sẽ lắp đặt thiết bị máy móc để phục vụ khám chữa bệnh, lắp đặt thêm hệ thống xử lý nước thải BK500 - công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay. Sau khi hoàn thiện và đi vào hoạt động, Phòng khám hoạt động với quy mô như sau:

- Quy mô sử dụng đất:

+ Tổng diện tích đất thực hiện dự án $S_d = 93,1 \text{ m}^2$

+ Diện tích sàn sử dụng dự án $S_s = 186 \text{ m}^2$ gồm 02 tầng, bố trí các tầng như sau:

Tầng 1: bố trí phòng chờ và phòng lễ tân, 01 phòng khám

Tầng 2: bố trí 01 phòng khám, 02 phòng trị liệu.

- Số lượng công nhân viên làm việc tại phòng khám là 3 người;

- Số lượt khám bệnh ngoại trú trung bình là 5 lượt/ngày.

- Không có giường bệnh nội trú

- Tổng mức đầu tư: 2.000.000.000 đồng

3.2. Công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

Mục tiêu của dự án nhằm đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh của người dân, không có điều trị nội trú cho bệnh nhân. Các hoạt động của phòng khám là khám và chữa bệnh

chuyên khoa da liễu.

Quy trình hoạt động phòng khám:

Bước 1: Lễ tân tiếp đón khách hàng và làm thủ tục nhập thông tin khách hàng cũng hướng dẫn khách hàng lên phòng thăm khám.

Bước 2: Bác sỹ kiểm tra thông tin khách hàng và thăm khám khách hàng bằng máy phân tích da. Sau đó thực hiện chuẩn đoán và lên phác đồ điều trị.

Bước 3: Thực hiện điều trị theo phác đồ đã lên tại cơ sở nếu có.

Bước 4: Khách hàng thực hiện thanh toán tại quầy lễ tân.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn chuẩn bị

4.1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu, hóa chất

Phòng khám sau khi chủ dự án thuê lại sẽ lắp đặt máy móc để phục vụ khám chữa bệnh, lắp đặt thêm hệ thống xử lý nước thải BK500 - công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay. Trong giai đoạn này: nguồn cung cấp nguyên vật liệu cho dự án được lấy từ các cơ sở cung cấp máy móc.

4.1.2. Nhu cầu máy móc thiết bị

Trong quá trình thi công sử dụng các loại máy móc thiết bị như máy khoan, máy cắt, để gắn 1 số thiết bị máy móc. Cụ thể như sau:

Bảng 1.2. Bảng tổng hợp máy móc thiết bị phục vụ lắp đặt của dự án

TT	Loại máy móc thiết bị	Số lượng (chiếc)	Tình trạng
1	Máy khoan 105mm	1	Cũ (còn 90%)
2	Máy cắt 5KW	1	Cũ (còn 90%)

(Nguồn Báo cáo nghiên cứu khả thi)

4.1.3. Nhu cầu sử dụng điện, nước

Giai đoạn này chỉ có khoảng 2-3 công nhân tới phòng khám để vận chuyển, lắp đặt máy móc trong buổi hoặc trong ngày, chỉ lắp đặt trong khoảng 1-2 ngày, đi vệ sinh tại nhà vệ sinh có sẵn và nước uống cho công nhân sử dụng nước uống đóng chai. Không có hoạt động ăn uống ở các bữa. Nên tác động giai đoạn này là không đáng kể.

4.2. Giai đoạn hoạt động

4.2.1. Nhu cầu máy móc, thiết bị

Dự kiến một số máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu bao gồm:

Bảng 1.3. Danh mục thiết bị, máy móc

STT	Tên thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Năm sản xuất	Số lượng	Tình trạng sử dụng (%)
1.	Máy làm đẹp da trị sẹo bằng công nghệ CO2 Fractional Laser	BW-203	Nan Jing Bestview Laser S&T Co.,Ltd	Trung Quốc	2024	01	Tốt
2.	Máy soi da	M6	Shenzhen Langdai Beauty Co.,Ltd	Trung Quốc	2024	01	Tốt
3.	Máy ly tâm	DM0506	Jargsu Xinkang Medical Instrument.Co.,Ltd	Trung Quốc	2024	01	Tốt
4.	Máy làm đẹp da sử dụng công nghệ sóng siêu âm để nâng cơ	FU4.5-10SN	Guangzhou Beco Electronic Technology Co.,Ltd	Trung Quốc	2024	01	Tốt

(Nguồn: Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án)

4.2.2. Nhu cầu cấp điện

Tổng nhu cầu sử dụng điện của dự án khi đi vào hoạt động dự kiến khoảng 100 kWh/ngày.

Nguồn điện trung thế cấp vào được lấy từ đường dây 22 kV hiện hữu do chủ dự án điện lực thành phố Vinh quản lý thông qua hệ thống tủ phân phối trung thế với tủ cầu dao cách ly và máy cắt bảo vệ máy biến áp. Từ tủ cao áp, nguồn điện được cung cấp tới máy biến áp của công trình thông qua các hệ thống thanh dẫn nhiệt và cáp trung thế bọc 24KV. Giải pháp thiết kế cho toàn bộ hệ thống cấp điện hạ thế trong khu vực dự án là hệ thống cấp điện hạ áp 0.4KV chôn ngầm.

4.2.3. Nhu cầu cung cấp nguyên, nhiên liệu

Dự án không sử dụng máy phát điện dự phòng nên không sử dụng nguyên, nhiên liệu.

4.2.4. Nhu cầu cấp nước

+ Nguồn nước: lấy nước từ nguồn nước máy của thành phố Vinh.

+ Căn cứ mục 2.10.2 của QCVN 01:2021/BXD, dự báo nhu cầu sử dụng nước như bảng sau:

Tính toán được nhu cầu nước của dự án như bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu sử dụng nước của dự án

TT	Nhu cầu sử dụng nước	Đơn vị	Số lượng	Tiêu chuẩn	Lưu lượng (m³/ngày)
1	Cán bộ công nhân viên	Người	3	100l/người/ngày	0,3
2	Khách khám chữa bệnh	Người	5	25l/ngày đêm	0,125
3	Nước vệ sinh sàn nhà				0,1
I	Tổng lưu lượng nước dùng hằng ngày				0,525
II	Nước PCCC		2 giờ	5 l/s	36

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường:

Hiện nay, tỉnh Nghệ An mới chỉ có quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường tỉnh tuy nhiên thành phố Vinh chưa có quy hoạch môi trường cũng như phân vùng môi trường.

Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu tại số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An phù hợp với:

- Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022. Cơ sở không thuộc đối tượng có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường; nước thải, khí thải phát sinh tại phòng khám được xử lý đạt chuẩn trước khi ra ngoài môi trường; chất thải rắn được thu gom, phân loại, lưu giữ và vận chuyển xử lý theo đúng quy định. Vì vậy, dự án phù hợp với Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia.

- Quyết định số 1059/QĐ-TTg ngày 14/9/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nghệ An thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Dự án phù hợp với Nghị quyết số 09/2017/NQ-HĐND ngày 13/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về quy hoạch Tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035; Quyết định số 4077/QĐ-UBND ngày 12/9/2017 phê duyệt quy hoạch tài nguyên nước tỉnh Nghệ An đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

- Dự án phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của quy hoạch sử dụng đất thành phố Vinh được phê duyệt tại Quyết định số 230/QĐ-UBND ngày 30/6/2022 của UBND tỉnh Nghệ An và phù hợp với Quy hoạch phân khu phường Hồng Sơn đã được UBND thành phố Vinh phê duyệt.

- Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu phù hợp với quy hoạch vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải, cụ thể:

+ Phòng khám không thuộc loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại phụ lục II thuộc Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022 của Chính phủ;

+ Phòng khám có nước thải sau xử lý được thu gom, xử lý và thoát ra nguồn tiếp nhận

+ Phòng khám không thuộc khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực bảo vệ 1 của di tích lịch sử văn hóa;

2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường

Do dự án nằm trong trung tâm thành phố Vinh nên toàn bộ nước thải phát sinh sau khi được xử lý sẽ được đầu nối vào mương thoát nước chung dọc đường Trần Phú chảy đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố rồi chảy đến nguồn tiếp nhận là

sông Rào Đùng.

Để đánh giá khả năng chịu tải: để đánh giá tác động của hoạt động xả thải từ dự án đến chất lượng của nguồn nước tiếp nhận nước thải tại dự án thì đầu tiên phải đánh giá khả năng nhận thải hiện tại của nó và với khả năng đó có đáp ứng được nhu cầu xả thải của dự án hay không, để xem xét mối tương quan này chúng tôi đã tiến hành phân tích, đánh giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 76/2017/TT-BTNMT ngày 29/12/2017, của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải; thông tư 02/2020/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường thì sức chịu tải của nguồn nước, cụ thể như sau:

- Tải lượng tối đa chất ô nhiễm mà nguồn nước có thể tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính theo công thức:

$$L_{td} = Q_s * C_{tc} * 86,4$$

Trong đó:

L_{td} (kg/ngày) là tải lượng ô nhiễm tối đa của nguồn nước đối với chất ô nhiễm đang xem xét;

Q_s (m^3/s) là lưu lượng dòng chảy tức thời nhỏ nhất tại nguồn tiếp nhận cần đánh giá trước khi tiếp nhận nước thải, ($3,75 m^3/s$);

C_{tc} (mg/l) là giá trị giới hạn nồng độ chất ô nhiễm đang xem xét được quy định tại cột B1 của QCVN 08-MT:2023/BTNMT;

86,4 là hệ số chuyển đổi đơn vị thứ nguyên từ (m^3/s)*(mg/l) sang (kg/ngày).

Căn cứ công thức trên ta tính được tải lượng các chất ô nhiễm tối đa mà nguồn nước của có thể tiếp nhận.

Kết quả tính toán tải lượng ô nhiễm được trình bày tại bảng sau:

Bảng 2.1. Tải lượng ô nhiễm tối đa mà sông Rào Đùng có thể tiếp nhận tại điểm thải (L_{td})

FT11 Thông số	TSS	BOD ₅	COD	NH ₄ ⁺	NO ₃ ⁻	PO ₄ ³⁻	Coliform
C_{tc}	30	15	50	10	0.9	0.3	5000
Q_s	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75
Hệ số	86.4	86.4	86.4	86.4	86.4	86.4	86.4
L_{td} (kg/ngày)	54432	27216	90720	18144	1633	544	9072000

- Tính tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận: Tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận đối với một chất ô nhiễm cụ thể được tính toán theo công thức sau:

$$L_n = Q_s \times C_s \times 86,4$$

Trong đó:

L_n (kg/ngày): Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận.

Q_s (m³/s): Lưu lượng dòng chảy tức thời của nguồn tiếp nhận ($Q_s = 3,75$ m³/s).

C_s (mg/l): Giá trị nồng độ cực đại của chất ô nhiễm trong nguồn nước trước khi tiếp nhận nước thải (theo kết quả phân tích mẫu nước nguồn tiếp nhận).

Từ công thức đánh trên, ta tính được tải lượng ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận như sau:

Bảng 2.2. Tải lượng chất ô nhiễm có sẵn trong nguồn nước tiếp nhận (L_n)

Thông số	COD	BOD ₅	TSS	NO ₃ ⁻	NH ₄ ⁺	PO ₄ ³⁺	Coliform
C_s	25,1	8,2	26	4,8	0,51	0,08	3900
Q_s	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75	3,75
Hệ số	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4	86,4
L_n (kg/ngày)	45541	14878	47174	8709	925	145	7076160

Phương pháp đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải, sức chịu tải của sông Rào Đùng bằng phương pháp đánh giá trực tiếp: Đánh giá khả năng tiếp nhận nước thải sức chịu tải của kênh được thực hiện trên cơ sở giới hạn tối đa của từng thông số, đánh giá theo quy chuẩn kỹ thuật về chất lượng nước mặt, lưu lượng và kết quả phân tích chất lượng nguồn nước của sông.

Phương pháp đánh giá trực tiếp áp dụng khi chưa có nguồn nước xả thải trực tiếp vào đoạn sông, suối.

$$L_{tn} = (L_{td} - L_n) \cdot F_s$$

Trong đó F_s : Hệ số an toàn, chọn $F_s = 0,5$.

Bảng 2.3. Khả năng tiếp nhận nước thải của sông Rào Đùng

FT11 Thông số	COD	BOD₅	TSS	NO₃⁻	NH₄⁺	PO₄³⁺	Coliform
L_{td}	54432	27216	90720	18144	1632,96	544,32	9072000
L_{nn}	45541	14878	47174	8709	925	145	7076160
F_s	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
L_{tn} (kg/ngày)	4445	6169	21773	4717	354	200	997920

Qua kết quả tính toán ở bảng trên ta thấy giá trị L_{tn} có 7/7 thông số ô nhiễm dương (>0). Như vậy sông Rào Đùng có thể tiếp nhận được các thông số ô nhiễm nói trên.

CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG

NOI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Dữ liệu về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật

- Chất lượng của các thành phần môi trường có khả năng chịu tác động trực tiếp bởi dự án, số liệu, thông tin về đa dạng sinh học có thể bị tác động bởi dự án: Qua điều tra, khảo sát khu vực dự án cho thấy nguồn tiếp nhận nước thải của dự án là sông Rào Đùng; nguồn tiếp nhận khí thải là môi trường không khí khu vực Dự án. Các thành phần môi trường này nhìn chung chưa có hiện tượng ô nhiễm.

Trong khu vực dự án không có vườn Quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, các giá trị sinh thái quan trọng được quy định bảo tồn bởi luật pháp Việt Nam hay các công ước, hiệp ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia.

- Hiện tại khu vực dự án chưa có số liệu, báo cáo cụ thể về hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật, các dữ liệu sử dụng chủ yếu do khảo sát thực tế xung quanh khu vực dự án:

+ Hệ sinh thái cây bụi: hệ sinh thái này xuất hiện không liên tục, diện tích nhỏ và phát triển theo thời gian, nằm tập trung ở khu vực bồn hoa thảm cỏ, ven đường giao thông. Một số loài cỏ phổ biến trong hệ sinh thái này là: cỏ tranh, cỏ lá tre cao, cỏ lông lợn, cỏ lau, cỏ chít,...

+ Hệ động vật trên cạn: chỉ có một số loài như rắn mối, chông, gia cầm, côn trùng như muỗi, sâu, giun..

2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

a. Đặc điểm tự nhiên khu vực nguồn nước tiếp nhận nước thải

** Hệ thống sông suối, kênh, rạch, ao hồ khu vực tiếp nhận nước thải*

Nước thải của dự án sau khi xử lý đạt tiêu chuẩn theo đường ống thoát nước (có chiều dài khoảng 16 m) chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú sau đó chảy đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý trước khi chảy đến nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

** Các yếu tố địa lý, địa hình, khí tượng khu vực tiếp nhận nước thải.*

Nguồn tiếp nhận nước thải của dự án Phòng khám sau xử lý là sông Rào Đùng cách khu đất dự án khoảng 7,32km thuộc địa phận xã Hưng Hòa, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

- Nhiệt độ không khí

Nhiệt độ trung bình của khu vực thành phố Vinh năm 2023 là 26,5⁰C. Trong năm khí hậu được chia làm 2 mùa rõ rệt:

+ Mùa khô kéo dài từ tháng 12 đến tháng 7 năm sau, khí hậu khô nóng nhất là từ tháng 5 đến tháng 7, nhiệt độ trung bình đạt 30,2 - 33,3⁰C. Mùa này thường nóng bức, nhiệt độ tối cao tuyệt đối thường vượt quá 35⁰C.

+ Mùa mưa kéo dài từ tháng 8 đến tháng 11, nhiệt độ trung bình tháng từ 16,7⁰C (tháng 1) đến 24,9⁰C (tháng 11). Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối có thể xuống tới 10⁰C trong mùa Đông (tháng 10).

- *Mưa và bốc hơi*

+ Lượng mưa trung bình hàng năm trên khu vực dao động từ 1.886 + 2.700mm, số ngày mưa trung bình là 150 ngày/năm. Trong đó có 2 mùa rõ rệt: Mùa khô, ít mưa từ tháng 11 - tháng 4 và mùa mưa từ tháng 5 - tháng 10, lượng mưa trong mùa mưa chiếm 68 + 75% lượng mưa cả năm. Mưa lớn thường xuất hiện vào các tháng 8 tháng 9 và tháng 10.

+ Khu vực cũng là vùng chịu ảnh hưởng của nắng nóng và hiệu ứng Föhn khô nóng của gió mùa Tây Nam khi vượt qua dãy Trường Sơn nhiều hơn các vùng khác trong tỉnh Nghệ An nên lượng bốc hơi tương đối lớn. Lượng bốc hơi lớn nhất xuất hiện vào tháng 7, lượng bốc hơi nhỏ nhất tháng cuối mùa mưa.

- *Chế độ gió:*

Khu vực chịu tác động của hai loại hoàn lưu gió mùa đó là gió mùa mùa Đông và gió mùa mùa Hạ.

- Gió mùa mùa Đông: hướng gió thịnh hành là Đông Bắc khô và lạnh, thời kỳ giữa và cuối Đông dịch chuyển dần từ hướng Đông Bắc sang Đông Nam mang theo hơi nước từ biển vào đất liền gây hiện tượng mưa phùn rải rác vào giữa và cuối mùa đông.

- Gió mùa mùa Hạ: Hướng gió thịnh hành là hướng Tây Nam và Nam, thường bắt đầu từ giữa tháng 5, thịnh hành vào tháng 6, 7. Ngoài ra, còn có gió Đông và Đông Nam hoạt động vào ban đêm.

- *Nắng và bức xạ nhiệt*

Tổng thời gian chiếu sáng trong năm tại của khu vực thành phố Vinh dao động từ 1.420 + 1.6500 giờ/năm. Cường độ bức xạ mặt trời cực đại đạt 1.831Kcal/năm do độ dài ngày và độ cao mặt trời lớn.

* *Chế độ thủy văn/hải văn của nguồn nước tiếp nhận nước thải*

Chế độ thủy văn của sông Rào Đừng thay đổi theo mùa, lưu lượng nước trong sông đạt cực đại vào các tháng mùa mưa do lượng nước mưa được tăng cường và quá trình thấm thấu nước dưới đất cũng diễn ra với cường độ lớn cũng như lượng nước chảy đến từ các vùng khác cũng nhiều hơn, nhưng về mùa khô lưu lượng nước trên sông thường nhỏ do các nguồn cung cấp trên bị hạn chế. Nguồn cung cấp nước hàng năm cho sông Rào Đừng chủ yếu là nước mưa, nước từ sông hồ vì vậy giữa mưa trên toàn bộ lưu vực và dòng chảy của sông có mối quan hệ khá chặt chẽ, đồng thời sự biến đổi dòng chảy theo thời gian, không gian tương đối sự biến đổi của mưa.

Cũng như các nơi khác, chế độ dòng chảy phụ thuộc và chế độ mưa. Theo các chỉ tiêu phân tích mùa dòng chảy, trong năm các khu vực và vùng lân cận phân làm 2 mùa là mùa mưa và mùa kiệt. Mùa lũ bắt đầu từ tháng 5 kết thúc và tháng 10 còn mùa kiệt

bắt đầu từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau.

- Mùa lũ: từ tháng 5 đến tháng 10, tổng lượng dòng chảy chiếm từ 68,5 - 75% tổng lượng dòng chảy năm. Tháng có dòng chảy lớn nhất thường xuất hiện vào tháng 8, 3 tháng liên tục có dòng chảy lớn nhất là tháng 7, 8, 9.

- Mùa kiệt: từ tháng 9 đến tháng 4 năm sau, tổng lượng dòng chảy mùa kiệt chiếm 25 - 31,5% tổng lượng dòng chảy năm. Tháng có dòng chảy nhỏ nhất thường xuất hiện vào tháng 2, 3 tháng dòng chảy kiệt nhất là tháng 2,3,4.

Tại vị trí xả nước thải vào nguồn nước của dự án không có các trạm đo các yếu tố thủy văn, nên việc quan trắc mực nước và lưu lượng nước không được thực hiện. Tuy nhiên, để đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của phòng khám phải có các thông số về chế độ thủy văn của dòng chảy nơi tiếp nhận nước thải. Vì vậy, để có các thông số về chế độ thủy văn, nhất là lưu lượng nước trên sông Rào Đùng vào mùa kiệt chúng tôi đã dùng các phương pháp đo đạc bằng cách thả phao để tính toán lưu lượng nước của sông.

* Phương pháp thực hiện như sau:

- Điều kiện:

+ Phao đo là 1 cái chai có đựng 1 ít nước để 1 phần chai chìm.

+ Chọn đoạn sông thẳng, dòng nước chảy ổn định.

+ Thời gian thực hiện đo đạc hai lần vào tháng 2 và tháng 3 năm 2024 là các tháng của mùa kiệt của các sông suối, kênh mương trên địa bàn tỉnh Nghệ An, vào những ngày trời không mưa, lượng mực nước trên mương không có biến đổi lớn.

+ Quá trình đo đạc, quan sát tính toán dựa theo phương pháp được hướng dẫn trong Giáo trình "Đo đạc và chỉnh lý số liệu thủy văn" của Nguyễn Thanh Sơn - Đặng Quý Phương NXB Đại học Quốc gia Hà Nội 2003. Kết quả đo đạc được thực hiện 02 lần và lấy kết quả trung bình.

- Kết quả tính toán trung bình cho hai lần đo:

+ Chiều dài đoạn sông sử dụng tính toán (L): 150m.

+ Thời gian phao trôi (T): 60s.

Lưu tốc dòng chảy trên sông: $V = L/T = 150/60 = 0,25\text{m/s}$

+ Chiều rộng mặt nước sông (R1) là: 14m.

+ Chiều sâu của sông (H) là: 2m.

+ Chiều rộng của đáy (R2) là: 1m

+ Diện tích mặt cắt của sông: $S = \{(R1 + R2)/2\} \times H = \{(14\text{m} + 1\text{m})/2\} \times 2\text{m} = 15\text{m}^2$.

Từ các thông số đo đạc được ta tính được lưu lượng sông $Q = V \times S = 3,75\text{m}^3/\text{s}$, đây chính là cơ sở để đánh giá khả năng tiếp nhận nguồn nước thải của phòng khám.

- Nhận xét:

+ Lưu lượng sông Rào Đùng vào mùa kiệt là $3,75\text{m}^3/\text{s}$, có thể thấy lưu lượng là tương đối lớn.

+ Dòng chảy của sông Rào Đùng ổn định, không xảy ra hiện tượng đứt dòng.

b. Chất lượng nguồn nước tiếp nhận

** Mô tả hiện trạng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải*

Hiện trạng nguồn nước sông Rào Đùng khu vực tiếp nhận nước thải tại thời điểm khảo sát lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường: nước khá trong, không có mùi, không có rong rêu phát triển, thông thoáng. Nhìn chung, hệ thủy sinh vật rất nghèo, chỉ có sự phát triển của một số loại thủy sinh vật như phù du,... không có các hiện tượng bất thường khác.

** Đánh giá chất lượng nguồn nước khu vực tiếp nhận nước thải*

Hiện nay, cơ bản toàn bộ nước thải của thành phố Vinh của người dân, các cơ sở, công trình trên địa bàn sau khi xử lý được thu gom chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố sau đó chảy đến nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng nên các cơ sở, dự án khi lập giấy phép môi trường đều thực hiện lấy mẫu nước mặt sông Rào Đùng để đánh giá chất lượng nước của sông và khả năng tiếp nhận nguồn thải. Vì vậy, khi lập hồ sơ xin cấp giấy phép môi trường cho dự án Phòng khám, chủ dự án đã tìm hiểu và thu thập các số liệu quan trắc môi trường các đợt gần đây của sông Rào Đùng và nhận thấy chất lượng nước mặt sông Rào Đùng đạt mức B, QCVN 08-MT:2023/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

3. Hiện trạng các thành phần môi trường đất, nước, không khí nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng các thành phần môi trường khu vực thực hiện dự án, chủ dự án đã tổ chức khảo sát hiện trạng khu vực thực hiện dự án và tham khảo báo cáo hiện trạng môi trường khu vực cho thấy thành phần loài động - thực vật trong khu vực cơ bản như sau:

Khu hệ thực vật xung quanh của dự án gồm: Chủ yếu là các loại cây lâm nghiệp ngắn ngày được trồng nhiều như: mía, sắn, ngô...

Hệ động vật trên cạn, dưới nước trong khu vực dự án không có bất kỳ loài nào nằm trong danh mục sách đỏ, thường gặp nhóm lưỡng cư, bò sát có thành phần loài và số lượng cá thể khá nhiều.

Các thành phần đất nước không khí khu vực thực hiện dự án chưa có dấu hiệu bị ô nhiễm.

CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công chuẩn bị dự án

1.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Kiểm soát ô nhiễm do nước thải sinh hoạt

Do Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu thuê lại đất và công trình trên đất tại số 238A, đường Trần Phú (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) của gia đình bà Trần Thị Hải Lý. Lô đất đã được gia đình bà Lý xây dựng nhà ở cơ bản. Tuy nhiên để phù hợp cho mục đích phòng khám nên sau khi chủ dự án thuê lại, sẽ lắp đặt thiết bị máy móc để phục vụ khám chữa bệnh, lắp đặt thêm hệ thống xử lý nước thải BK500 - công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay, thì công nhân thực hiện thi công dự án sẽ sử dụng nhà vệ sinh hiện có của dự án.

b. *Nước thải từ quá trình quá trình thi công:* Không phát sinh do công nhân lắp xong sẽ rời đi khi xong việc.

1.2. Công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại

a. Chất thải rắn sinh hoạt công nhân

Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân với khối lượng lắp đặt chỉ có 4 máy móc phục vụ phòng khám, thời gian lắp đặt chỉ 1-2 ngày, công nhân không ăn uống bữa tại Phòng khám nên không phát sinh chất thải sinh hoạt từ ăn uống.

Công nhân đi vệ sinh tại nhà vệ sinh có sẵn của Chủ nhà.

b. Chất thải rắn từ quá trình lắp đặt

Phát sinh bao bóng và thùng hộp carton giấy, khối lượng khoảng 4kg, bao bóng sẽ được thu gom và tập kết tại nơi tập kết rác thải sinh hoạt hàng ngày, khoảng 17 -18h hàng ngày, đơn vị thu gom rác trên địa bàn thành phố Vinh sẽ đi thu gom và đưa đi xử lý; Khối lượng thùng giấy để đựng máy móc sẽ tập kết lại, bán phế liệu.

c. Chất thải nguy hại

- Không phát sinh

1.3. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Giảm thiểu bụi trong vận chuyển máy móc

- Xe chở máy móc từ nơi khác đến nếu bản bụi phải rửa sạch, xịt sạch trước khi chạy vào đường thành phố

- Không vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng vào giờ nghỉ trưa (11h30 đến 13h30) và ban đêm (21h đến 6h sáng) nhằm hạn chế tiếng ồn ảnh hưởng đến đời sống khu dân cư xung quanh.

b. Giảm thiểu bụi phát sinh từ lắp đặt máy móc

- Hạn chế thực hiện thi công vào giờ cao điểm từ 22h đến 5h sáng để không gây ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tham gia xây dựng.

- Sau khi khoan để lắp đặt máy móc sẽ quét dọn sạch sẽ.

1.4. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Tác động không đáng kể

1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

** Giảm thiểu tác động đến môi trường kinh tế, xã hội*

- Xây dựng, hướng dẫn, phổ biến các nội quy, quy định của công trình và kiểm tra, đơn đốc việc thực hiện các nội quy, quy định này.

- Phối hợp với chính quyền địa phương, đặc biệt trong việc thực hiện pháp luật, bảo đảm trật tự an ninh xã hội và ngăn ngừa các tệ nạn xã hội.

** An toàn lao động*

- Xác định biện pháp thi công, cung cấp vật tư.

- Quy định tốc độ tối đa đối với phương tiện vận chuyển, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án;

- Tuân thủ các quy định về an toàn lao động trong tổ chức thi công để phòng ngừa sự cố;

- Công nhân trực tiếp vận hành máy móc, thiết bị thi công phải qua đào tạo, thực hành theo các nguyên tắc vận hành và bảo trì kỹ thuật;

- Các tài liệu chỉ dẫn của các thiết bị và máy móc thi công luôn được kèm theo thiết bị máy móc. Các thông số kỹ thuật được kiểm tra thường kỳ.

** An toàn cho thiết bị*

- Thiết bị trước khi đưa vào sử dụng phải được các cơ quan chức năng kiểm định và được đăng ký sử dụng;

- Vận hành mỗi loại thiết bị, máy móc đều tuân thủ nghiêm các nguyên tắc của nhà sản xuất;

- Tất cả các thợ vận hành được qua đào tạo và được cấp giấy chứng chỉ tay nghề;

- *Đối với các thiết bị điện:*

+ Phân kim loại của thiết bị điện được nối đất bảo vệ tuân theo quy định của TCVN “Quy phạm nối đất và nối không của các thiết bị điện”.

+ Nối điện từ lưới điện vào thiết bị có cầu giao, dây cháy, tất cả các thiết bị sử dụng có vỏ che chắn an toàn.

- Đối với đường dây điện phục vụ sinh hoạt và thi công dùng cáp cách điện và giảm tối thiểu việc chạy qua thiết bị, tại vị trí làm việc được lắp dây tiếp đất và tủ điện.

- Đường dây tải điện đủ lớn và công suất để truyền tải đủ điện cho thiết bị.

- Các đầu cáp điện được cuết kín và đặt trong hòm thiếc và sau đó phủ bằng vật liệu cách điện và chống thấm.

* *Phương án phòng chống cháy nổ*

- Không được hút thuốc, đốt lửa hay hàn gần khu vực cấm lửa, khu vực có xăng dầu, thiết bị, máy móc.

- Tuân thủ các biện pháp PCCC theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các cơ quan chức năng.

2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

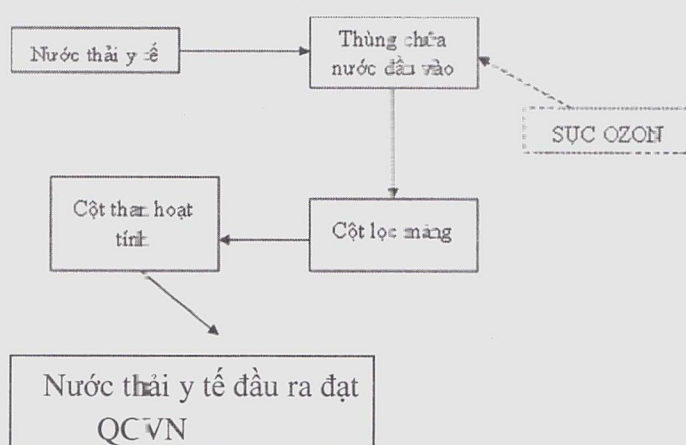
2.1. Công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Đối với nước mưa chảy tràn

Do Phòng khám chuyên khoa ca liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu thuê lại đất và công trình trên đất tại số 238A, đường Trần Phú (thửa đất số 23, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất) của gia đình bà Trần Thị Hải Lý. Lô đất đã được gia đình bà Lý xây dựng nhà ở cơ bản nên hệ thống đường ống sê nô thu gom nước mưa trên mái và mương thoát nước xung quanh đã được chủ nhà xây dựng lắp đặt từ trước. Nước mưa chảy tràn trong khu vực được thu gom bằng hệ thống mương dẫn và được dẫn qua song chắn để tách rác, sau đó chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú

b. Đối với nước thải:

Hình 4.1. Sơ đồ thu gom xử lý nước thải



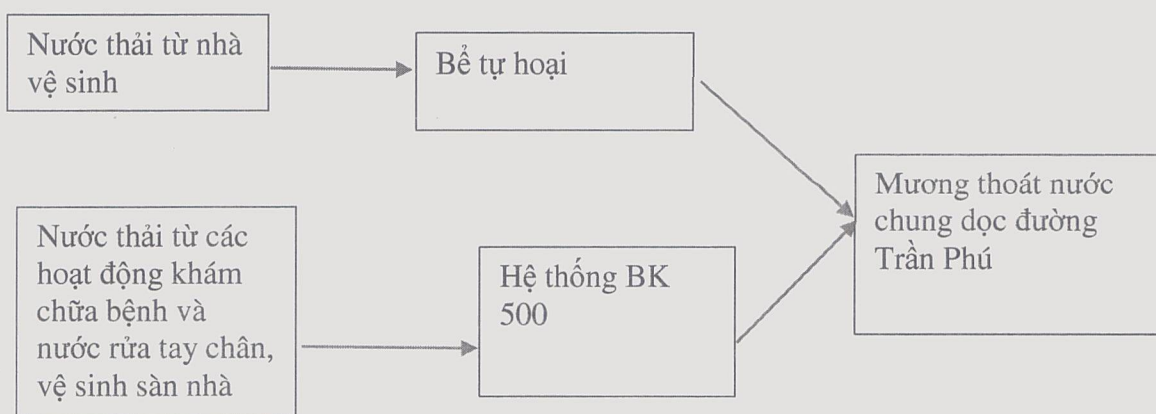
Thuyết minh Công nghệ:

Nước thải y tế được thu gom từ quá trình khám chữa bệnh, từ các labo rửa dụng cụ được chảy tự nhiên về thùng chứa nước đầu vào. Tại thùng chứa nước đầu vào nước thải được sục ozon để loại bỏ các vi khuẩn truyền nhiễm và khử N. coliform trong nước. Nước thải sau đó được bơm tăng áp bơm lên hệ lọc màng để loại bỏ các tạp chất, đồng thời xử lý hàm lượng BOD, COD trong nước. Nước thải tiếp tục được bơm đẩy lên cột lọc chứa than hoạt tính để loại bỏ các chất còn chứa lại trong nước, tạo độ trong cho nước. Nước thải sau đó theo đường thoát nước chảy ra ngoài môi trường. Nước được xử lý lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

Do hoạt động của phòng khám hoạt động với ngành nghề kinh doanh: khám chữa bệnh chuyên khoa da liễu không sử dụng nước cho hoạt động khám chữa bệnh, vệ sinh dụng cụ nên không phát sinh ra nước thải y tế. Tuy nhiên để tăng hiệu suất xử lý nước thải, từ toàn bộ dòng thải phát sinh trong phòng khám, Công ty vẫn đầu tư lắp đặt thêm hệ thống BK500 - Công nghệ được áp dụng để xử lý nước thải công suất 500l/ngày đêm. Là công nghệ xử lý bằng lõi lọc kết hợp sục ozon. Đây là công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay. Công nghệ này có ưu điểm là hiệu quả kinh tế cao, xử lý đơn giản, hiệu quả và bền. Đặc biệt, hệ thống được trang bị những thiết bị mang tính tự động hóa cao, ổn định, hiệu quả và cần ít nhân lực vận hành. Các thiết bị phục vụ vận hành hệ thống được trang bị gọn nhẹ, độ tin cậy cao và dễ dàng sử dụng. Vị trí đặt BK500 tại tầng 1, phía sau dự án, gần chỗ thoát nước thải trước khi chảy ra đường ống dài 16m và thoát ra mương chung dọc đường Trần Phú (có sơ đồ đính kèm phần phụ lục)

Do đó, nguồn thải này sẽ được xử lý sao cho nồng độ các tác nhân gây ô nhiễm cùng với số lượng các chủng vi khuẩn thấp hơn QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi thải ra môi trường.

Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của dự án khi đi vào hoạt động:



Hình 4.1. Sơ đồ thu gom xử lý nước

Nước thải của dự án được chia thành 02 dòng:

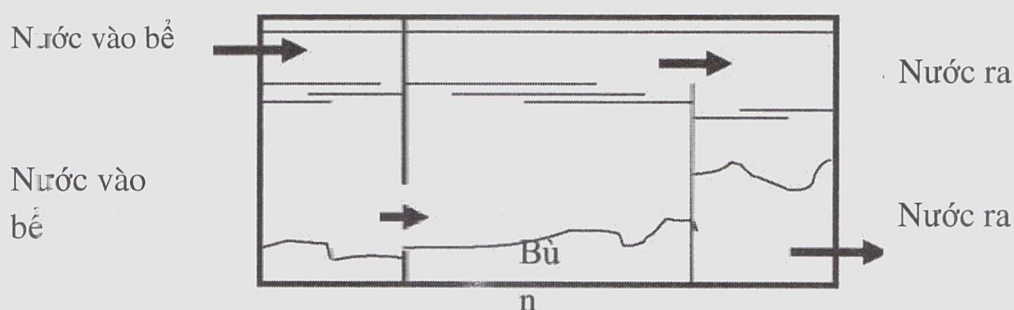
+ Dòng 1: Nước thải phát sinh từ quá trình đào thải của con người (nước thải vệ sinh từ bệ xí, bệ tiểu).

Nước thải từ bệ xí, bệ tiểu được thu gom bằng hệ thống đường ống nhựa PVC từ các nhà vệ sinh chung dẫn xuống bể tự hoại xây ngầm dưới đất để xử lý sơ bộ sau đó dẫn về chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

Do chủ dự án thuê lại nhà của người dân để mở phòng khám nên Bể tự hoại 3 ngăn đã được xây ngầm dưới đất được thiết kế theo mẫu của Viện Tiêu chuẩn hóa - Bộ Xây dựng. Dung tích $6m^3$.

Quá trình xử lý của bể tự hoại

Bể tự hoại 3 ngăn đã xây dựng là bể tự hoại đúng quy cách với các vách ngăn hướng dòng và ngăn lọc kỵ khí. Ngăn thứ 1 có vai trò chứa, ngăn thứ 2 có vai trò lắng - lên men kỵ khí, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ chất bẩn trong dòng nước thải vào. Nhờ các vách ngăn hướng dòng mà nước thải chuyển động theo chiều từ dưới lên, tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí trong lớp bùn, các chất bẩn được các vi sinh vật hấp thụ và chuyển hoá thành CO_2 , H_2O , CH_4 , H_2S ... Ngăn thứ 3 có vai trò lắng các chất cặn bẩn. Thời gian lưu bùn trong bể từ 3 - 6 tháng, thời gian lưu nước từ 3-4 ngày đảm bảo hiệu quả xử lý chất lơ lửng đạt 65-70%, BOD_5 đạt 60-65% sau đó nước thải được chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.



Hình 4.2. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của bể tự hoại

+ Dòng 2: Nước thải phát sinh từ quá trình khám chữa bệnh, hoạt động rửa chân tay, lau dọn sàn nhà... được thu gom chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú chảy về hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố trước khi chảy ra nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

Do chủ dự án thuê lại nhà của người dân để mở phòng khám nên các nhà vệ sinh đã được chủ nhà lắp đặt đường ống thu gom và xây dựng Bể tự hoại 3 ngăn đã được xây ngầm dưới đất có dung tích khoảng $6m^3$. Vì vậy, chủ dự án sẽ sử dụng các hệ thống thu gom, bể tự hoại để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt đã có.

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

a. Đối với bụi và khí thải từ hoạt động giao thông

Ảnh hưởng từ phương tiện giao thông trong quá trình hoạt động của phòng khám đến môi trường không khí xung quanh là không đáng kể. Tuy nhiên, để góp phần giảm thiểu ô nhiễm, tránh ảnh hưởng đến người dân xung quanh, chủ dự án sẽ tăng khoảng xanh trong diện tích không gian mở của phòng khám.

b. Đối với mùi từ hoạt động khám chữa bệnh

- Để giảm thiểu ảnh hưởng mùi của các dung môi hữu cơ, chất tẩy rửa, chất khử trùng,... đồng thời làm thông thoáng cho các khu vực khám và điều trị, hạn chế lây lan bệnh tật, hệ thống điều hoà và thông gió phải được thực hiện theo các biện pháp sau:

+ Phòng bệnh, phòng khám cũng được trang bị hệ thống quạt trần thông gió làm giảm nhanh nồng độ các chất sát trùng.

+ Khu vệ sinh được lắp đặt các quạt hút gió.

+ Phòng được vệ sinh bằng các dung dịch khử trùng hàng ngày.

- Mùi hôi được khắc phục bằng các biện pháp tổng hợp như sau:

+ Thường xuyên vệ sinh sạch sẽ các khu vực vệ sinh tại phòng khám, chữa bệnh. Sử dụng O₃ và các dung dịch tẩy rửa có hương liệu.

+ Tổ chức thu gom rác thải liên tục không để tàng trữ trong các phòng.

+ Xử lý nước thải nhằm làm tăng khả năng thoát nước nhanh, không gây phân hủy chất hữu cơ trong thời gian lưu trữ trong cống thoát.

2.3. Công trình, biện pháp xử lý chất thải rắn

Khối lượng chất thải rắn phát sinh từ hoạt động của phòng khám dự kiến như sau:

Bảng 4.1. Bảng tổng hợp khối lượng chất thải rắn

STT	Tên chất thải	Khối lượng	Ký hiệu phân loại	Mã chất thải
I	Chất thải rắn thông thường	35 kg/tháng		
II	Chất thải rắn nguy hại	7,2 kg/tháng		
1	Pin, ắc quy thải	0,2 kg/tháng	NH	16 01 12
2	Chất thải lây nhiễm từ quá trình khám bệnh, điều trị, phòng bệnh ở người	5 kg/tháng	NH	13 01 01
3	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	3 kg/tháng	KS	13 01 02

Thực hiện quản lý chất thải rắn theo Thông tư 20/2021/TT-BYT quy định quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên phòng khám cụ thể như sau:

2.3.1. Bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế

- Bao bì (túi), thùng, thiết bị lưu chứa chất thải y tế phải bảo đảm lưu chứa an toàn chất thải, có khả năng chống thấm, chống rò rỉ và có kích thước phù hợp với lượng chất thải lưu chứa. Trên bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có tên loại chất thải lưu chứa và biểu tượng.

- Màu sắc của bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải y tế theo quy định như sau:

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen:

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

+ Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng thủng;

+ Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải phải có nắp đóng, mở thuận tiện trong quá trình sử dụng, có thể tái sử dụng sau khi đã được làm sạch và khử khuẩn.

- Dụng cụ đựng chất thải sắc nhọn phải có thành, đáy cứng, kháng thủng, miệng thùng, dụng cụ được thiết kế an toàn tránh tràn đổ, rơi vãi chất thải ra bên ngoài.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải lây nhiễm phải có nắp đậy kín và chống được sự xâm nhập của các loài động vật.

- Dụng cụ, thiết bị lưu chứa hóa chất phải được làm bằng vật liệu không có phản ứng với chất thải lưu chứa và có khả năng chống được sự ăn mòn nếu lưu chứa chất thải có tính ăn mòn.

- Dụng cụ lưu chứa chất thải nguy hại dạng lỏng phải có nắp đậy kín chống bay hơi, tràn đổ.

- Bao bì, dụng cụ đựng chất thải y tế xử lý bằng phương pháp đốt thì không sử dụng vật liệu làm bằng nhựa PVC.

- Chủ dự án bố trí 9 thùng loại 15 lít, 03 bình hủy kim loại 06 lít

2.3.2. Phân loại chất thải y tế

- Nguyên tắc phân loại chất thải y tế:

+ Chất thải y tế phải phân loại để quản lý ngay tại nơi phát sinh và tại thời điểm phát sinh;

+ Từng loại chất thải y tế phải phân loại riêng vào trong bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa chất thải theo quy định. Trường hợp các chất thải y tế nguy hại không có khả năng phản ứng, tương tác với nhau và áp dụng cùng một phương pháp xử lý có thể được phân

loại chung vào cùng một bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa (trừ chất thải lây nhiễm sắc nhọn);

+ Trường hợp chất thải lây nhiễm để lẫn với chất thải khác thì hỗn hợp chất thải đó phải thu gom, lưu giữ và xử lý như chất thải lây nhiễm và tiếp tục thực hiện quản lý theo tính chất của chất thải sau xử lý.

- Vị trí đặt bao bì, dụng cụ phân loại chất thải:

+ Tại các phòng, bộ phận: bố trí vị trí phù hợp, an toàn để đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa để phân loại chất thải y tế;

+ Tại vị trí đặt bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phải có hướng dẫn cách phân loại và thu gom chất thải.

- Phân loại chất thải lây nhiễm:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: bỏ vào trong thùng hoặc hộp kháng trùng và có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: bỏ vào trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải giải phẫu: bỏ vào trong 2 lần túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong túi kín hoặc dụng cụ lưu chứa chất lỏng và có nắp đậy kín.

- Phân loại chất thải nguy hại không lây nhiễm:

+ Chất thải nguy hại phải được phân loại theo mã chất thải nguy hại để lưu giữ trong các bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa phù hợp. Được sử dụng chung bao bì, dụng cụ, thiết bị lưu chứa đối với các chất thải nguy hại có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp;

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm ở dạng rắn: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu đen;

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: chứa trong dụng cụ lưu chứa chất lỏng có nắp đậy kín, có mã, tên loại chất thải lưu chứa.

- Phân loại chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu xanh. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng trùng;

+ Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: đựng trong túi hoặc thùng hoặc thùng có lót túi và có màu trắng.

+ Phân loại chất thải lỏng không nguy hại: chứa trong dụng cụ đựng chất thải lỏng có nắp đậy kín, có tên loại chất thải lưu chứa.

2.3.3. Thu gom chất thải y tế

- Thu gom chất thải lây nhiễm:
- + Quy định luồng đi và thời điểm thu gom chất thải lây nhiễm phù hợp để hạn chế ảnh hưởng trong phòng khám;
- + Dụng cụ thu gom chất thải phải bảo đảm kín, không rò rỉ dịch thải trong quá trình thu gom;
- + Chất thải lây nhiễm phải thu gom riêng từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong phòng khám. Trước khi thu gom, túi đựng chất thải phải buộc kín miệng, thùng đựng chất thải phải có nắp đậy kín;
- + Tần suất thu gom chất thải lây nhiễm từ nơi phát sinh về khu vực lưu giữ chất thải trong khuôn viên phòng khám tối thiểu một lần một ngày
- Thu gom chất thải nguy hại không lây nhiễm:
- + Chất thải nguy hại không lây nhiễm được thu gom, lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải trong phòng khám;
- + Thiết bị y tế bị vỡ, hỏng, đã qua sử dụng thải bỏ có chứa thủy ngân được thu gom và lưu giữ riêng trong các hộp bằng nhựa hoặc các vật liệu phù hợp, bảo đảm không bị rò rỉ, phát tán hơi thủy ngân ra môi trường.
- Thu gom chất thải rắn thông thường: chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng.
- Thu gom chất thải lỏng không nguy hại: chất thải lỏng không nguy hại được thu gom vào hệ thống thu gom nước thải của phòng khám và quản lý theo quy định về quản lý nước thải y tế.
- Khí thải phải được xử lý, loại bỏ các vi sinh vật gây bệnh trước khi xả ra môi trường xung quanh.

2.3.4. Lưu giữ chất thải y tế

- Chủ dự án bố trí khu vực lưu giữ chất thải y tế tại phòng chứa rác ở phía dưới tầng bán hầm, diện tích khoảng 2m² đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định;
- Từng loại chất thải phải được lưu giữ riêng tại khu vực lưu giữ chất thải tạm thời trong khuôn viên phòng khám, trừ trường hợp các loại chất thải này có cùng tính chất, không có khả năng gây phản ứng, tương tác lẫn nhau và có khả năng xử lý bằng cùng một phương pháp.
- Thời gian lưu giữ chất thải lây nhiễm:
- + Thời gian lưu giữ không quá 02 ngày trong điều kiện bình thường. Trường hợp lưu giữ chất thải lây nhiễm trong thiết bị bảo quản lạnh ở nhiệt độ dưới 8°C, thời gian lưu giữ tối đa không quá 07 ngày;
- + Thời gian lưu giữ chất thải nguy hại không lây nhiễm: thời gian lưu giữ không quá 01 năm kể từ thời điểm phát sinh chất thải.

2.3.5. Giảm thiểu chất thải y tế

- Mua sắm, lắp đặt, sử dụng vật tư, thiết bị, dụng cụ, thuốc, hóa chất và các nguyên, vật liệu phù hợp với nhu cầu sử dụng.

- Đổi mới thiết bị, quy trình trong hoạt động chuyên môn y tế và các biện pháp khác để giảm thiểu phát sinh chất thải y tế.

- Có biện pháp, lộ trình và thực hiện hạn chế sử dụng sản phẩm nhựa sử dụng một lần, túi ni lông khó phân huỷ nhằm giảm thiểu phát sinh chất thải nhựa.

- Phân loại chất thải nhựa để tái chế hoặc xử lý theo quy định của pháp luật.

2.3.6. Chuyển giao chất thải y tế

- Chất thải y tế nguy hại phải được chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý CTNH để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định, cụ thể là Công ty Cổ phần xử lý, Tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình (có hợp đồng đính kèm)

- Chất thải rắn thông thường được chuyển giao cho đơn vị có chức năng phù hợp để vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn, độ rung, Chủ dự án thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thời gian hoạt động của mình. Thường xuyên bảo dưỡng và thay thế các máy móc, thiết bị bị hỏng.

Tổ chức hệ thống quản lý chặt chẽ đề ra các quy định đối với nhân viên, khách hàng không la hét, không tụ tập đông người.

2.5. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành

a. Phòng ngừa, ứng cứu sự cố cháy nổ

- Trong khu vực dự án sẽ bố trí các bình chữa cháy, họng chữa cháy. Các phương tiện phòng cháy, chữa cháy, được trang bị đầy đủ và đã được công an PCCC cấp giấy xác nhận.

- Hệ thống điện bao gồm các cầu dao sẽ được tổ chức phân bố hợp lý.

- Ngăn ngừa sự cố rò rỉ nhiên liệu, dầu... từ thùng chứa, máy móc và thiết bị;

- Phân bố hợp lý các thiết bị như thiết bị chống cháy. Những thiết bị này luôn luôn được kiểm tra và đặt tại các vị trí dễ dàng được nhận thấy và sử dụng;

- Chủ dự án liên hệ chặt chẽ với lực lượng phòng cháy chữa cháy của tỉnh. Lập phương án chữa cháy, thực hiện công tác diễn tập phòng cháy chữa cháy 1 năm/lần với sự tham gia của các cơ quan chức năng.

- Công nhân và nhân viên trong chủ dự án sẽ được trang bị kiến thức về phòng cháy chữa cháy và có nhiệm vụ tổ chức ngăn ngừa. Những điều sau đây thật sự cần thiết:

+ Tổ chức một đội cứu hỏa nội bộ và giới thiệu kỹ thuật phòng cháy chữa cháy cho tất cả các thành viên trong đội. Họ luôn được huấn luyện và kiểm tra về kỹ thuật phòng cháy chữa cháy;

+ Giáo dục và giới thiệu luật phòng cháy chữa cháy cho tất cả công nhân và nhân viên của chủ dự án với sự công tác của nhóm chuyên gia về phòng cháy chữa cháy;

- Biện pháp xử lý sự cố cháy nổ:

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, Chủ dự án tiến hành các biện pháp sau:

+ Khi nghe tín hiệu cháy, di tản người ra khỏi khu vực sự cố và tập trung tại khu vực quy định;

+ Cô lập nguồn nhiên liệu gây cháy, nguồn tỏa nhiệt;

+ Triển khai các đội cứu hỏa hoặc kêu gọi sự trợ giúp từ bên ngoài (đội cứu hỏa của địa phương, Công an PCCC.);

b. Phòng chống thiên tai, bão lụt

Hàng năm, khu vực thường gặp các rủi ro do thiên tai như: mưa bão, lũ quét, áp thấp nhiệt đới. Các biện pháp được thực hiện để giảm thiểu các tác động như sau:

- Thiết kế các hệ thống thoát nước đảm bảo được khả năng tiêu thoát nước tốt nhất, chống chảy tràn ra môi trường xung quanh trong mùa mưa bão.

- Các hạng mục công trình xây dựng phải được tính toán sức chống chịu tốt trước tác động của gió bão.

- Theo dõi thường xuyên thông tin dự báo thời tiết và thông báo đến từng cán bộ, nhân viên.

- Thành lập và duy trì có hoạt động của đội cứu hộ, trực chống mưa bão, đồng thời phối hợp với lực lượng phòng chống thiên tai địa phương trong những lúc cần thiết.

c. Giảm thiểu sự cố sét đánh

Để giảm thiểu sự cố sét đánh cần áp dụng các biện pháp chống sét đánh thẳng vào công trình và chống sét đánh lan truyền qua đường dây và các thiết bị dẫn điện.

- Để chống sét đánh thẳng vào tòa nhà lắp đặt thiết bị chống sét với các kim thu sét, các kim thu sét được nối với hệ thống dẫn điện thành mạng lưới, từ hệ thống đó dòng sét được dẫn xuống đất thông qua hệ thống tiếp địa (cọc đồng).

d. Sự cố hệ thống xử lý nước thải

Trong quá trình vận hành Hệ thống BK500 xử lý nước thải có thể xảy ra sự cố như sau: Khi xảy ra sự cố chập điện, máy bơm không hoạt động. Khóa van đầu vào, mở van tự chảy để đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của phòng khám. Gọi ngay cho đơn vị thi công đến khắc phục và sửa chữa sự cố (Nguồn: báo cáo thuyết minh công nghệ BK500 có đính kèm)

3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

3.1. Danh mục, kế hoạch xây lắp các công trình xử lý chất thải, bảo vệ môi trường, thiết bị quan trắc nước thải, khí thải tự động, liên tục

Danh mục các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 4.2. Danh mục công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
I. Giai đoạn thi công xây dựng		
1.1	Nước thải	
	Nước thải sinh hoạt	- Sử dụng nhà vệ sinh hiện có
1.2	Bụi, khí thải	- Lập phương án thi công hợp lý, tiến hành thi công đồng bộ. Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc.
1.3	Chất thải rắn	- Bố trí các thùng rác đúng quy định để thu gom chất thải sinh hoạt - Chất thải có thể tái chế được thu gom, bán phế liệu. - Chất thải không thể tái chế sẽ được đơn vị thu gom của thành phố thu gom, xử lý

TT	Chất thải phát sinh	Biện pháp thực hiện
II. Giai đoạn hoạt động		
2.1	Nước thải	- Bể tự hoại hiện có - Hệ thống BK500
2.2	Nước mưa	- Hệ thống thoát nước mưa đã có.
2.3	Chất thải rắn	- Bố trí nhân viên vệ sinh quét dọn và thu gom rác thải hàng ngày. - Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, đổ thải và xử lý chất thải theo đúng quy định. - Chất thải nguy hại được thu gom và xử lý theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT, kí hợp đồng với Công ty Cổ phần xử lý, Tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình

3.2. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

Như đã trình bày tại mục 4.3.1, trong giai đoạn đi vào hoạt động, chủ dự án sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp xử lý ô nhiễm môi trường, khống chế và phòng ngừa các sự cố ô nhiễm môi trường xảy ra. Cụ thể các công trình xử lý môi trường như sau:

- Công trình xử lý nước thải:

+ Sử dụng hệ thống thu gom, thoát nước thải và nước mưa đã có; Hệ thống BK 500.

- Chất thải rắn:

+ Đầu tư các thùng chứa rác sinh hoạt và rác nguy hại;

+ Kí Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn nguy hại

Bảng 4.3. Kế hoạch thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

STT	Hạng mục	Số lượng	Đơn vị	Tiến độ
I	Công trình xử lý nước			
1	Mương thoát nước mưa	01	Hệ thống	Hoàn thành trước tháng 1/2025
2	Nhà vệ sinh	01	Nhà	
3	Bể tự hoại	01	Bể	
II	Công trình thu gom, xử lý chất thải rắn			
1	Thùng rác thông thường	7 thùng loại 15l		Hoàn thành trước tháng 1/2025
2	Thùng rác nguy hại	03 02	Thùng 6 l Thùng 15 lít	
3	Hợp đồng xử lý chất thải nguy hại	01	HĐ	
4	Hợp đồng xử lý CTR thông thường	01	HĐ	

3.3. Kế hoạch tổ chức thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường khác.

Dự toán kinh phí thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn xây dựng và vận hành, cụ thể ở bảng sau:

Bảng 4.4. Bảng tóm tắt kinh phí các biện pháp bảo vệ môi trường

TT	Các biện pháp BVMT	Dự toán (đồng)
Giai đoạn triển khai thi công lắp đặt		
1	- Vệ sinh mặt bằng cuối ngày làm việc	3.000.000
2	- Thu gom, đổ thải đúng quy định	1.000.000
3	- Thuê công nhân lắp đặt	3.000.000
Giai đoạn vận hành		
4	- Trang bị các thùng rác. - Xây dựng kho đựng rác chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại. - Hợp đồng với các đơn vị chức năng để vận chuyển xử lý.	20.000.000

3.4. Tổ chức, bộ máy quản lý, vận hành các công trình bảo vệ môi trường.

- Trong giai đoạn thi công xây dựng:

Chủ dự án trực tiếp quản lý dự án từ giai đoạn lắp đặt máy móc cho đến khi đi vào hoạt động. Giám sát các nhà thầu về các công tác bảo vệ môi trường. Bắt buộc các nhà thầu thực hiện đúng và đủ công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công dự án.

- Trong giai đoạn hoạt động:

Chủ đầu tư quản lý điều hành, thuê cán bộ chuyên trách về công tác bảo vệ môi trường để quản lý vận hành.

+ Đảm bảo công tác thu gom, quét dọn, vệ sinh khuôn viên dự án

+ Vận hành hệ thống thoát nước mưa, nước thải;

+ Thực hiện phân loại, thu gom chất thải phát sinh;

+ Giám sát hoạt động các công trình bảo vệ môi trường để phát hiện sự cố và khắc phục các sự cố xảy ra.

+ Theo dõi quá trình thu gom, quản lý chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt, phát sinh.

- Thực hiện các nhiệm vụ khác liên quan đến BVMT.

4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Công cụ và các phương pháp được sử dụng để lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép

môi trường, đây là các phương pháp phổ biến nhằm đánh giá đầy đủ, chính xác, khoa học và khách quan về các tác động có thể xảy ra trong từng giai đoạn, cho từng đối tượng. Độ chính xác và tin cậy của các phương pháp này là khá cao.

Việc đánh giá tác động được nêu ra trên cơ sở tham khảo nhiều nguồn tài liệu, sử dụng các phương pháp lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường đã được áp dụng rộng rãi ở Việt Nam kết hợp với việc đi khảo sát thực tế, điều tra,... Do đó, mức độ tin cậy của các đánh giá là đảm bảo.

Chúng tôi dựa vào một số tài liệu và định tính về các khả năng, xác suất lan truyền ô nhiễm để đánh giá tác động đến môi trường tự nhiên và kinh tế xã hội khi xây dựng dự án cũng như khi dự án đi vào hoạt động nên độ tin cậy chỉ ở mức độ tương đối.

Đội ngũ tham gia lập báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường là các thành viên đã được đào tạo chuyên môn về lĩnh vực môi trường, xây dựng; đã có kinh nghiệm nhiều năm làm các hồ sơ môi trường. Do đó những dự báo, đánh giá đưa ra khá đầy đủ, mang tính thực tế và độ tin cậy cao.

Các phương pháp được sử dụng để đánh giá và mức độ tin cậy từng phương pháp được tóm tắt ở bảng sau:

Bảng 4.5. Mức độ tin cậy của các đánh giá, dự báo

TT	Phương pháp	Mức độ tin cậy	Nguyên nhân
1	Phương pháp thống kê.	Cao	Thu thập và xử lý các số liệu về điều kiện khí tượng, thủy văn, kinh tế xã hội tại khu vực dự án.
2	Phương pháp nghiên cứu khảo sát hiện trường.	Cao	Có tính thực tiễn cao và đánh giá đúng bản chất tác động của dự án
3	Phương pháp lấy mẫu	Cao	Phương pháp + dụng cụ + nhân lực đáng tin cậy.

4	Phương pháp điều tra xã hội học.	Cao	Có tính chất thực tiễn và cụ thể với dự án.
5	Phương pháp đánh giá nhanh theo hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), 1993.	Trung bình	Dựa vào hệ số ô nhiễm do WHO thiết lập nên chưa thật phù hợp với điều kiện Việt Nam.
6	Phương pháp so sánh, đối chứng.	Cao	So sánh với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường Việt Nam hiện hành.
7	Phương pháp phân tích	Cao	Phương pháp phân tích thực hiện theo các công tư, tiêu chuẩn.

CHƯƠNG V. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

a. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải từ nhà vệ sinh (nước thải từ bể phốt, bể tiêu)
- Nước thải từ các hoạt động sinh hoạt khác như vệ sinh chân tay của nhân viên sau khi làm việc, lau sàn nhà...

b. Lưu lượng xả tối đa

Lượng nước cấp cần cung cấp cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên, khách đến khám chữa bệnh, vệ sinh sàn nhà của dự án là $0,525\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Do đó lưu lượng xả thải tối đa đề nghị cấp phép của cả phòng khám là $0,525\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

c. Dòng nước thải

Dòng nước thải sau xử lý bao gồm:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn sau đó chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú chảy đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý trước khi chảy đến nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng

+ Nước thải sinh hoạt từ vệ sinh tay chân, nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh, vệ sinh dụng cụ, lau sàn được thu gom toàn bộ về hệ thống BK500, sau khi xử lý chảy ra ống ga thoát sàn, sau đó theo đường ống chảy ra mương phía sau dự án rồi tiếp tục chảy mương thoát nước chung phía trước dự án của thành phố dọc đường Trần Phú chảy đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý trước khi chảy đến nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

d. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn các chất ô nhiễm theo dòng nước thải

Giá trị tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải trước khi xả thải ra nguồn tiếp nhận không vượt quá giá trị C_{\max} , cột B của QCVN 14:2008/BTNMT, hệ số $K = 1,2$, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt, cụ thể như sau:

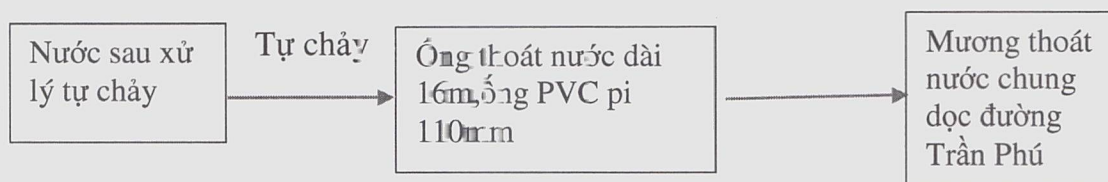
Bảng 5.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT, cột B	Giá trị giới hạn cho phép QCVN 14:2008/BTNMT cột B, C_{\max} , $K = 1,2$	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động liên tục
1	pH	-	5-9	5-9		

2	BOD ₅	mg/l	50	60	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động liên tục
3	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000	1.200		
4	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	12		
5	Nitrat	mg/l	50	60		
6	Photphat	mg/l	10	12		
7	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100	120		
8	Colifom	MPN/100ml	5.000	5.000		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	10	10		

e. Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải

- Mô tả hệ thống dẫn xả nước thải ra nguồn tiếp nhận:



Hình 5.1. Sơ đồ dẫn nước thải sau khi xử lý ra nguồn tiếp nhận

- Hệ thống xả: Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn quy định từ hệ thống xử lý nước thải rồi theo ống PVC pi 110, có chiều dài 24m chảy ra mương thoát nước chung của thành phố dọc đường Trần Phú chảy đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của thành phố để xử lý trước khi chảy đến nguồn tiếp nhận là sông Rào Đùng.

- Phương thức xả nước thải: tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục, 24/24 giờ.
- Lưu lượng nước xả thải lớn nhất: 0,525 m³/ngày.đêm.
- Tọa độ xả thải: X(m) = 2054794; Y(m) = 597910
- Chất lượng nước thải đề nghị cấp phép xả thải: Chất lượng nước thải được xử lý đạt Quy chuẩn cho phép trước khi xả thải - theo QCVN 14:2008/BTNMT cột B (trong đó $C_{max} = C \times K, K=1,2$).

2. Tiếng ồn, độ rung

2.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1: từ hoạt động khám chữa bệnh của phòng khám;
- Nguồn số 2: từ phương tiện giao thông ra vào phòng khám;

2.2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Vị trí số 1: từ hoạt động khám chữa bệnh;
- Vị trí tiếng ồn từ hoạt động khám chữa bệnh trong phòng khám (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiều 3°): $X(m) = 2064791$; $Y(m) = 597914$;
- Vị trí phát sinh tiếng ồn từ phương tiện giao thông, hoạt động trong khu vực dự án không có vị trí cố định.

2.3. Tiếng ồn, độ rung phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT — Quy chuẩn kỹ thuật kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 5.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường
2	55	45	-	Khu vực đặc biệt

QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - giá trị giới hạn tối đa các mức tiếng ồn tại khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

Bảng 5.3. Giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		X Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	50	Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ	Khu vực thông thường
2	60	55	-	Khu vực đặc biệt

QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung - giá trị giới hạn tối đa cho phép mức gia tốc rung tại các khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc tại khu vực có con người sinh sống, hoạt động và làm việc.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

- + Sử dụng máy có chất lượng cao, máy chạy êm;
- + Lắp đặt đệm cao su chống rung đối với các thiết bị máy móc;
- + Dừng các thiết bị máy móc hoạt động vào giờ nghỉ trưa (11h30p - 13h30p) và ban đêm (20h - 6h sáng);
- + Lắp đặt hệ thống quạt thông gió tại các phòng để tạo môi trường thông thoáng cho nhân viên và bệnh nhân.

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian dự kiến vận hành ổn định hệ thống xử lý nước thải của dự án trước tháng 02/2025.

- Công suất dự kiến khi kết thúc vận hành đạt khoảng 0,525m³/ngày.đêm.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Theo quy định tại khoản 5 Điều 21, Thông tư số 02/2022/BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, đối với dự án không thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này (dự án quy định tại Cột 3 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ), việc quan trắc chất thải do chủ dự án đầu tư, cơ sở tự quyết định nhưng phải đảm bảo quan trắc ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định các công trình xử lý chất thải. Trên cơ sở đó, chủ đầu tư lập kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của bể phốt như sau:

Bảng 6.1. Dự kiến kế hoạch lấy mẫu

Lần đo đạc, 1.Á X lấy mẫu phân tích	Ngày lấy mẫu dự kiến	Thông tin lấy mẫu		Thông số phân tích
		Vị trí lấy mẫu	Loại mẫu	
GIẢI ĐOẠN ỔN ĐỊNH HIỆU CHỈNH				
Lần thứ 1	20/4/2025	Đầu ra tại điểm giao nhau của mương thu gom trước khi thoát vào mương thành phố	Mẫu đơn	nhiệt độ, pH, Màu, BOD5, chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Sunfua, Amoni (tính theo N), Tổng N, Coliform
Lần thứ 2	21/04/2025	Đầu ra tại điểm giao nhau của mương thu gom trước khi thoát vào mương thành phố	Mẫu đơn	
Lần thứ 3	22/04/2025	Đầu ra tại điểm giao nhau của mương thu gom trước khi thoát vào mương thành phố	Mẫu đơn	
Quy chuẩn kỹ thuật về chất thải được áp dụng		QCVN 14:2008/BTNMT (cột B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt		

2. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

Theo điều 97, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP dự án này không phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Chủ dự án cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường đối với dự án Phòng khám chuyên khoa da liễu trực thuộc công ty TNHH CKTM da liễu tại số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Công ty TNHH CKTM da liễu cam kết:

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp xử lý chất thải, giảm thiểu tác động khác đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường:

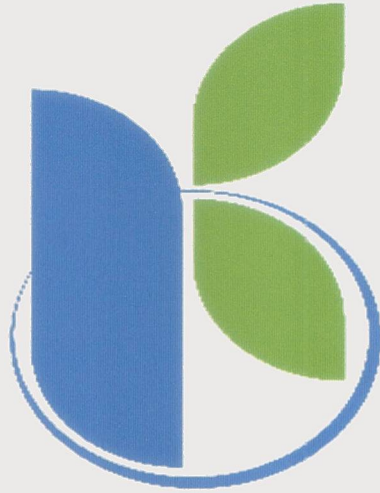
+ Môi trường nước: Nước thải sau khi xử lý đảm bảo QCVN 14:2008/BTNMT (cột B) trước khi đầu nối vào hệ thống mương thoát nước của khu vực.

+ Chất thải rắn: ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và vận chuyển đến nơi đổ thải quy định.

+ Chất thải nguy hại: chuyển giao cho đơn vị có đủ chức năng xử lý CTNH để định kỳ vận chuyển đi xử lý theo quy định, cụ thể là Công ty Cổ phần xử lý, Tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.

Công ty TNHH CKTM da liễu cam kết hoàn thành các hạng mục công trình xử lý môi trường trước khi đi vào hoạt động và cam kết đảm bảo đạt tiêu chuẩn môi trường. Chủ dự án cam kết trang bị đầy đủ và đào tạo cán bộ công nhân về phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động để công nhân có điều kiện làm việc an toàn nhất. Chủ dự án cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam nếu vi phạm các công ước quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam và để xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường

**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA**

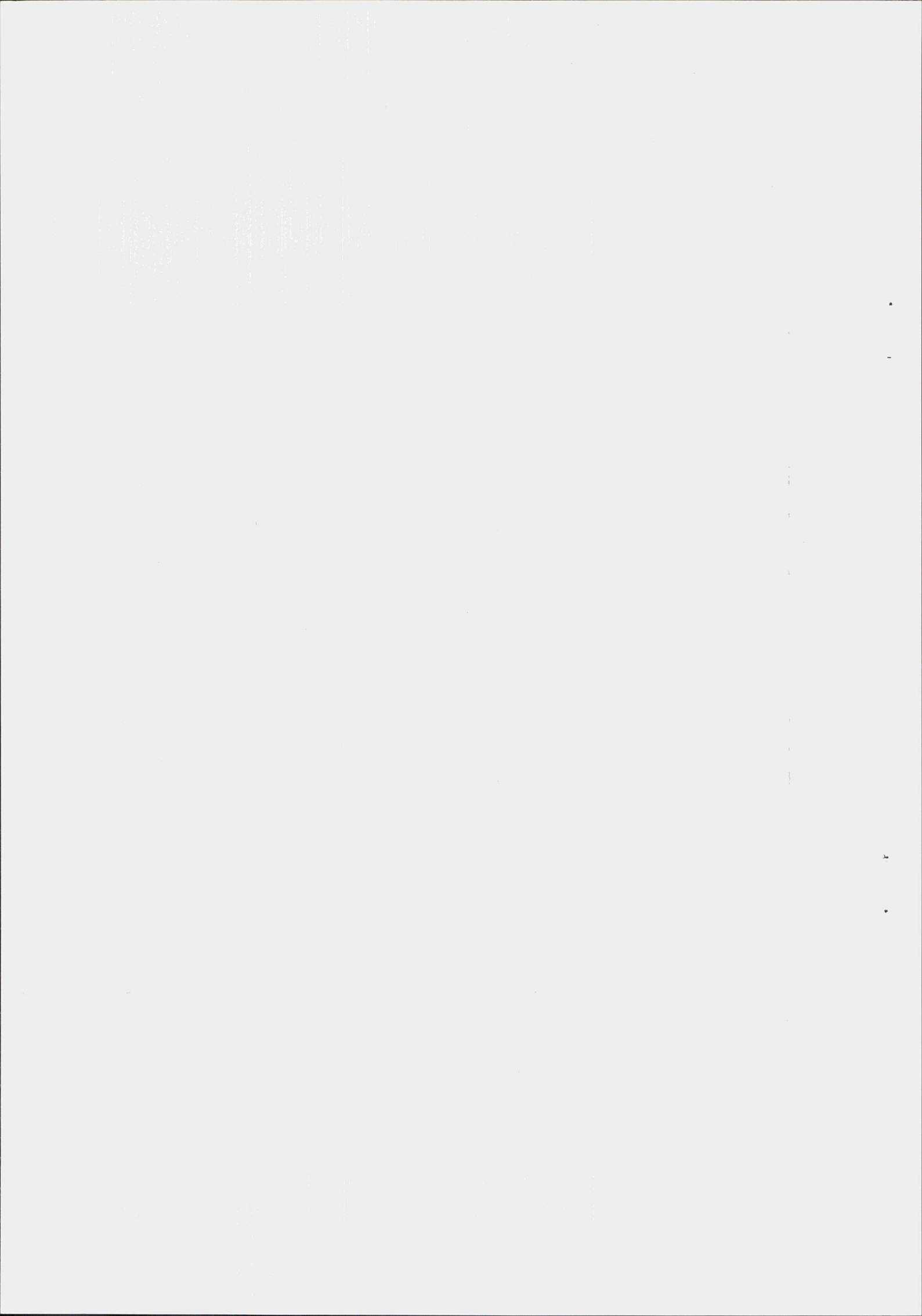


BACH KHOA

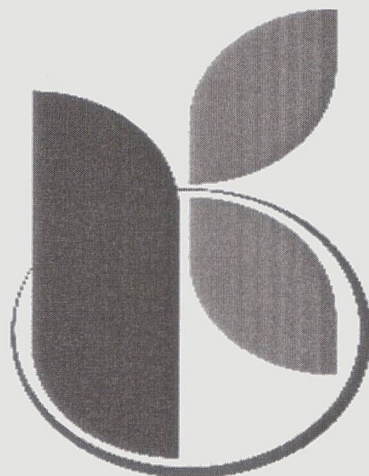
ENVIRONMENT & LIFE SCIENCE

**THUYẾT MINH VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 500L/NGÀY ĐÊM**

Hà Nội, năm 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA**



BACH KHOA
ENVIRONMENT & LIFE SCIENCE

**THUYẾT MINH VẬN HÀNH HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI
CÔNG SUẤT: 500L/NGÀY ĐÊM**

Hà Nội, năm 2023

HƯỚNG DẪN VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

GIỚI THIỆU CHUNG VỀ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1.1. CÔNG NGHỆ ĐƯỢC ÁP DỤNG

Công nghệ được áp dụng để xử lý nước thải công suất 500l/ngày đêm. Là công nghệ xử lý bằng lõi lọc kết hợp sục ozon. Đây là công nghệ tiên tiến thường dùng xử lý nước thải y tế ở các phòng khám tư nhân hiện nay. Công nghệ này có ưu điểm là hiệu quả kinh tế cao, xử lý đơn giản, hiệu quả và bền.

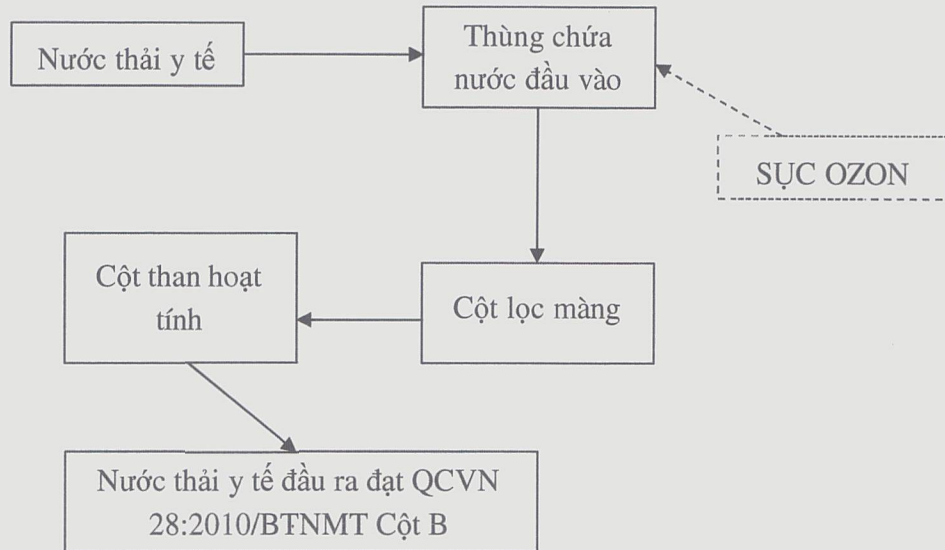
Đặc biệt, hệ thống được trang bị những thiết bị mang tính tự động hóa cao, ổn định, hiệu quả và cần ít nhân lực vận hành.

Các thiết bị phục vụ vận hành hệ thống được trang bị gọn nhẹ, độ tin cậy cao và dễ dàng sử dụng.

1.2. NGUYÊN LÝ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG

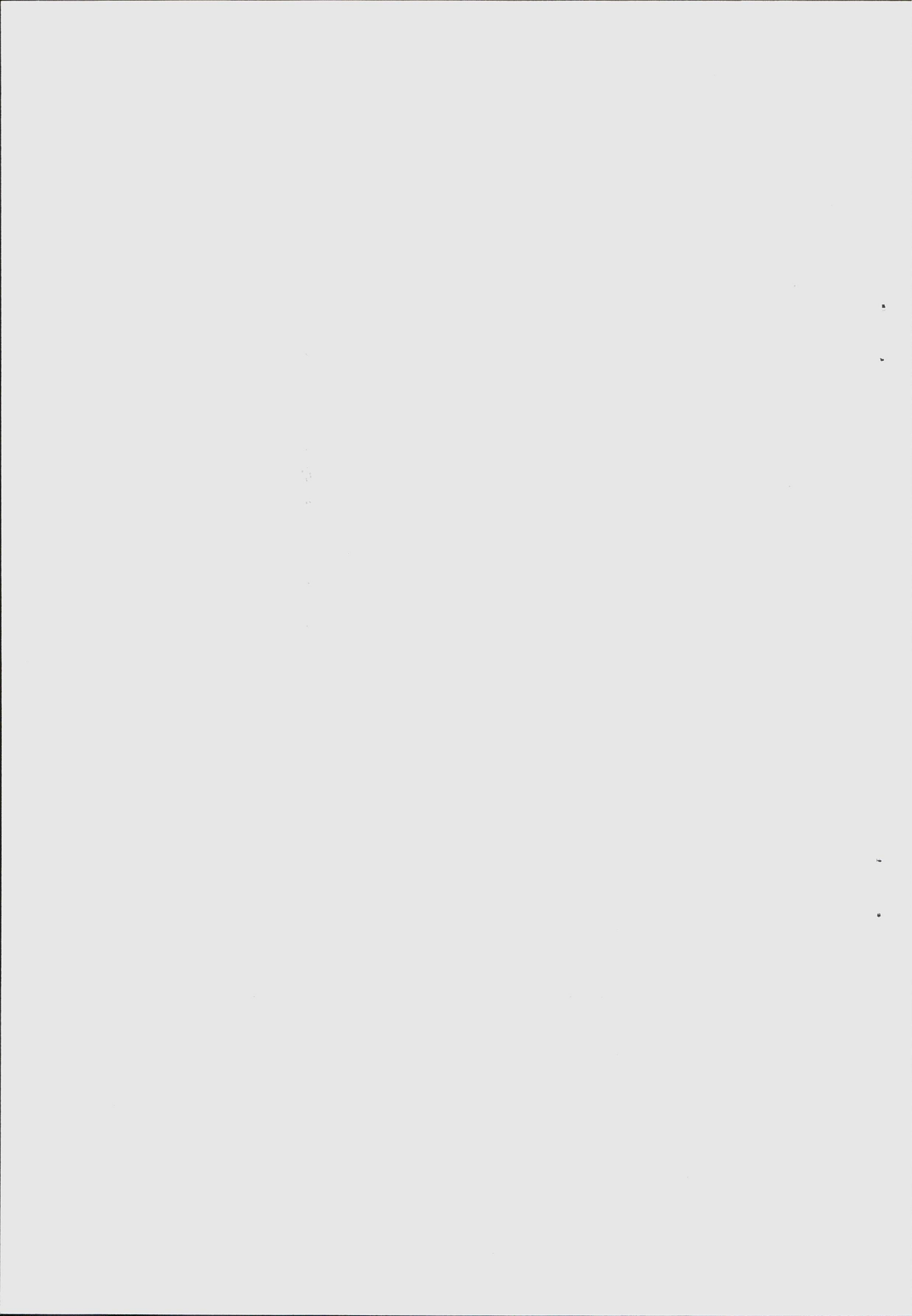
1.2.1. Sơ đồ nguyên lý hoạt động của hệ thống

Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải như sau:



Thuyết minh Công nghệ:

Nước thải y tế được thu gom từ quá trình khám chữa bệnh, từ các labo rửa dụng cụ được chảy tự nhiên về thùng chứa nước đầu vào. Tại thùng chứa nước đầu vào nước thải được sục ozon để loại bỏ các vi khuẩn truyền nhiễm và khử N. coliform trong nước. Nước thải sau đó được bơm tăng áp bơm lên hệ lọc màng để loại bỏ các tạp chất, đồng thời xử lý hàm lượng BOD, COD trong nước. Nước thải tiếp tục được bơm đẩy lên cột lọc chứa than hoạt tính để loại bỏ các chất còn chứa lại



trong nước, tạo độ trong cho nước. Nước thải sau đó theo đường thoát nước chảy ra ngoài môi trường. Nước được xử lý lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

1.2.2. Chức năng, chế độ vận hành của từng hạng mục, thiết bị.

1.2.3.1 Chức năng của các hạng mục.

STT	Các hạng mục	Chức năng các hạng mục
1	Cột lọc màng sợi rỗng PP 5 μ m	Dùng để xử lý các cặn, các vi khuẩn có kích thước lớn.
2	Cột lọc chứa than hoạt tính	Dùng để lọc các chất ô nhiễm còn lại từ cột lọc màng. Khử mùi hôi từ nước thải, làm trong nước
3	Máy sục ozon	Xử lý các vi khuẩn đầu vào, khử màu

1.2.3.2. Các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải.

STT	Thiết bị/hạng mục	Mô tả kỹ thuật	Xuất xứ	Số lượng	ĐVT	Ghi chú
1	Cột chứa than hoạt tính	- Vật liệu chế tạo: PVC	Việt Nam	01	Bộ	
2	Bơm tăng áp nước thải từ thùng chứa đầu vào	<ul style="list-style-type: none"> • Công suất 150W • Điện áp trực tiếp 220V • Cột áp tối đa 15m, lưu lượng 25 lít/phút • Dây quấn, cánh quạt, buôn bơm bằng đồng 	Việt Nam	01	Cái	
3	Cột lọc PP	<ul style="list-style-type: none"> - Vật liệu chế tạo: ống PVC - Bao gồm: vật liệu lọc, phụ kiện lắp đặt kèm... 	Việt Nam	01	HT	
4	Phao điện cực	<ul style="list-style-type: none"> - Điều khiển bơm hoạt động theo mức nước - Bao gồm giá đỡ, phụ kiện lắp đặt... 	Việt Nam	01	Chiếc	
5	Máy ozon	- Đặt theo mức quy định, máy bơm chạy thì sục ozon chạy cùng	Việt Nam	01	Chiếc	

1.3. NGUYÊN TẮC VẬN HÀNH, VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

- Nguyên tắc vận hành thiết bị xử lý nước thải.

Trước khi tiến hành vận hành hệ thống xử lý nước thải, phải kiểm tra toàn bộ hệ thống xem có an toàn để hoạt động không: Kiểm tra các thiết bị điện, kiểm tra mức nước thải, kiểm tra các thiết bị khắc phục sự cố có đầy đủ không... mới tiến hành các thao tác khởi động hệ thống.

Trong quá trình vận hành, cán bộ vận hành nhất thiết phải tuân thủ đúng quy trình vận hành đã được đào tạo. Vì khi vận hành sai sẽ gây ra sự cố dẫn đến hỏng thiết bị hay dẫn đến nước sau xử lý không đạt tiêu chuẩn đề ra.

Mọi sự cố xảy ra phải tìm cách khắc phục kịp thời. Nếu không thể tự khắc phục, phải báo cáo cho lãnh đạo hoặc cho cán bộ kỹ thuật có trách nhiệm xem xét và đưa phương án xử lý.

- Nguyên tắc vận hành thiết bị.

Phải đọc kỹ hướng dẫn vận hành thiết bị trước khi đưa thiết bị vào sử dụng.

Thiết bị trước khi khởi động phải kiểm tra kỹ lưỡng về nguồn điện, về chế độ bôi trơn, dầu mỡ... để đảm bảo tuyệt đối an toàn khi vận hành.

Khi có sự cố, phải thực hiện ngay các thao tác trong sách hướng dẫn khắc phục đều được nói rõ trong sách hướng dẫn vận hành thiết bị của nhà sản xuất kèm theo.

- **Quy trình vận hành.**
- Hệ thống được đặt ở chế độ tự động và bằng tay tại nút vận màu đen 3 chiều.
- Đối với chế độ chạy bằng tay, chỉ sử dụng khi tiến hành kiểm tra các thiết bị máy móc và sự cố xảy ra.
- Chế độ tự động luôn sử dụng 24/24. Luôn luôn cung cấp điện áp cho hệ thống xử lý.
- Nút stop màu đỏ ấn vào khi chạy máy, vận theo chiều kim đồng hồ khi dừng máy.
- Nút báo màu đỏ hiển thị nguồn điện vào hệ thống.
- Nút báo màu xanh thể hiện: Khi máy bơm chạy đèn sẽ hiển thị màu xanh, khi máy dừng đèn sẽ tắt.

a. Thông số tự động được cài đặt của trạm xử lý.

- Bơm tăng áp được để chế độ tự động theo mức phao đặt sẵn.

b. Kiểm soát hệ thống để hệ thống được chạy ổn định.

- Kiểm tra các van của hệ thống có đang đóng mở đúng chức năng hay không.
- Kiểm tra các thiết bị có đang chạy đúng với thời gian đã cài hay không (Thường là kiểm tra các thiết bị chạy 24/24).
- Kiểm tra các thiết bị có tiếng khác lạ, khác với ngày thường hay không.
- Nguyên tắc bảo dưỡng thiết bị

Mỗi một thiết bị phải có chế độ bảo dưỡng, bảo trì riêng.

Phải thực hiện chế độ bảo dưỡng, thao tác tiến hành bảo dưỡng, thời gian cần bảo dưỡng thiết bị (thường tính theo giờ máy hoạt động) theo sách hướng dẫn vận hành thiết bị.

- **Sự cố:**

- Khi xảy ra sự cố chập điện, máy bơm không hoạt động. Khóa van đầu vào, mở van tự chảy để đảm bảo không ảnh hưởng đến quá trình hoạt động của phòng khám. Gọi ngay cho đơn vị thi công đến khắc phục và sửa chữa sự cố.

1.4. ĐỊNH KỲ BẢO DƯỠNG THIẾT BỊ

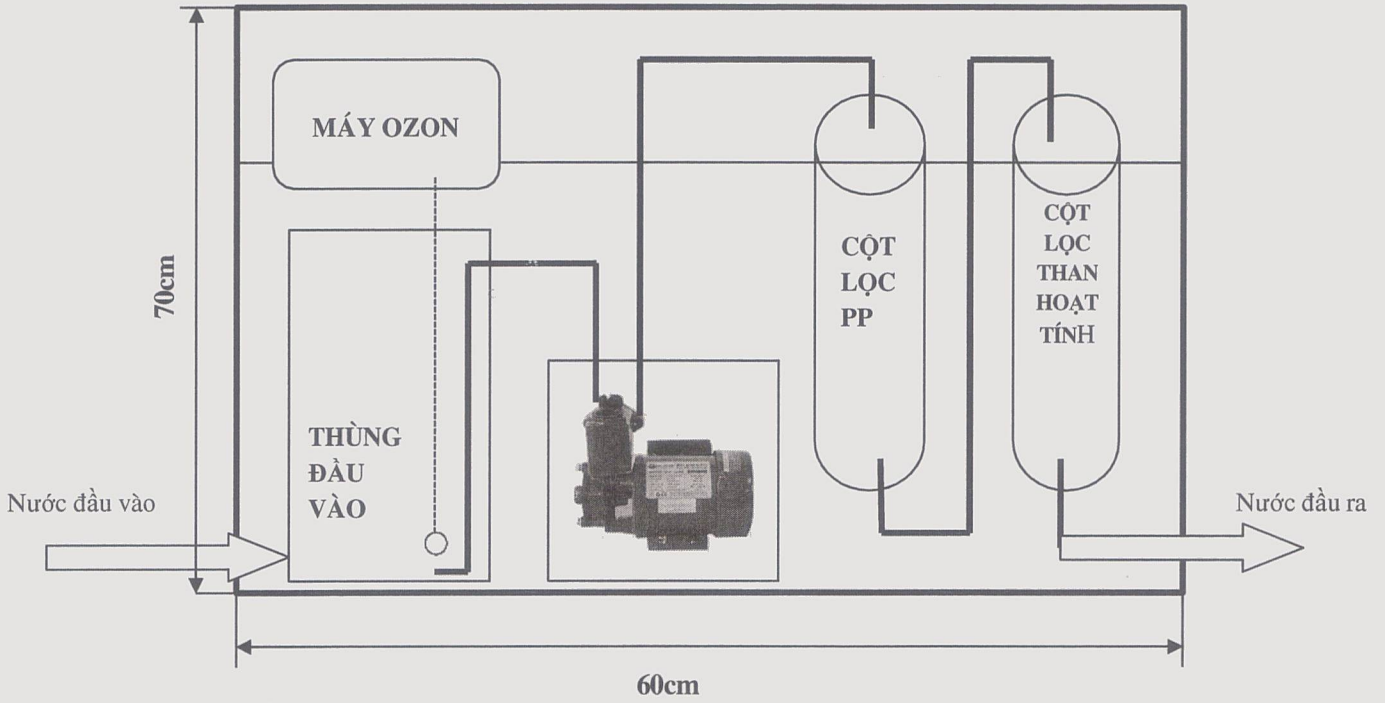
- **Đối với thiết bị lõi lọc**

- Định kỳ 3 - 6 tháng bảo dưỡng 1 lần: Kiểm tra đồng hồ báo áp từ 0,1- 0,2 MBA thì tiến hành thay lõi lọc.

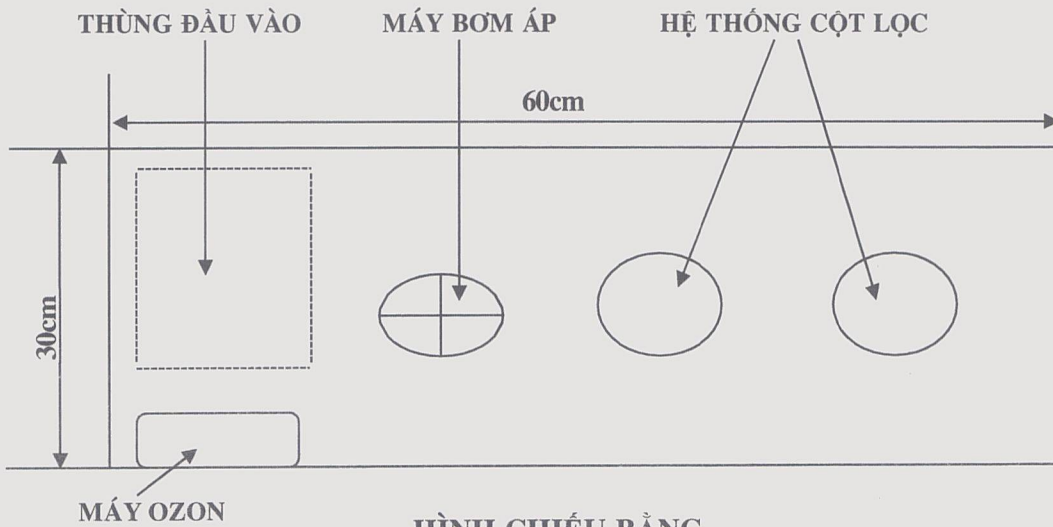
- **Đối với máy sục ozon:**

- Thường xuyên kiểm tra đầu sục, để đảm bảo không bị bám cặn bản đầu sục, đảm bảo lượng khí ozon cấp luôn được ổn định.

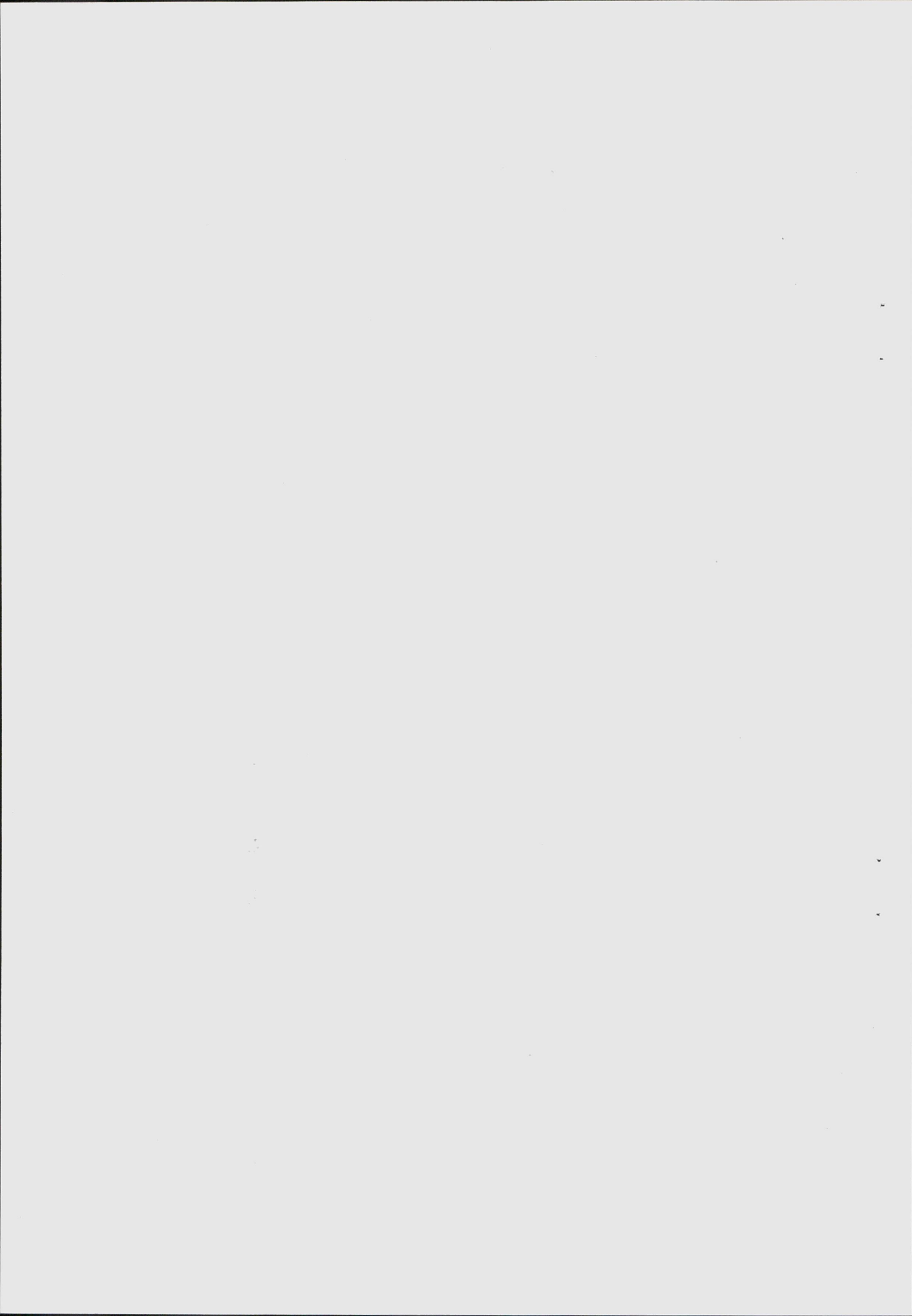
BẢN VẼ HỒ SƠ THIẾT KẾ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI



HÌNH CHIỀU ĐỨNG



HÌNH CHIỀU BẰNG



SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH NGHỆ AN
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 2902204693

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 11 năm 2024

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH CKTM ĐA LIỄU

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 238A đường Trần Phú, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0867245610

Fax:

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: TRẦN THỊ LAM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 22/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040179013832

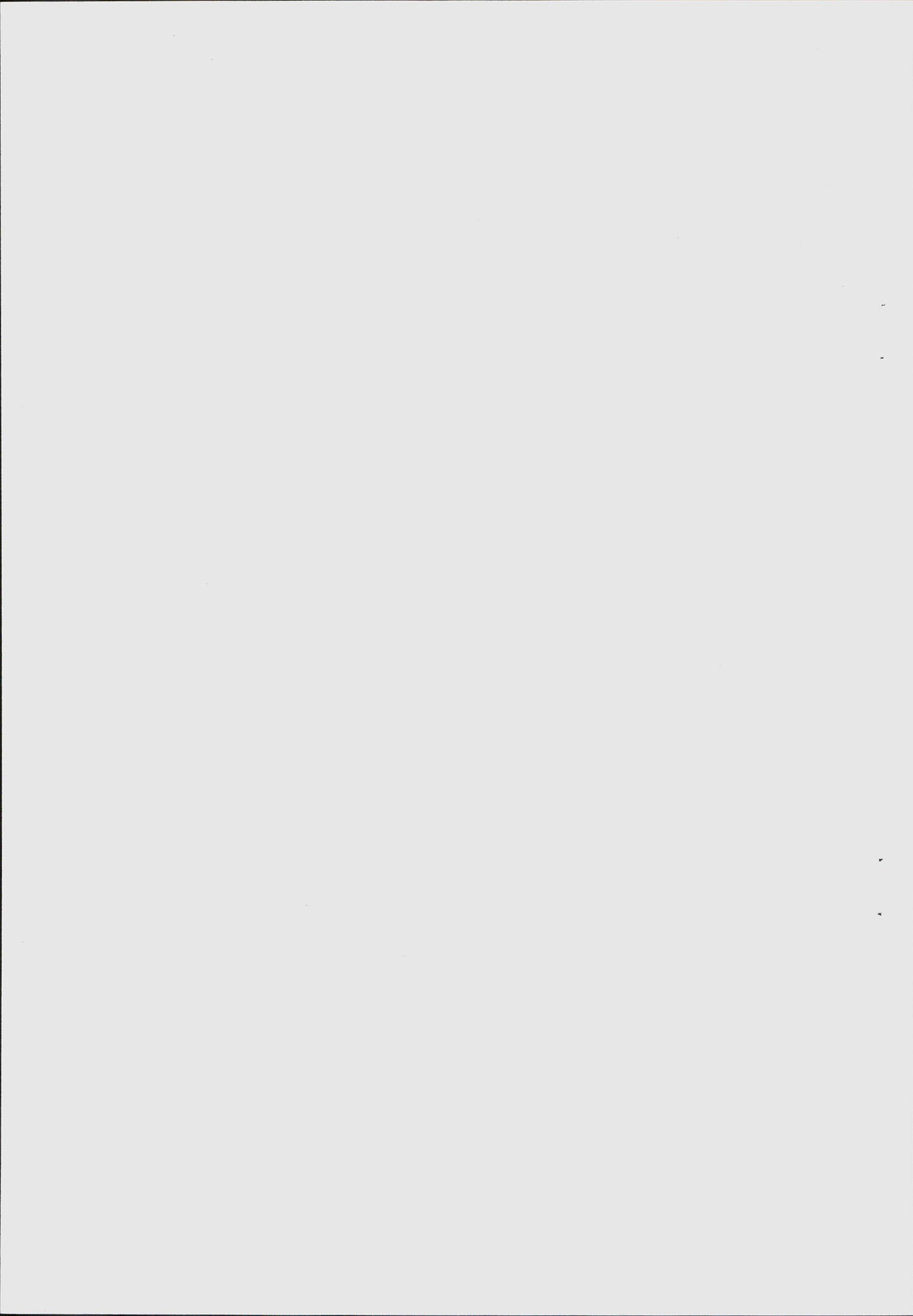
Ngày cấp: 28/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty



* **Họ và tên:** TRẦN THỊ LAM

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 22/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040179013832

Ngày cấp: 28/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật
tự xã hội

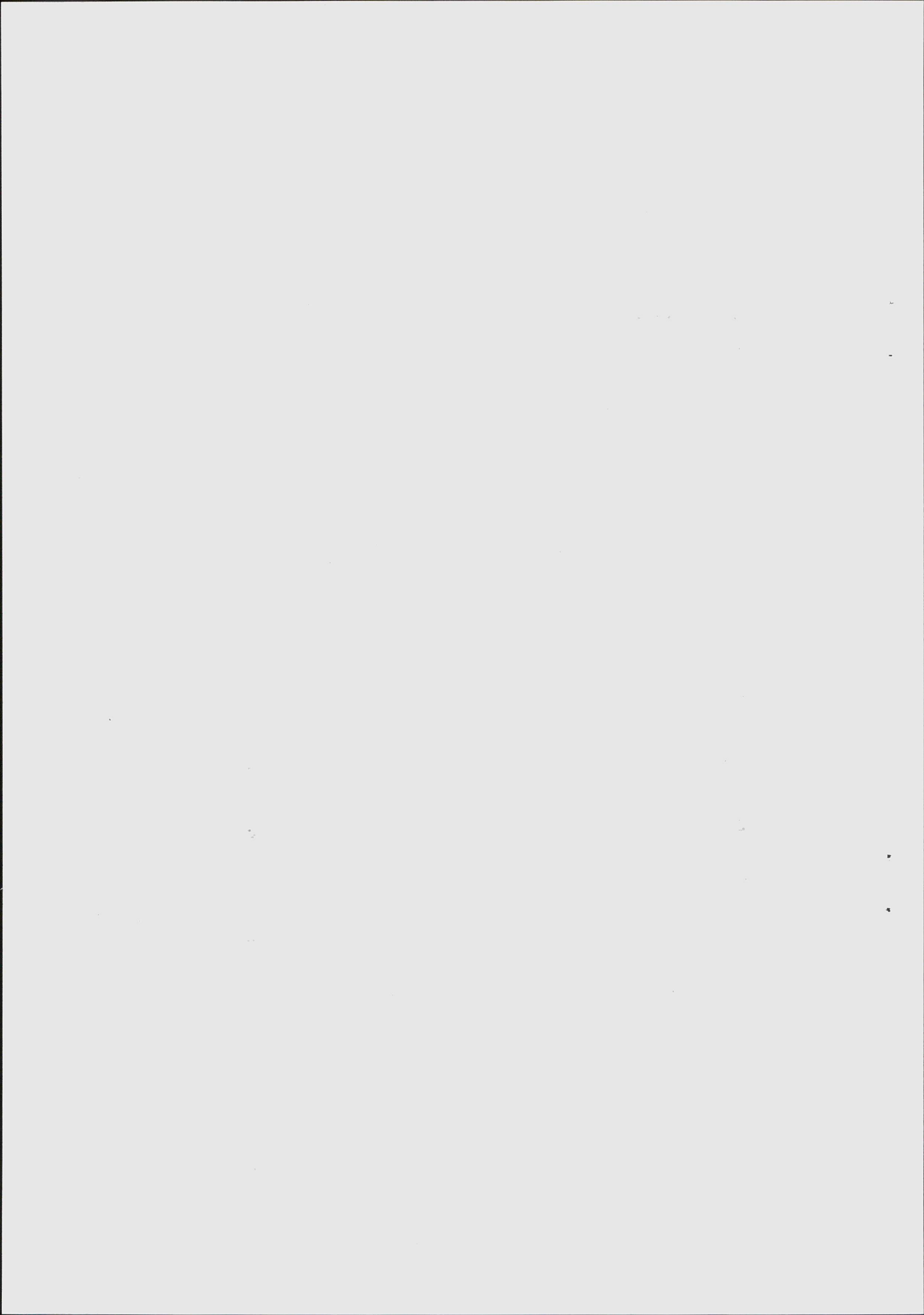
Địa chỉ thường trú: Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An,
Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt
Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG LẮP ĐẶT THIẾT BỊ
Số: 2311.24/HĐLĐTB

Về việc: CUNG CẤP, LẮP ĐẶT HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI Y TẾ

I. CÁC CĂN CỨ ĐỂ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG:

- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường 2020/QH14.

- Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/05/2019 của Chính phủ quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ Môi trường;

- Căn cứ Thông tư liên tịch số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và yêu cầu của hai bên ký kết hợp đồng.

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2024 tại Công ty TNHH CKTM Da Liễu, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

Bên A : CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Đại diện : Bà Trần Thị Lam

Chức vụ : Giám đốc

Mã số thuế : 2902204693

Địa chỉ trụ sở : Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Địa chỉ lắp đặt : Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Số điện thoại : 0867245610

Bên B: CÔNG TY CP THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Đại diện : Bà Trần Thị Thu Trang

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Mã số thuế : 0108318077

Địa chỉ trụ sở : Số nhà 2, ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại : 024.99999.969

Số tài khoản : 154967966 tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Kinh Đô



Sau khi thảo luận và bàn bạc, hai bên thống nhất ý kiến và ký kết hợp đồng lắp đặt với các điều khoản như sau:

Điều 1: NỘI DUNG CÔNG VIỆC

Bên A thoả thuận với bên B về việc cung cấp, lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cho bên A.

Điều 2: TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

2.1. Trách nhiệm của Bên A:

- Cử người phối hợp theo dõi với bên B trong quá trình thi công lắp đặt.
- Tạm ứng, thanh toán kinh phí cho bên B theo Điều 4 của Hợp đồng này.

2.2. Trách nhiệm của bên B

- Thực hiện điều tra, khảo sát, cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý nước thải cho bên A.
- Bảo hành hệ thống xử lý nước thải 01 (một) năm (không bảo hành lõi lọc, các trường hợp máy hỏng do chập điện, nước tràn vào máy do vận hành sai hướng dẫn).
- Đảm bảo các tiêu chuẩn và hoạt động của hệ thống xử lý nước thải nêu trên tuân thủ theo những yêu cầu của cơ quan quản lý pháp luật và Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3: THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

3.1. Thời hạn thực hiện hợp đồng: Trong thời gian 10 (Mười) ngày kể từ khi hai bên ký kết hợp đồng và bên A bàn giao mặt bằng thi công cho bên B.

3.2. Sản phẩm giao nộp:

- Hệ thống xử lý nước thải đảm bảo nước thải y tế đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B.

Điều 4: CHI PHÍ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

4.1. Tổng giá trị hợp đồng

Tổng giá trị hợp đồng: **21.600.000đ** ; (Giá đã bao gồm thuế VAT).

(Bằng chữ: Hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.)

4.2. Hình thức thanh toán

- Bên A thanh toán cho bên B số tiền là **21.600.000đ** (*Bằng chữ: Hai mươi một triệu, sáu trăm nghìn đồng chẵn./.*) ngay sau khi khi bên B hoàn thành lắp đặt và bàn giao sản phẩm.

4.3. Phương thức thanh toán: Tiền mặt hoặc chuyển khoản

4.4. Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

4.5. Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Điều 5. TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

- Trong trường hợp xảy ra tranh chấp hợp đồng thì hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết.
- Nếu không đạt được thoả thuận giữa hai bên, việc giải quyết tranh chấp hợp đồng được khiếu nại đến Toà án giải quyết theo quy định của Pháp luật.

Điều 6. BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của hai bên như động đất, bão, lũ, lụt, lở đất, hoả hoạn... và các thảm hoạ khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 7 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

6.2 Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian để thực hiện hoàn thành khối lượng công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện theo hợp đồng.

Điều 7. TẠM DỪNG, HUỖ BỎ HỢP ĐỒNG:

7.1 Tạm dừng thực hiện hợp đồng:

- Các trường hợp tạm dừng thực hiện hợp đồng:

+ Do lỗi của Bên giao thầu hoặc Bên nhận thầu gây ra.

+ Các trường hợp bất khả kháng.

+ Các trường hợp khác do hai Bên thoả thuận.

Một bên có quyền quyết định tạm dừng thực hiện hợp đồng do lỗi của bên kia gây ra, nhưng phải báo cho bên kia biết bằng văn bản và cùng bàn bạc giải quyết để tiếp tục thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết; trường hợp bên tạm dừng không thông báo mà tạm dừng gây thiệt hại thì phải bồi thường cho bên thiệt hại. Thời gian và mức đền bù thiệt hại do tạm dừng thực hiện hợp đồng do hai bên thoả thuận.

7.2. Huỷ bỏ hợp đồng:

- Một bên có quyền huỷ bỏ hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện huỷ bỏ mà các bên đã thoả thuận hoặc Pháp luật quy định. Bên vi phạm phải bồi thường thiệt hại.

- Bên huỷ bỏ hợp đồng phải thông báo ngay cho bên kia biết về việc huỷ bỏ; nếu không thông báo mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên huỷ bỏ phải bồi thường.

- Sau khi bên B lắp đặt xong thiết bị sau 40 ngày bên A chưa thanh toán cho bên B bên B có quyền huỷ bỏ hợp đồng và thu hồi thiết bị, và không phải hoàn trả lại số tiền bên A đã đặt cọc cho bên B.

077
N
N
A H C
N H
O N G
O N G
H O A
T P H

3 - C
T Y
1
1
U
S H E A

Điều 8. NGÔN NGỮ HỢP ĐỒNG:

- Ngôn ngữ của hợp đồng: Tiếng Việt

Điều 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu phát sinh trở ngại hai bên có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết để cùng nhau giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng và hoà giải.

- Hợp đồng này cũng như tất cả các tài liệu, thông tin liên quan đến hợp đồng sẽ được các bên quản lý theo quy định hiện hành của Nhà nước về bảo mật. Mọi sự sửa đổi, bổ sung trong Hợp đồng này đều phải thực hiện bằng văn bản và có sự xác nhận của đại diện có thẩm quyền của cả hai bên. Mọi sự sửa đổi, bổ sung (nếu có) đều được coi là hợp pháp và là phần không tách rời của Hợp đồng.

- Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Quá trình thực hiện có vấn đề gì vướng mắc cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu bên nào đơn phương không thực hiện các điều khoản ghi trên làm thiệt hại cho bên kia thì phải chịu trách nhiệm bồi hoàn theo quy định hiện hành của Nhà nước.

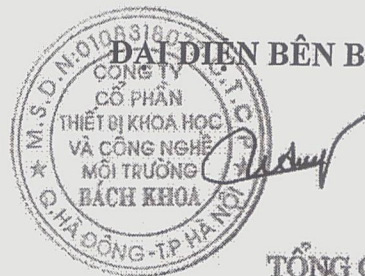
Điều 10. HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG:

- Hợp đồng được ký kết bởi đại diện có thẩm quyền của các bên và có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 02 bản, bên B giữ 02 bản.



GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam



TỔNG GIÁM ĐỐC
Kerân Lêhi Khu Trung



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH

Mã số địa điểm kinh doanh: 00001

Đăng ký lần đầu, ngày 12 tháng 11 năm 2024

1. Tên địa điểm kinh doanh: PHÒNG KHÁM CHUYÊN KHOA DA LIỄU - ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH TRỰC THUỘC CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Tên địa điểm kinh doanh viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên địa điểm kinh doanh viết tắt:

2. Địa chỉ:

Tầng 1, 2 Số 238A đường Trần Phú, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

Điện thoại: 0867245610

Fax:

Email:

Website:

3. Thông tin về người đứng đầu

Họ và tên: TRẦN THỊ LAM

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 22/08/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 040179013832

Ngày cấp: 28/08/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: *Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Yên Khang, Xã Hưng Đông, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam*

4. Thông tin về doanh nghiệp/chi nhánh chủ quản:

Tên doanh nghiệp/chi nhánh: CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Mã số doanh nghiệp/chi nhánh: 2902204693

Địa chỉ trụ sở chính/chi nhánh: Số 238A đường Trần Phú, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Anh Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG
THU GOM, VẬN CHUYỂN, LƯU GIỮ VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI Y TẾ NGUY HẠI
Số: 10.11.2024/HĐYTK

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017;
- Căn cứ Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022.
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 có hiệu lực thi hành từ 01/01/2015.
- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- Căn cứ Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.
- Căn cứ năng lực của Công ty CP Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình.
- Căn cứ nhu cầu của Công ty TNHH CKTM Da Liễu về việc vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại.

Hôm nay, ngày 15 tháng 11 năm 2024, chúng tôi gồm:

I. BÊN A – CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Địa chỉ trụ sở chính : Số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ giao rác : Số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Điện thoại : 0867.245.610 Mã số thuế: 2902204693

Người đại diện : Bà Trần Thị Lam Chức vụ: Giám đốc

II. BÊN B - CÔNG TY CP XỬ LÝ, TÁI CHẾ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP HÒA BÌNH

Địa chỉ : Tổ dân phố Đông Hương, thị trấn Nham Biền, huyện Yên Dũng, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại : 024.3822.1234 024.3827.4399

Fax : 024.3633.0930 024.3872.9668

Tài khoản : 118000113569 Tại NH Công Thương - CN Bắc Thăng Long

Mã số thuế : 0102963031

Người đại diện : Ông Trần Triệu Kiên Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- (1) Bên A thuê Bên B và Bên B đồng ý thực hiện thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải y tế nguy hại phát sinh trong quá trình khám chữa bệnh từ nơi lưu chứa chất thải của Bên A đến khu lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại của Bên B.

- (2) Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2024 đến ngày 15 tháng 11 năm 2025.

ĐIỀU 2. GIAO NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI

- (1) Đặc tính chất thải: Chất thải y tế nguy hại ở dạng rắn, lỏng.
Địa điểm giao nhận chất thải: Tại nơi lưu chứa chất thải Công ty TNHH CKTM Da Liễu
Địa chỉ: Số 238A, đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
Thời gian giao nhận: sau khi Bên A báo trước cho bên B hai (02) ngày và trong giờ hành chính, trừ ngày lễ tết theo quy định của Nhà nước.
Điện thoại thường trực khi gọi lấy rác thải: 034.982.5322
- (2) Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng có trong giấy phép vận chuyển chất thải nguy hại đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải y tế nguy hại theo quy định hiện hành của nhà nước Việt Nam.
- (3) Địa điểm xử lý chất thải: Toàn bộ chất thải y tế, nguy hại Bên A giao cho Bên B được vận chuyển về tập trung, xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải công nghiệp, tái chế phế liệu của Công ty Cổ phần Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình - địa chỉ: xã Nham Sơn- Huyện Yên Dũng – Tỉnh Bắc Giang.

ĐIỀU 3. PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- (1) Tổng chi phí vận chuyển và xử lý chất thải y tế nguy hại là: **4.488.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm tám mươi tám đồng)** đã bao gồm thuế VAT, áp dụng cho hợp đồng với khối lượng chất thải y tế xử lý tối đa là 120 kg.
- (2) Phụ phí vận chuyển chất thải y tế nguy hại là: **10.000.000 đồng/01 chuyến**. Chi phí vận chuyển sẽ được thanh toán ngay khi Bên A giao nhận chất thải với Bên B với khối lượng chất thải y tế xử lý tối đa áp dụng cho hợp đồng là 120 kg.
- (3) Nếu khối lượng chất thải vượt quá 120 kg/12 tháng thì Bên A sẽ phải thanh toán phí vận chuyển và xử lý chất thải phát sinh cho mỗi kg vượt quá là 38.000 đồng/kg (chưa bao gồm thuế VAT). Căn cứ theo chi phí vận chuyển xử lý thực tế của chất thải y tế tại thời điểm phát sinh, Bên B có thể điều chỉnh đơn giá cho phù hợp và thông báo cho Bên A bằng văn bản.
- (4) Theo quy định hiện hành, thuế VAT đối với phí vận chuyển và xử lý chất thải là 08%. Trường hợp quy định này có thay đổi, thuế VAT sẽ do Bên A chịu.
- (5) Bên A thanh toán cho Bên B bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản số tiền là: **4.488.000 đồng (Bốn triệu, bốn trăm tám mươi tám đồng)** ngay sau khi hai Bên ký kết Hợp đồng. Trong trường hợp Bên A không phát sinh chất thải hoặc khối lượng xử lý dưới 120 kg thì Bên A vẫn phải chịu mức phí trên.
- (6) Bên A thanh toán phí phát sinh theo Điều 03 (khoản 2) bằng tiền mặt hoặc bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B, chậm nhất sau bảy (07) ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu khối lượng phát sinh.

2024
CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU
JA
NH

ĐIỀU 4.**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A**

- (1) Bên A có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo ĐIỀU 3 của Hợp đồng.
- (2) Bên A có trách nhiệm cung cấp cho Bên B hồ sơ chất thải bao gồm nguồn gốc xuất xứ, các tài liệu về thu gom và quản lý chất thải, mẫu biên bản bàn giao chất thải (nếu bên A có sử dụng loại chứng từ đặc biệt)
- (3) Trước khi giao cho Bên B, Bên A có trách nhiệm thu gom, phân loại chất thải y tế nguy hại tại các khoa/phòng và đóng gói trong các thùng chứa, theo đúng quy định pháp luật và nhằm thuận tiện cho việc quản lý, vận chuyển và xử lý chất thải.
- (4) Bên A có nghĩa vụ phân loại và đóng gói riêng các loại chất thải là thủy tinh, cao su, chất thải từ phòng phẫu thuật, phòng đẻ, phòng thí nghiệm (nếu có) và đảm bảo các chất thải giao cho Bên B không có chứa chất phóng xạ.
- (5) Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom và vận chuyển chất thải y tế trong phạm vi của Bên A, hỗ trợ bên B xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (6) Bên A cử cán bộ xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (7) Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình vận chuyển và xử lý chất thải của mình, với điều kiện việc giám sát, kiểm tra này không được làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B.
- (8) Bên A chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về các chất thải không bàn giao cho bên B vận chuyển và xử lý.

ĐIỀU 5.**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B**

- (1) Bên B có trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng.
- (2) Bên B bố trí công nhân bốc xếp chất thải lên phương tiện vận chuyển.
- (3) Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển xử lý để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hợp đồng.
- (4) Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.
- (5) Bên B hoàn thành đầy đủ chứng từ chất thải nguy hại theo quy định của luật pháp và giao lại chứng từ lưu cho bên A đúng thời hạn.
- (6) Trong trường hợp Bên B phát hiện một số hoặc toàn bộ chất thải không phù hợp với hồ sơ chất thải thì hai bên sẽ cùng nhau thỏa thuận giải quyết số chất thải đó theo đúng quy định hiện hành. Việc tiếp tục xử lý phần chất thải phát sinh trên thực hiện theo thỏa thuận giữa hai bên theo đúng quy định hiện hành và Bên A phải chịu hoàn toàn chi phí.
- (7) Bên B có quyền tạm dừng việc vận chuyển chất thải nếu phát hiện chất thải của bên A không được phân loại, đóng gói và lưu giữ theo đúng quy định pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn ở Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường về việc quản lý chất thải nguy hại có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư số 20/2021/TT-BYT của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế có hiệu lực từ ngày 10 tháng 01 năm 2022.
- (8) Bên B có quyền từ chối vận chuyển chất thải khi Bên A không có người bàn giao và xác nhận khối lượng.

ĐIỀU 6. BẢO MẬT

- (1) Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.
- (2) Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng nào cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

ĐIỀU 7. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

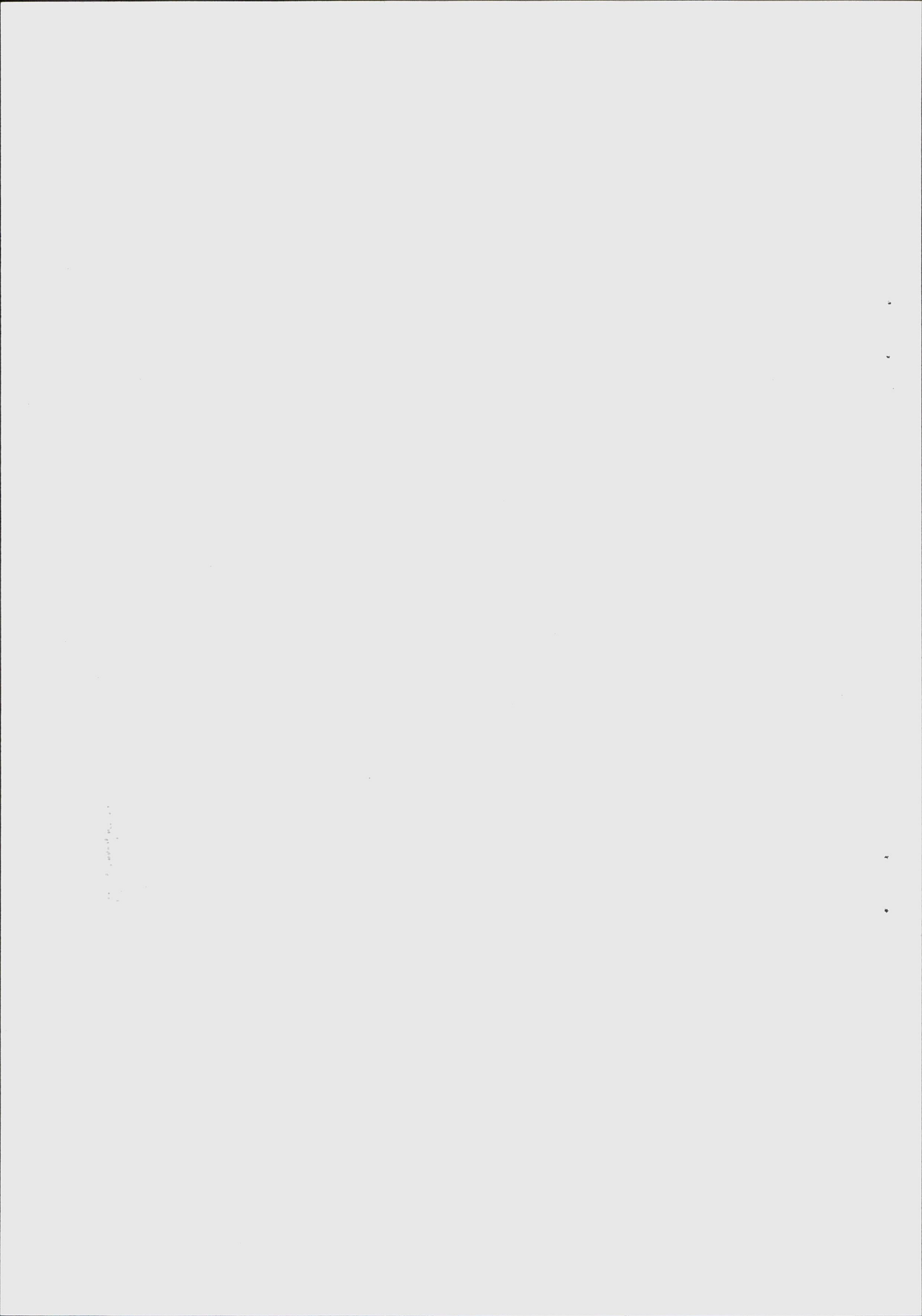
- (1) Hợp đồng này và các phụ lục (nếu có) của Hợp đồng này có thể sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản của các bên.
- (2) Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong trường hợp sau:
 - (a) Hợp đồng hết hạn;
 - (b) Hai Bên thỏa thuận chấm dứt Hợp đồng bằng văn bản;
 - (c) Bên B có quyền chấm dứt Hợp đồng ngay lập tức bằng cách gửi thông báo đến Bên A nếu Bên A không thanh toán phí dịch vụ theo đúng quy định tại ĐIỀU 3 trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi nhận được thông báo đề nghị thanh toán của Bên B.

ĐIỀU 8. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- (1) Bất kỳ và mọi tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại phát sinh từ hoặc có liên quan đến Hợp đồng này trước hết sẽ được hai bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.
- (2) Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

- (1) Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.
- (2) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
 - (a) Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;
 - (b) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
- (3) Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.



ĐIỀU 10.

CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

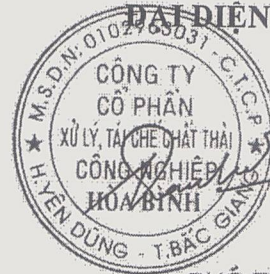
- (1) Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và mặc nhiên được thanh lý trong trường hợp kể từ khi thực hiện đến khi kết thúc hợp đồng mà khối lượng chất thải rắn y tế của bên A do bên B thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý không vượt quá 120 kg.
- (2) Hai Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của hai Bên.
- (3) Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam

ĐẠI DIỆN BÊN B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Triệu Kiên



Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU, THANH LÝ

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2024, Chúng tôi gồm

1. Bên nhận (bên A): CÔNG TY TNHH CKTM DA LIÊU

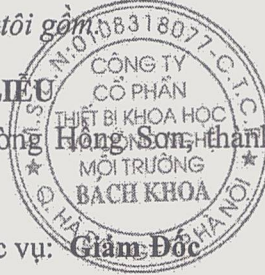
Địa chỉ lắp đặt: Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Đại diện: Bà Trần Thị Lam

Chức vụ:

Đại diện:

Chức vụ:



2. Bên giao (Bên B) : CÔNG TY CP THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BẠCH KHOA

Đại diện: Ông Phạm Quốc Vương

Chức vụ: Nhân viên

3. Tên, loại sản phẩm: (theo các nội dung trong bảng sau)

STT	Thiết bị, máy móc	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế	01	Hệ thống	Đúng yêu cầu kỹ thuật

4. Kiểm tra chất lượng, thông số, chủng loại.

- ✓ Đúng số lượng chủng loại theo đơn đặt hàng.
- ✓ Đã kiểm tra đúng kỹ thuật theo bảng chào hàng và đơn đặt hàng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.

5. Kết luận, kiểm tra.

- ✓ Đã kiểm tra và nhận đúng số lượng theo hợp đồng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.
- ✓ Bên B đã giao hàng, hướng dẫn vận hành và chạy thử thiết bị. Kết quả đáp ứng đúng theo hợp đồng của hai bên.
- ✓ Bên A đồng ý ký Biên bản nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng từ ngày ký biên bản.

6. Giá trị hợp đồng thanh toán:

Sau khi kiểm tra hai bên thống nhất xác thực với số lượng trên và cùng ký kết làm chứng từ thanh toán.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

Đại diện bên A

(Ký, ghi rõ họ tên)



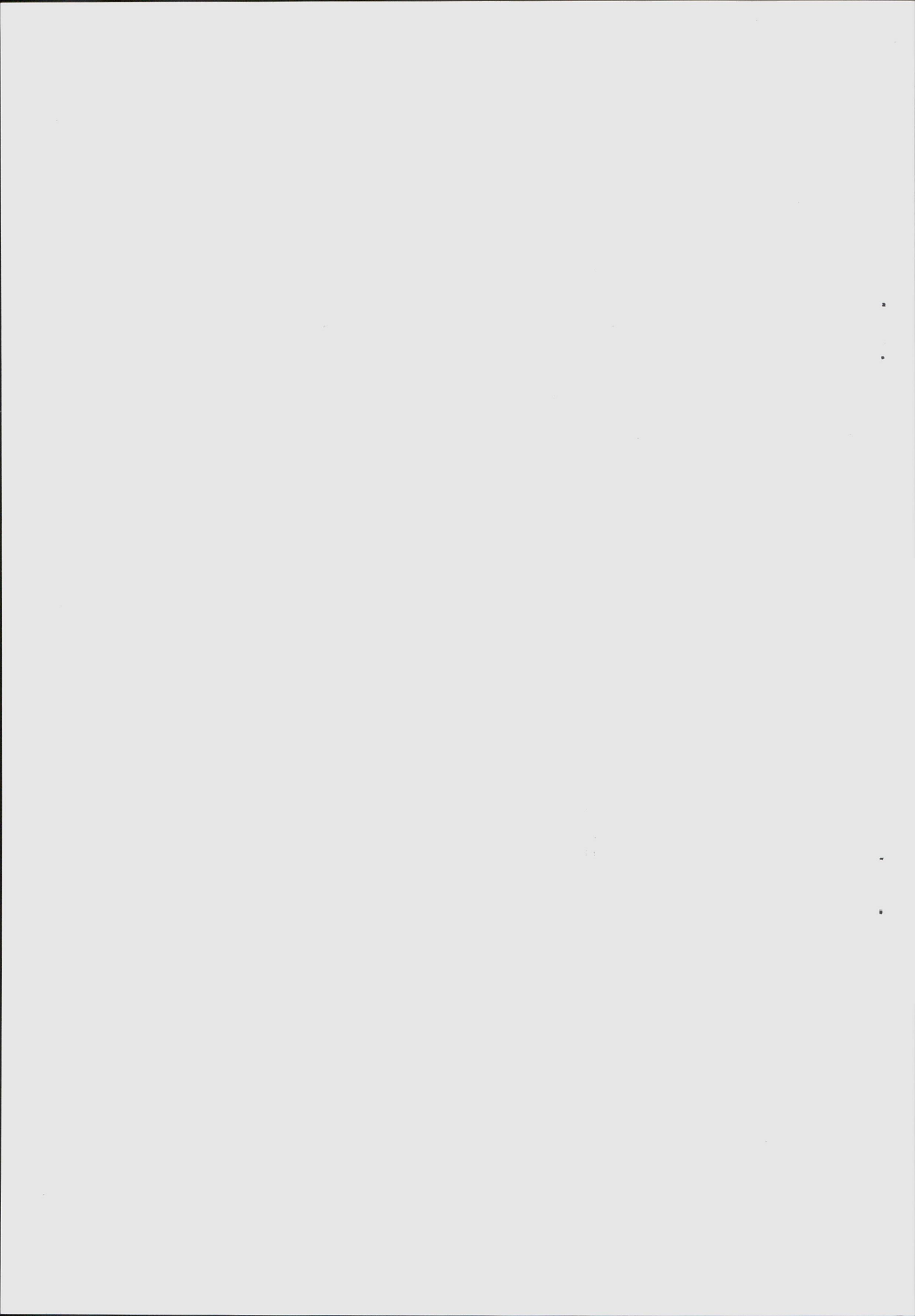
GIÁM ĐỐC

Trần Thị Lam

Đại diện bên B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Quốc Vương



Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU, THANH LÝ

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2024, Chúng tôi gồm:

1. Bên nhận (bên A): CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Địa chỉ lắp đặt: Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Đại diện: Bà Trần Thị Lam

Chức vụ: Giám Đốc

Đại diện: Chức vụ:

2. Bên giao (Bên B) : CÔNG TY CP THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Đại diện: Ông Phạm Quốc Vương

Chức vụ: Nhân viên

3. Tên, loại sản phẩm: (theo các nội dung trong bảng sau)

STT	Thiết bị, máy móc	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế	01	Hệ thống	Đúng yêu cầu kỹ thuật

4. Kiểm tra chất lượng, thông số, chủng loại.

- ✓ Đúng số lượng chủng loại theo đơn đặt hàng.
- ✓ Đã kiểm tra đúng kỹ thuật theo bảng chào hàng và đơn đặt hàng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.

5. Kết luận, kiểm tra.

- ✓ Đã kiểm tra và nhận đúng số lượng theo hợp đồng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.
- ✓ Bên B đã giao hàng, hướng dẫn vận hành và chạy thử thiết bị. Kết quả đáp ứng đúng theo hợp đồng của hai bên.
- ✓ Bên A đồng ý ký Biên bản nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng từ ngày ký biên bản.

6. Giá trị hợp đồng thanh toán:

Sau khi kiểm tra hai bên thống nhất xác thực với số lượng trên và cùng ký kết làm chứng từ thanh toán.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

Đại diện bên A

(Ký, ghi rõ họ tên)

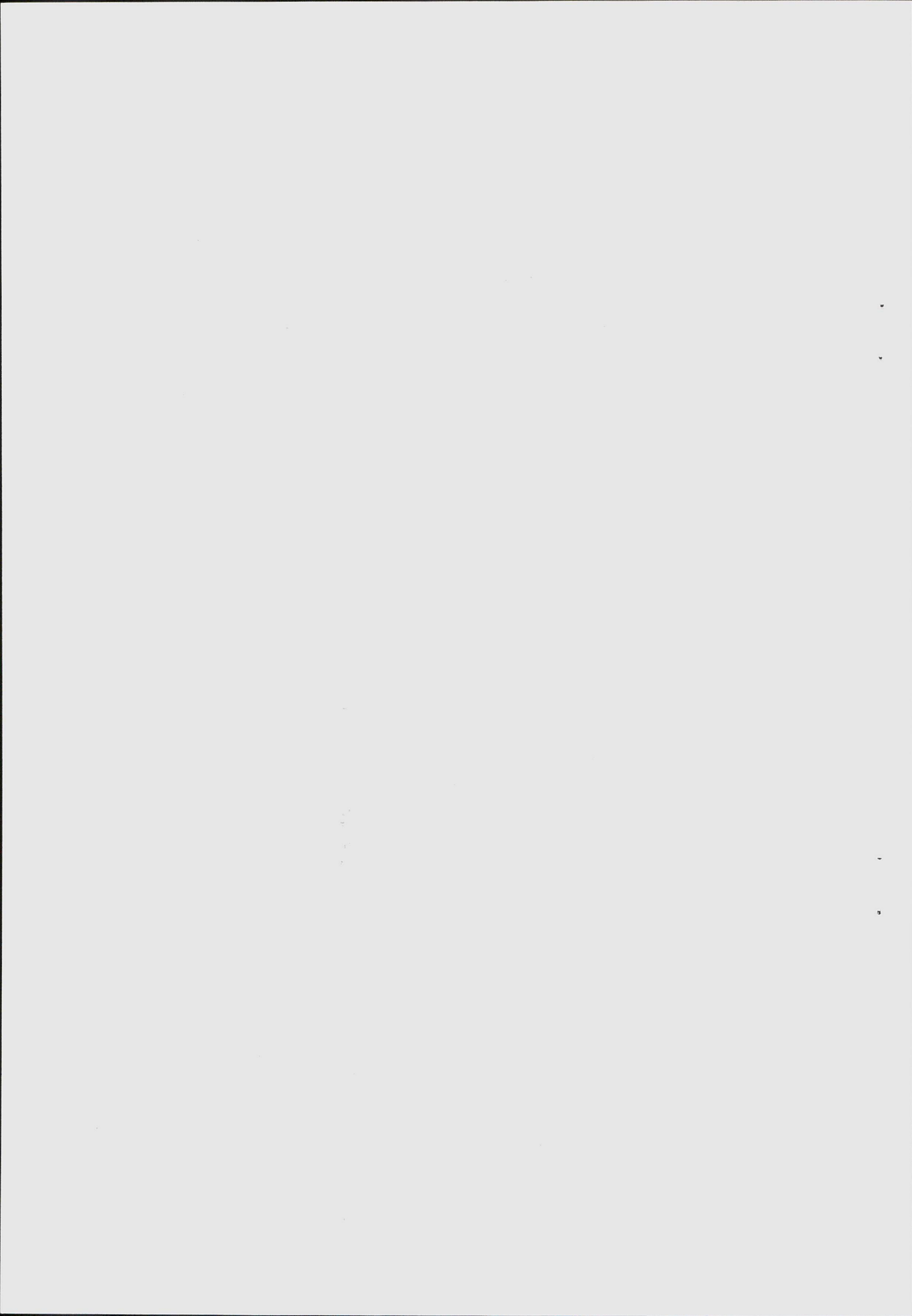


GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam

Đại diện bên B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Quốc Vương



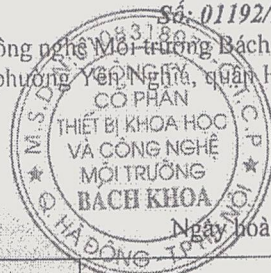


NEXTECH ECOLIFE
CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG - VIMCERTS 301
Đ/C: Liên kê 17-16, Khu Đô thị mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội
ĐT: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01192/2024/PKQ (24.595)
Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Thiết bị Khoa học và Công nghệ Môi trường Bách Khoa
Địa chỉ : Số nhà 2 ngách 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : NT.240503.002
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Ngày thử nghiệm : 03/05/2024
Ngày hoàn thành: 14/05/2024



TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	50
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	36	100
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	38	100
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,82	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	4,12	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,15	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,45	20
10	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.800	5.000
11	Salmonella*	VK/100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH	KPH
12	Shigella*	VK/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH
13	Vibrio Cholerae*	VK/100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, được lấy tại Số nhà 2 ngách 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Tên mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải đầu ra model BK500.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;

Cột B: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam, Vimcerts 288.

Hà Nội, ngày 07 tháng 05 năm 2024

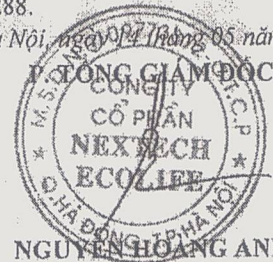
P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN KỶ ANH

LÂM THỊ THANH

NGUYỄN HOÀNG ANH



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không quy định.
- KPH: Không phát hiện.
- KPT: Không phân tích.
- (H): Chỉ tiêu tham khảo.



NEXTECH ECOLIFE
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG – VIMCERTS 301

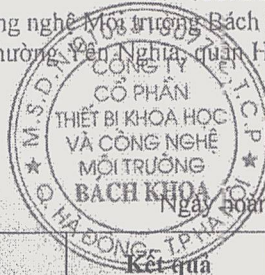
Đ/C: Liên kê 17-16, Khu Đô thị mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 01192/2024/PKQ (24.595)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Thiết bị Khoa học và Công nghệ Môi trường Bách Khoa
Địa chỉ : Số nhà 2 nhánh 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : NT.240503.002
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Ngày thử nghiệm : 03/05/2024



Ngày soạn thành: 14/05/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	
				NT	QCVN 28:2010/BTNMT Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	50
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	36	100
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	38	100
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² .B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,82	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017	4,12	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,15	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,45	20
10	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.800	5.000
11	Salmonella*	VK/100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH	KPH
12	Shigella*	VK/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH
13	Vibrio Cholerae*	VK/100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, được lấy tại Số nhà 2 nhánh 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Tên mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải đầu ra model BK500.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;

Cột B: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam, Vimcerts 288.

Hà Nội, ngày 04 tháng 05 năm 2024

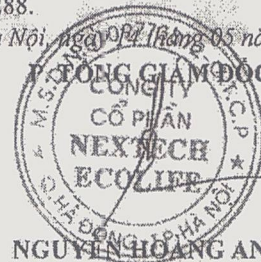
P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN KỶ ANH

LÂM THỊ THANH

NGUYỄN HOÀNG ANH



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không quy định.

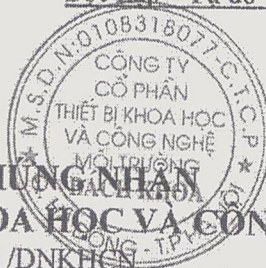
- KHP: Không phát hiện.

- KPT: Không phân tích.

- (H): Chỉ tiêu tham khảo.

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số : 03 /DNKH&CN

Cấp lần đầu: ngày 28 tháng 03 năm 2023

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ENVIRONMETAL SCIENCE AND TECHNOLOGY EQUIPMENT JONT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0108318077 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

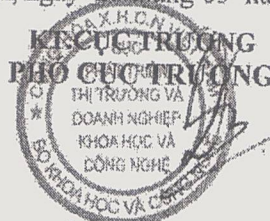
Điện thoại: 0249999969

Fax:

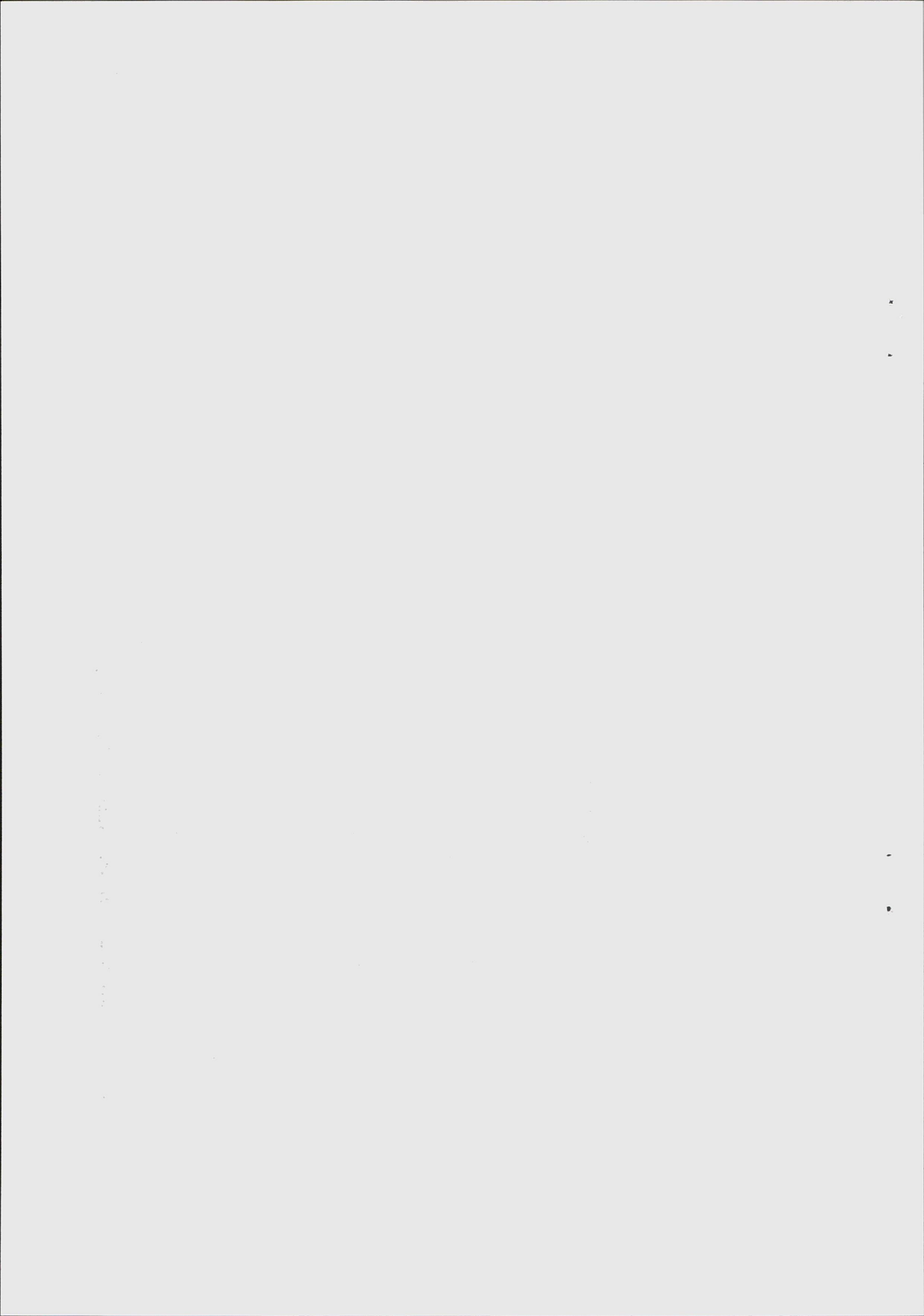
Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN:

STT	Tên kết quả KH&CN	Tên sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế.	- Hệ thống xử lý nước thải BK500. - Hệ thống xử lý nước thải BK1000.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



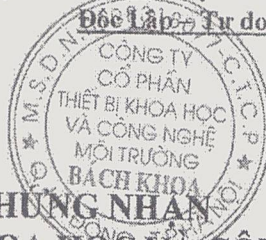
Trần Xuân Đích



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc



**GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số : 03 /DNKHCN

Cấp lần đầu: ngày 28 tháng 03 năm 2023

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BẠCH KHOA

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ENVIRONMETAL SCIENCE AND TECHNOLOGY EQUIPMENT JONT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0108318077 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

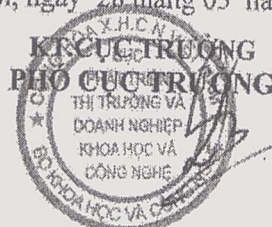
Điện thoại: 0249999969

Fax:

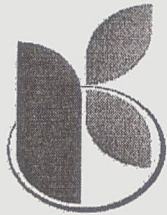
Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN:

STT	Tên kết quả KH&CN	Tên sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế.	- Hệ thống xử lý nước thải BK500. - Hệ thống xử lý nước thải BK1000.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Trần Xuân Đích



BACH KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Địa chỉ: SN 2 ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15 - Yên Nghĩa - Hà Đông - TP Hà Nội

VPĐD: Lô 14 DV16 KĐT Tây Nam Linh Đàm - Hoàng Mai - Hà Nội

Email: xulymoitruongbachkhoa@gmail.com

Hotline: 091.445.4436 - 024.9999.9969

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM, XUẤT XỨNG

1. Tên sản phẩm: **Thiết bị xử lý nước thải y tế**

Name of Products: Medical wastewater treatment equipment

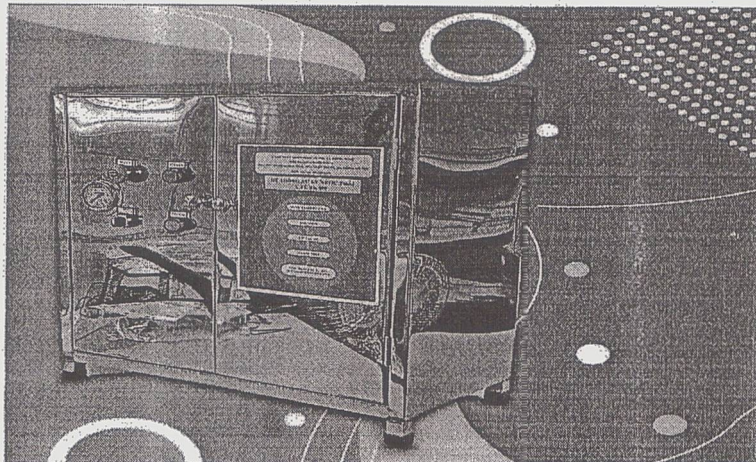
2. Mã hiệu: **BK500**

Model: BK500

3. Thông số cơ bản :

Specification :

- Vật liệu: **Inox**
Material:
- Độ dày vỏ: **0,6-1 mm**
Shell Thickness:
- Độ dày đáy: **0,8 -1 mm**
Bottom Thickness:
- Chiều dài: **600 mm**
Diameter:
- Chiều cao: **700 mm**
Height:
- Chiều rộng: **300 mm**
width:
- Hình ảnh:
Picture:



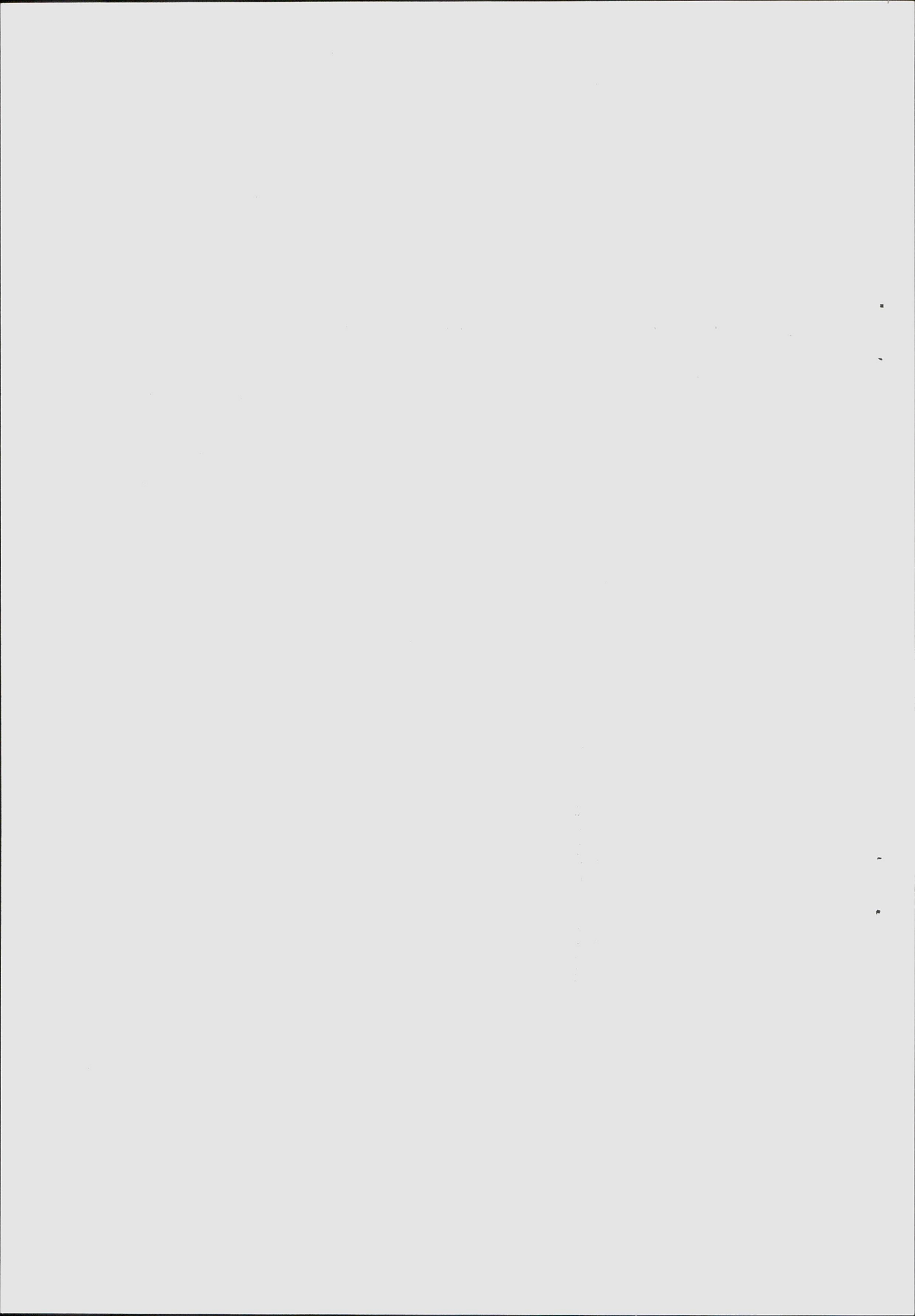
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

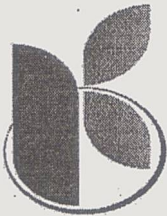
Company Representative



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thu Trang





BACH KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BACH KHOA

Địa chỉ: SN 2 ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15 - Yên Nghĩa - Hà Đông - TP Hà Nội

VPĐD: Lô 14 DV16 KĐT Tây Nam Linh Đàm - Hoàng Mai - Hà Nội

Email: xulymoitruongbachkhoa@gmail.com

Hotline: 091.445.4436 - 024.9999.9969

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM, XUẤT XỨNG

1. Tên sản phẩm: **Thiết bị xử lý nước thải y tế**

Name of Products: Medical wastewater treatment equipment

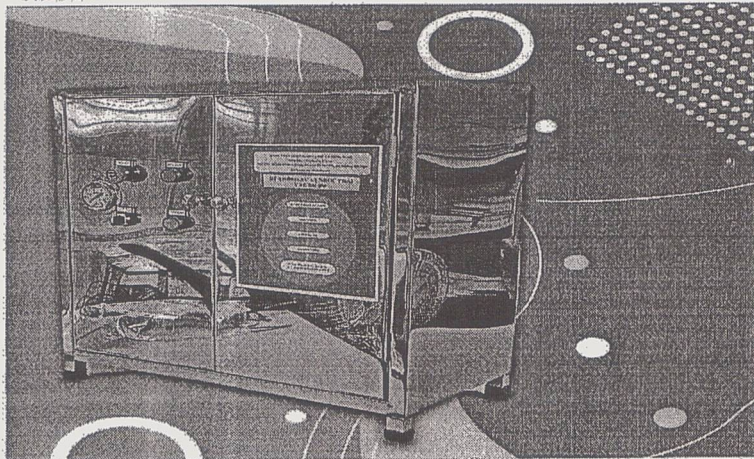
2. Mã hiệu: **BK500**

Model: BK500

3. Thông số cơ bản :

Specification :

- **Vật liệu:** **Inox**
Material:
- **Độ dày vỏ:** **0,6-1 mm**
Shell Thickness:
- **Độ dày đáy:** **0,8-1 mm**
Bottom Thickness:
- **Chiều dài:** **600 mm**
Diameter:
- **Chiều cao:** **700 mm**
Height:
- **Chiều rộng:** **300 mm**
width:
- **Hình ảnh:**
Picture:



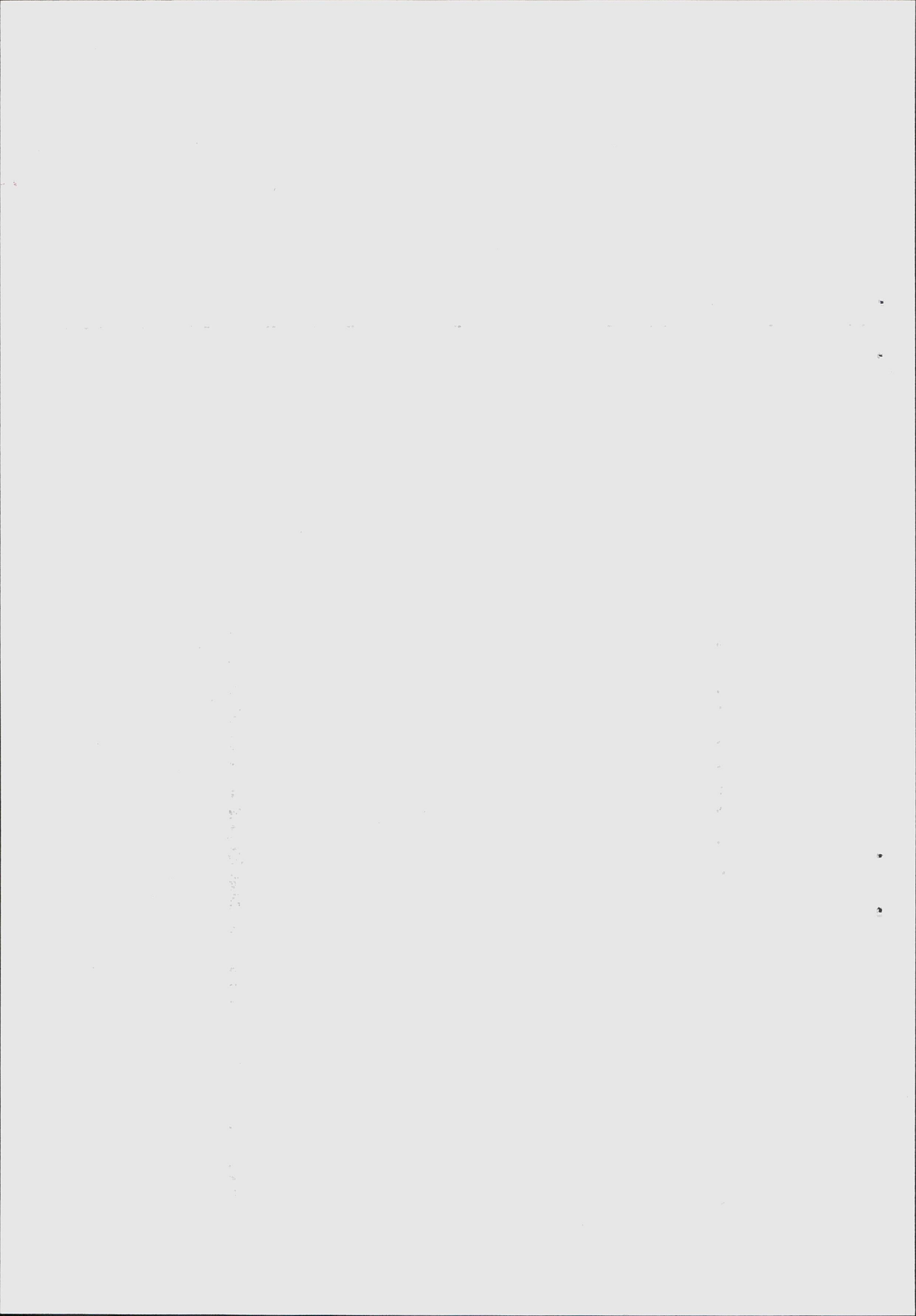
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Company Representative



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Lê Thu Trang





CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA *THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF:*

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG BẠCH KHOA
BACH KHOA ENVIRONMENTAL TREATMENT AND TECHNOLOGY J.S.C

ĐỊA CHỈ/ *ADDRESS:*

Số nhà 2, Ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

No.2, Alley 84/44 Hoa Binh, Group 15, Yen Nghia Ward, Ha Dong District, Ha Noi city

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN
HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHỌI PHẠM VI/ *FOR SCOPE:*

Tư vấn, thiết kế và lắp đặt các công trình hệ thống xử lý nước thải, nước cấp./

Consulting, designing and installing works of wastewater treatment systems, water supply./

VICAS số/ *VICAS No.:* 022-QMS

Chứng chỉ số/ *Certification No.:* 210402.QMS.CN21

Ngày cấp/ *Issued date:* 27/04/2021

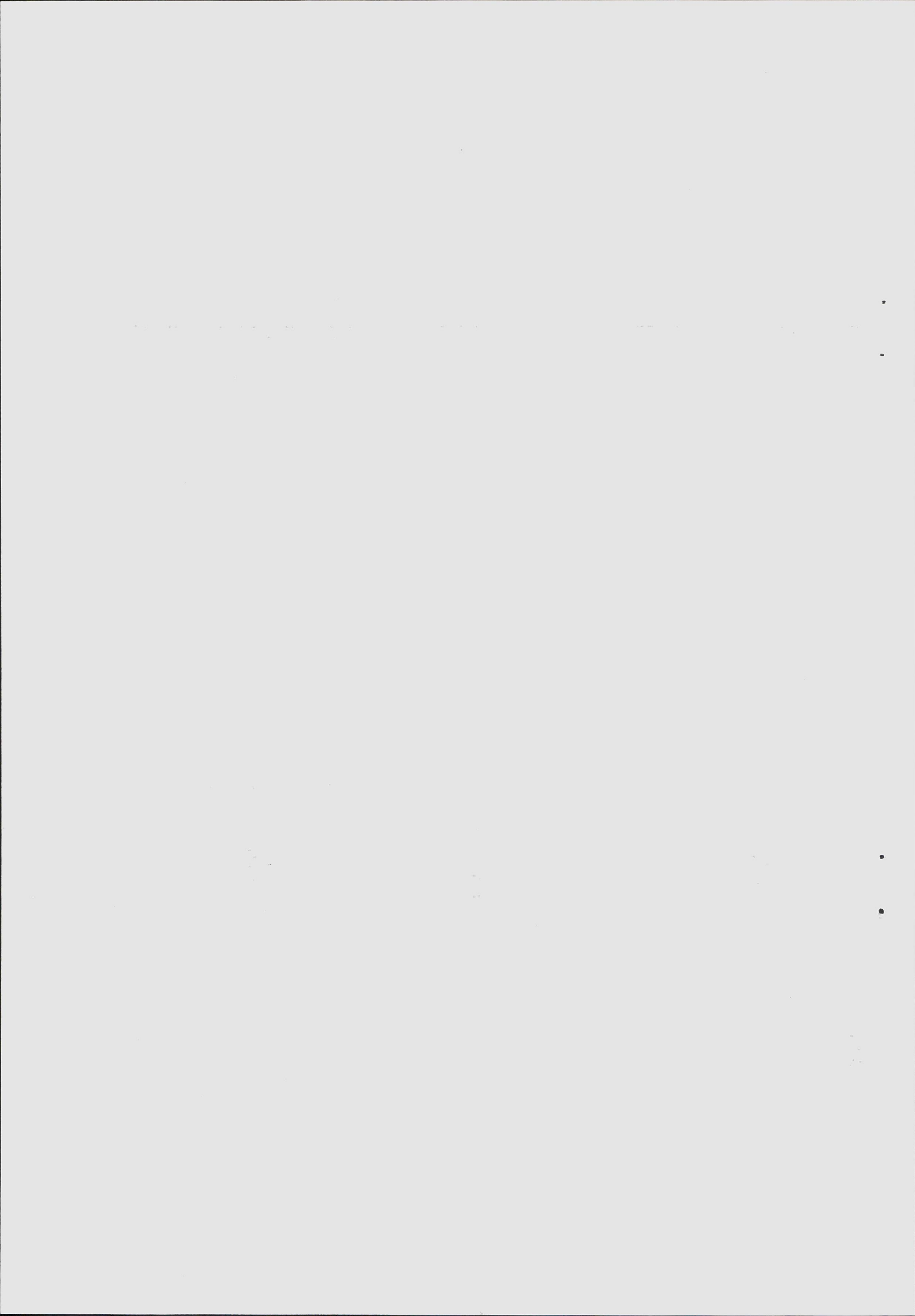
Ngày hết hạn/ *Expired date:* 26/04/2024

NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC/ *DIRECTOR*

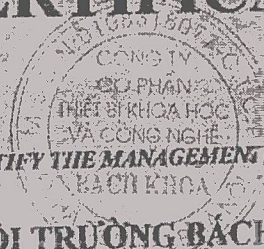
Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB/ *This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.*







CHỨNG NHẬN CERTIFICATE



CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA / THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF:

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG BẠCH KHOA
BACH KHOA ENVIRONMENTAL TREATMENT AND TECHNOLOGY J.S.C**

ĐỊA CHỈ / ADDRESS:

Số nhà 2, Ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông TP. Hà Nội

No.2, Alley 84/44 Hoa Binh, Group 15, Yen Nghia Ward, Ha Dong District, Ha Noi city

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN
HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHỌI PHẠM VI / FOR SCOPE:

Tư vấn, thiết kế và lắp đặt các công trình hệ thống xử lý nước thải, nước cấp.

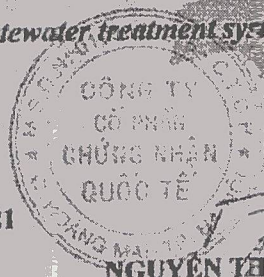
Consulting, designing and installing works of wastewater treatment systems, water supply.

VICAS số / VICAS No.: 022-QMS

Chứng chỉ số / Certification No.: 210402.QMS.CN21

Ngày cấp / Issued date: 27/04/2021

Ngày hết hạn / Expired date: 26/04/2024



NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC / DIRECTOR

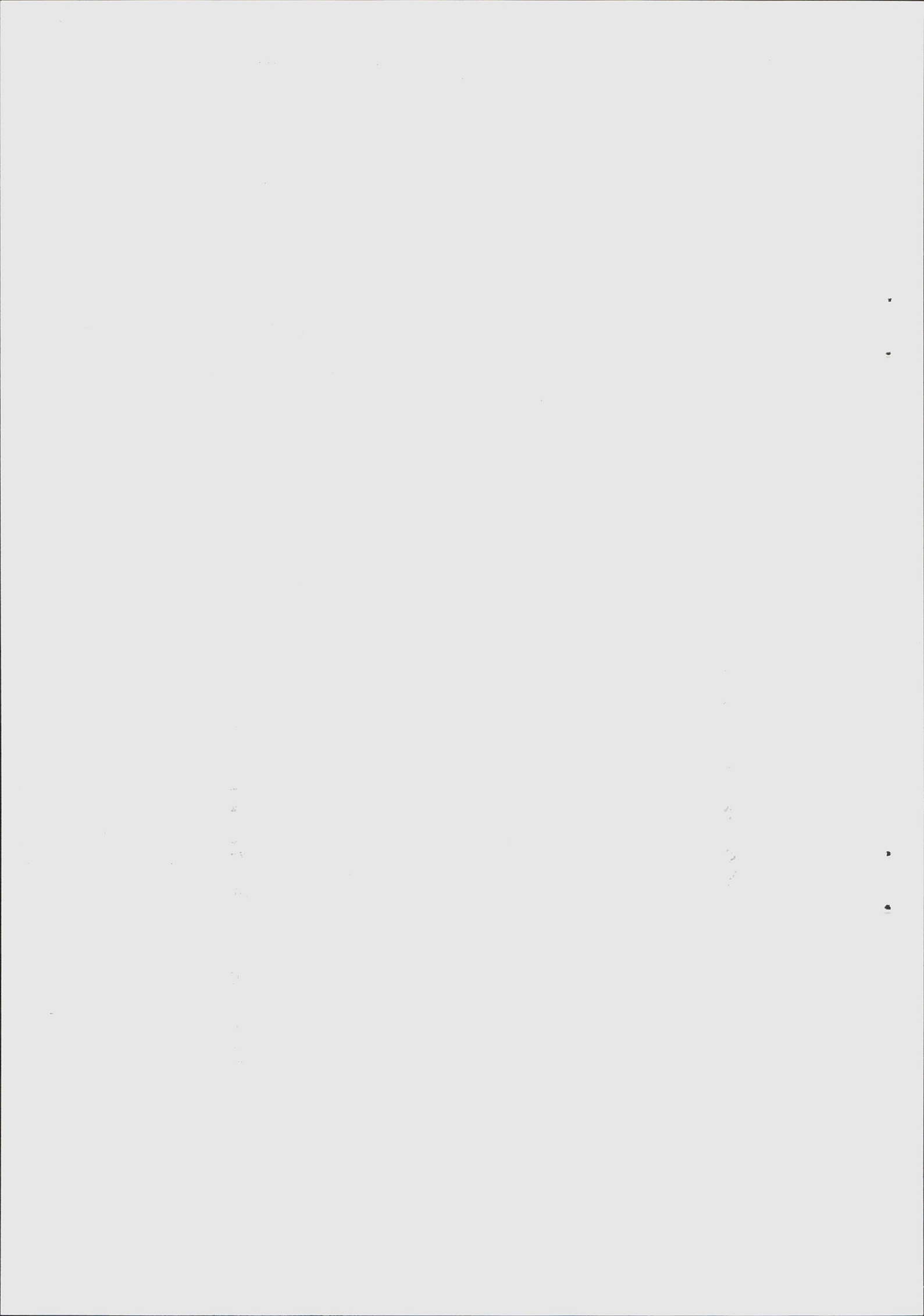
Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc đánh giá giám sát hàng năm của ICB / This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN QUỐC TẾ
INTERNATIONAL CERTIFICATION BODY**
Website: chungnhanquoccte.vn Email: cert@chungnhanquoccte.vn



Được công nhận bởi BCA - www.bca.gov.vn
Accreditation by BOA - www.boa.gov.vn



Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU, THANH LÝ

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2024, Chúng tôi gồm:

1. Bên nhận (bên A): CÔNG TY TNHH CKTM DA LIÊU

Địa chỉ lắp đặt: Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Việt Nam.

Đại diện: Bà Trần Thị Lam

Chức vụ: **Giám Đốc**

Đại diện:

Chức vụ:

2. Bên giao (Bên B) : CÔNG TY CP THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Đại diện: Ông Phạm Quốc Vương

Chức vụ: Nhân viên

3. Tên, loại sản phẩm: (theo các nội dung trong bảng sau)

STT	Thiết bị, máy móc	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế	01	Hệ thống	Đúng yêu cầu kỹ thuật

4. Kiểm tra chất lượng, thông số, chủng loại.

- ✓ Đúng số lượng chủng loại theo đơn đặt hàng.
- ✓ Đã kiểm tra đúng kỹ thuật theo bảng chào hàng và đơn đặt hàng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.

5. Kết luận, kiểm tra.

- ✓ Đã kiểm tra và nhận đúng số lượng theo hợp đồng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.
- ✓ Bên B đã giao hàng, hướng dẫn vận hành và chạy thử thiết bị. Kết quả đáp ứng đúng theo hợp đồng của hai bên.
- ✓ Bên A đồng ý ký Biên bản nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng từ ngày ký biên bản.

6. Giá trị hợp đồng thanh toán:

Sau khi kiểm tra hai bên thống nhất xác thực với số lượng trên và cùng ký kết làm chứng từ thanh toán.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

Đại diện bên A

(Ký, ghi rõ họ tên)

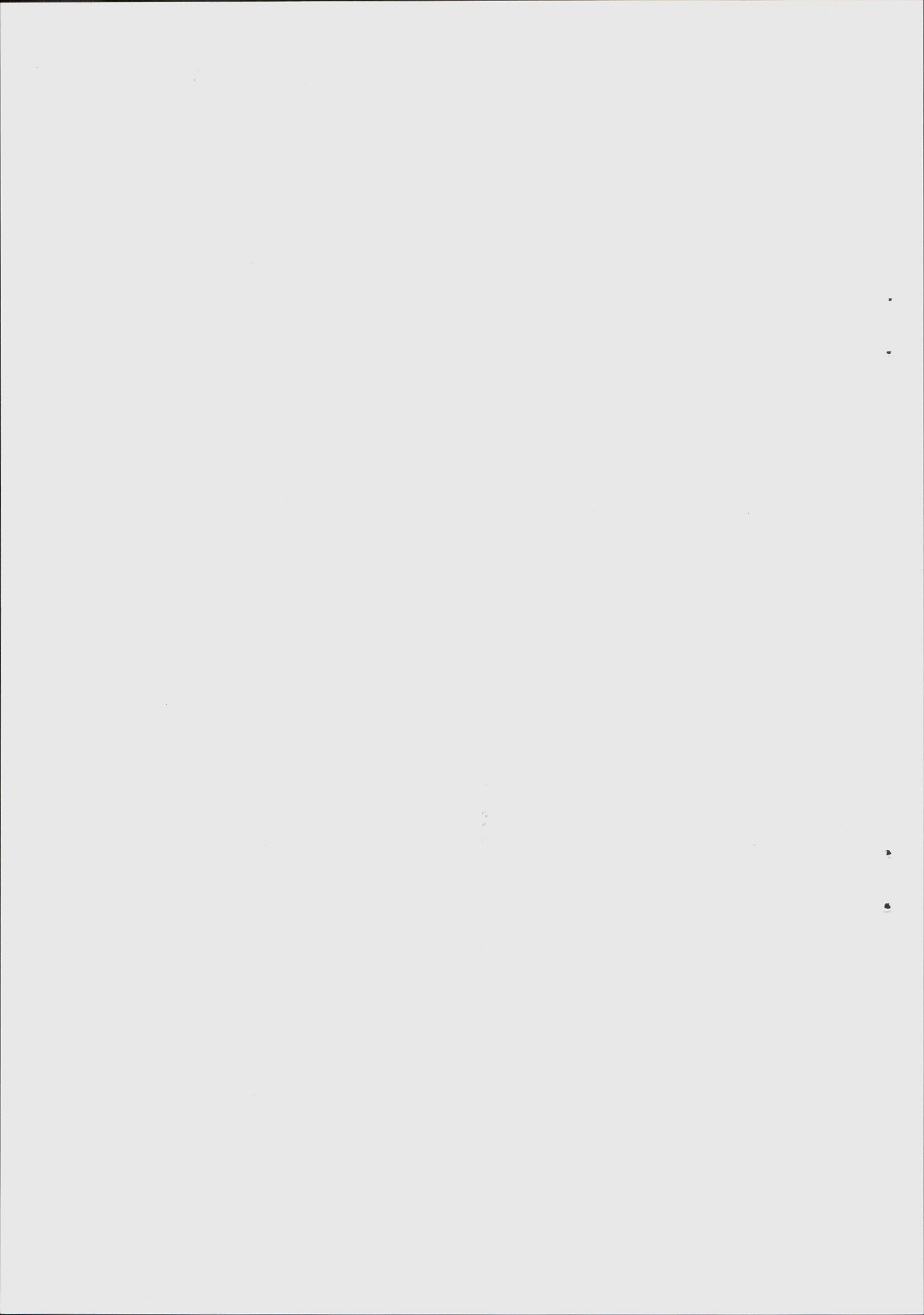


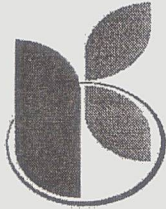
GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam

Đại diện bên B

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phạm Quốc Vương
Phạm Quốc Vương





BACH KHOA

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Địa chỉ: SN 2 ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15 - Yên Nghĩa - Hà Đông - TP Hà Nội

VPDD: Lô 14 DV16 KĐT Tây Nam Linh Đàm - Hoàng Mai- Hà Nội

Email: xulymoitruongbachkhoa@gmail.com

Hotline: 091.445.4436 – 024.9999.9969

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM, XUẤT XỨNG

1. Tên sản phẩm: **Thiết bị xử lý nước thải y tế**
Name of Products: Medical wastewater treatment equipment

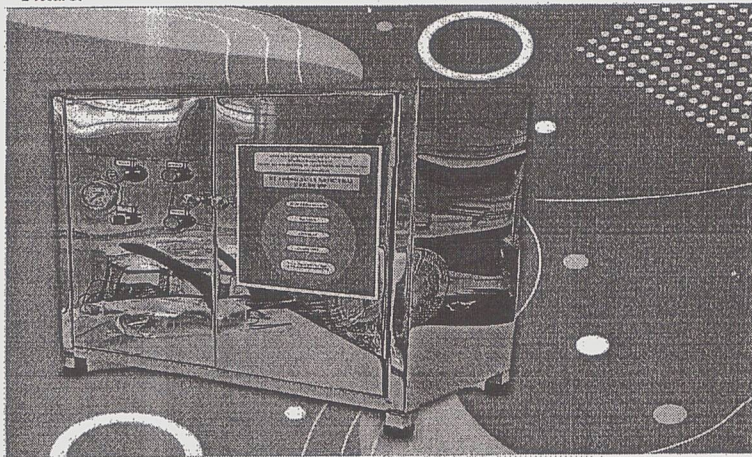
2. Mã hiệu: **BK500**

Model: BK500

3. Thông số cơ bản :

Specification :

- Vật liệu: **Inox**
Material:
- Độ dày vỏ: **0,6-1 mm**
Shell Thickness:
- Độ dày đáy: **0,8 -1 mm**
Bottom Thickness:
- Chiều dài: **600 mm**
Diameter:
- Chiều cao: **700 mm**
Height:
- Chiều rộng: **300 mm**
width:
- Hình ảnh:
Picture:



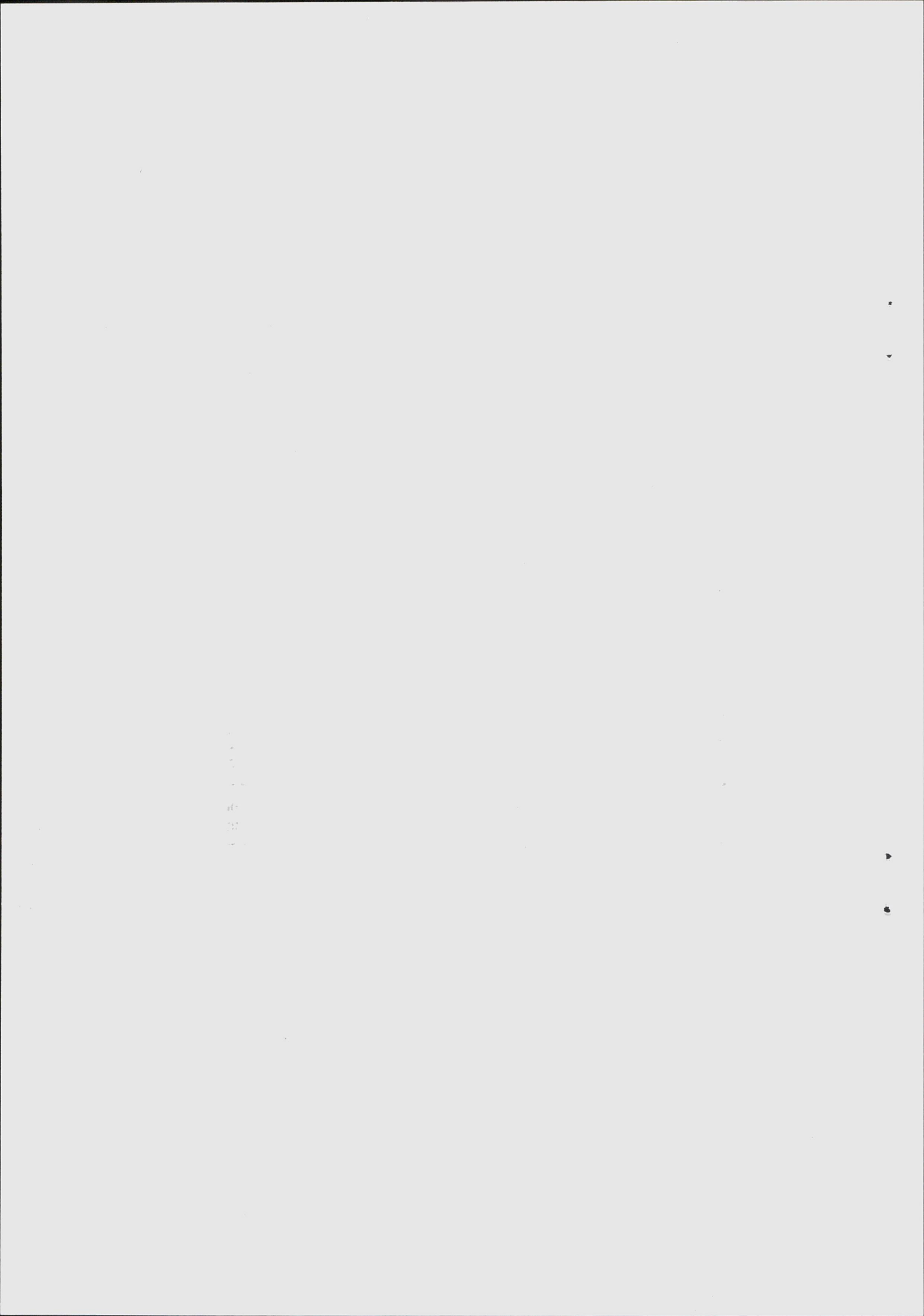
ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Company Representative



TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Khu Trang



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC PHÁT TRIỂN
THỊ TRƯỜNG VÀ DOANH NGHIỆP
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc

**GIẤY CHỨNG NHẬN
DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Số : 03 /DNKHCN

Cấp lần đầu: ngày 28 tháng 03 năm 2023

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Tên doanh nghiệp bằng tiếng nước ngoài (nếu có): ENVIRONMETAL SCIENCE AND TECHNOLOGY EQUIPMENT JONT STOCK COMPANY

Tên doanh nghiệp viết tắt (nếu có):

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 0108318077 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 6 năm 2018, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Địa chỉ trụ sở chính: Số 02 ngách 84/44 Hòa Bình, Tờ 15, Phường Yên Nghĩa, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội

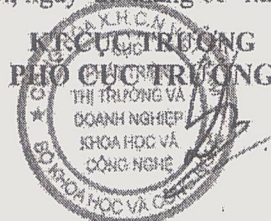
Điện thoại: 0249999969

Fax:

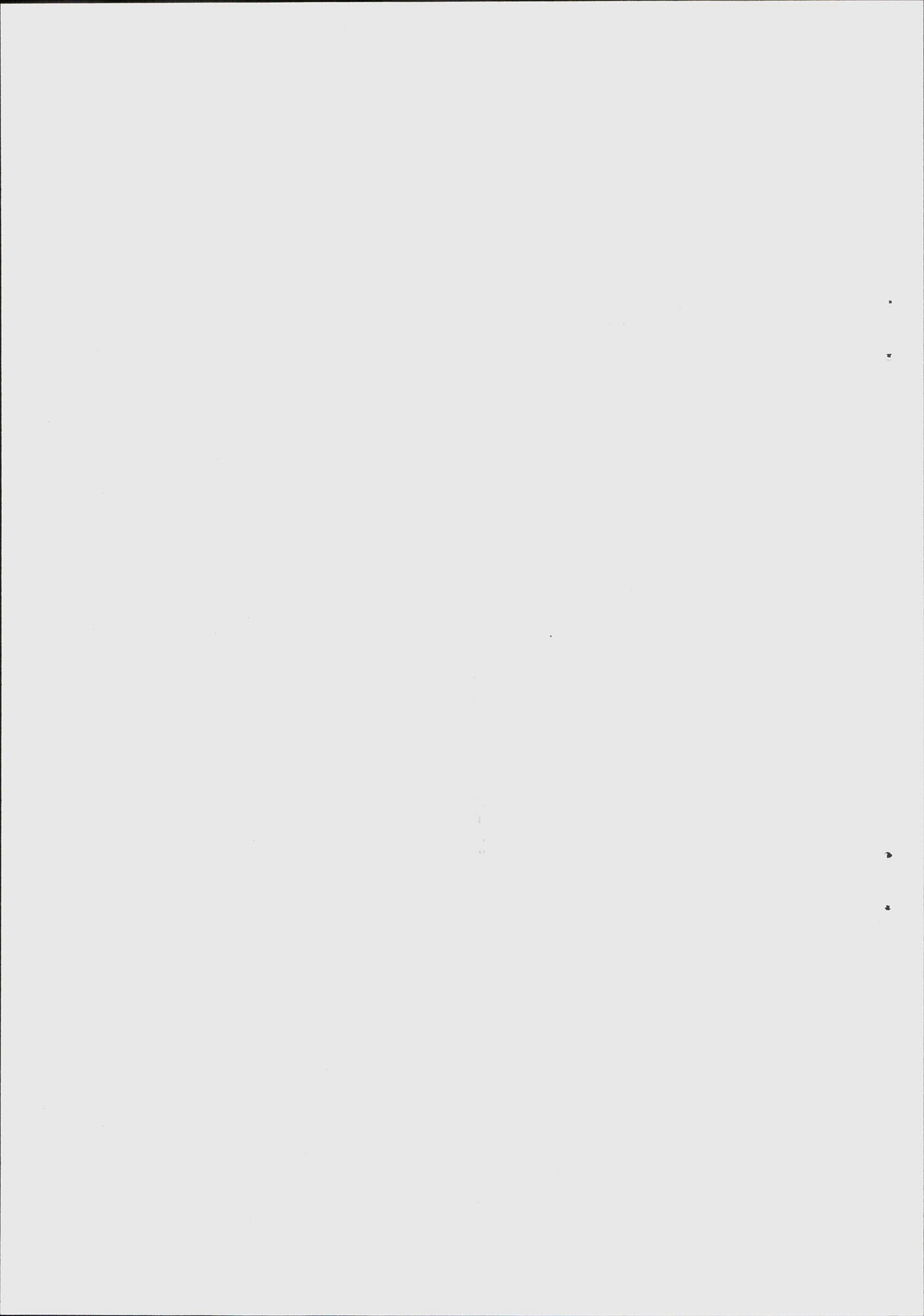
Danh mục sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN:

STT	Tên kết quả KH&CN	Tên sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế.	- Hệ thống xử lý nước thải BK500. - Hệ thống xử lý nước thải BK1000.

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2023



Trần Xuân Đích





NEXTECH ECOLIFE
LIFE FOR YOU AND NATURE

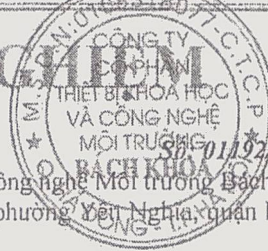
CÔNG TY CỔ PHẦN NEXTECH ECOLIFE

PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG -- VIMCERTS 301

D/C: Liên kê 17-16, Khu Đô thị mới Văn Khê, P. La Khê, Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

ĐT: 0984.334.561 Email: nextech.ecolife@gmail.com

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



Số: 01192/2024/PKQ (24.595)

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Thiết bị Khoa học và Công nghệ Môi trường Bách Khoa
Địa chỉ : Số nhà 2 ngách 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội
Loại mẫu : Nước thải
Mã mẫu : NT.240503.002
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Ngày thử nghiệm : 03/05/2024 Ngày hoàn thành: 14/05/2024

TT	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Phương pháp thử nghiệm	Kết quả	QCVN 28:2010/BTNMT
				NT	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,4	6,5 ÷ 8,5
2	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2008	14	50
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2017	36	100
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	38	100
5	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ² -B&D:2017	<0,05	4
6	Amoni (NH ₄ ⁺ N)	mg/L	TCVN 6179-1:1996	5,82	10
7	Nitrat (NO ₃ ⁻ N)	mg/L	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ -E:2017	4,12	50
8	Phosphat (PO ₄ ³⁻ P)	mg/L	TCVN 6202:2008	2,15	10
9	Dầu mỡ ĐTV	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	4,45	20
10	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2017	2.800	5.000
11	Salmonella*	VK/100mL	SMEWW 9260B:2017	KPH	KPH
12	Shigella*	VK/100mL	SMEWW 9260E:2017	KPH	KPH
13	Vibrio Cholerae*	VK/100mL	SMEWW 9260H:2017	KPH	KPH

Ghi chú: Mẫu do khách hàng gửi đến, được lấy tại Số nhà 2 ngách 84/44 Hòa Bình, tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

- Tên mẫu:

+ NT: Mẫu nước thải đầu ra model BK500.

- Quy chuẩn so sánh:

+ QCVN 28:2010/BTNMT: Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Nước thải Y tế;

Cột B: Giá trị C của các thông số và các chất gây ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải y tế khi thải vào các nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- (*): Chỉ tiêu được thực hiện bởi Công ty Cổ phần môi trường Đại Nam, Vimcerts 288.

Hà Nội, ngày 03 tháng 05 năm 2024

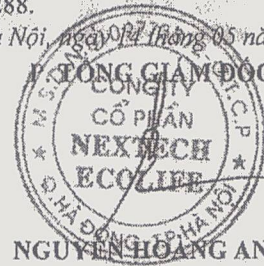
P. PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG

P. KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG

NGUYỄN KỶ ANH

LÂM THỊ THANH

NGUYỄN HOÀNG ANH



- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

- Quá thời gian lưu mẫu Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả thử nghiệm.

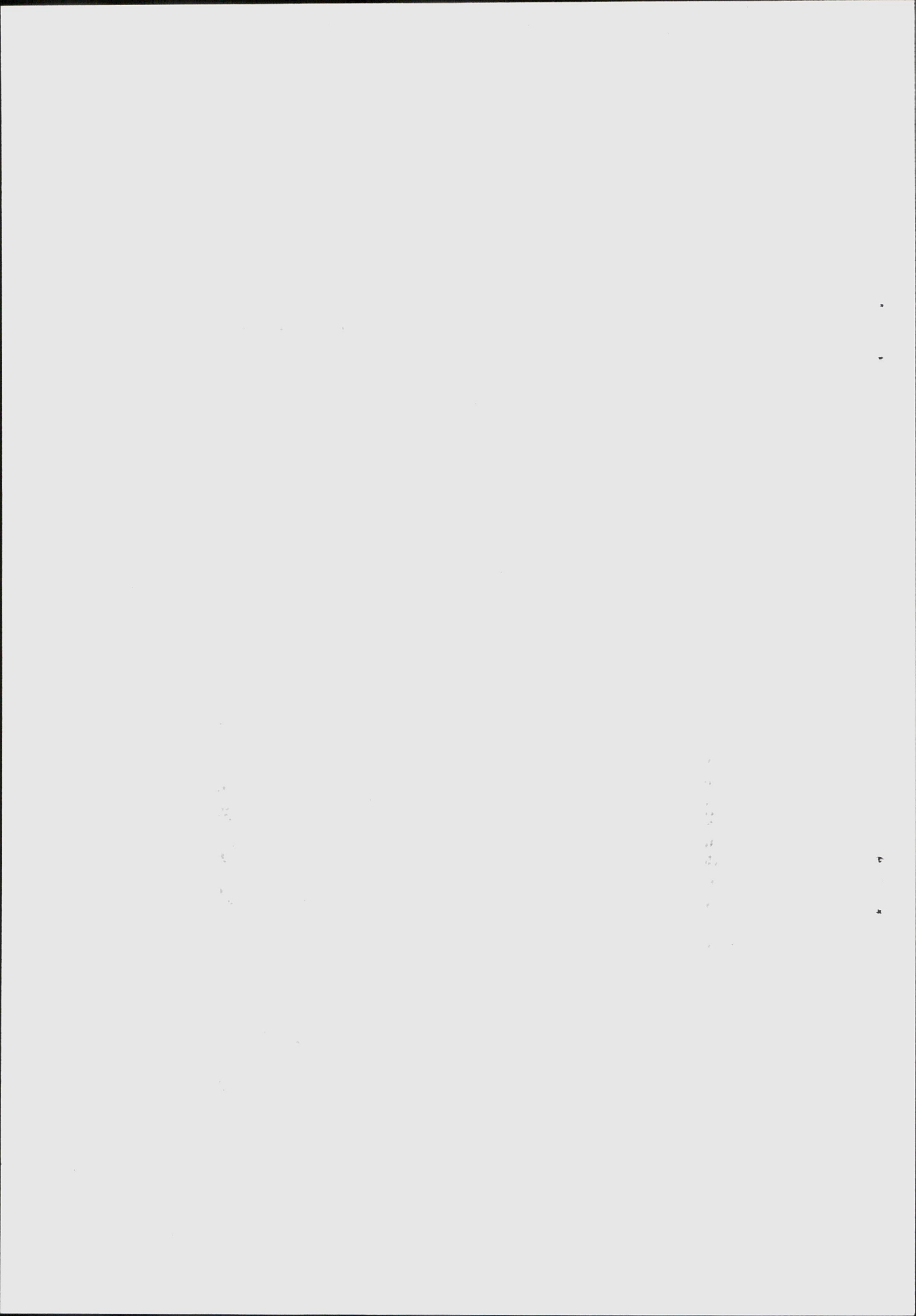
- Không được sao chép một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Công ty.

- (-): Không quy định.

- RHP: Không phát hiện.

- KPT: Không phân tích.

- (#): Chỉ tiêu tham khảo.



Hà Nội, ngày 24 tháng 11 năm 2024

BIÊN BẢN BÀN GIAO, NGHIỆM THU, THANH LÝ

Hôm nay, ngày 24 tháng 11 năm 2024, Chúng tôi gồm:

1. Bên nhận (bên A): CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU
Địa chỉ lắp đặt: Số 238A đường Trần Phú, phường Hồng Sơn, thành phố Vinh,
tỉnh Nghệ An, Việt Nam.
Đại diện: Bà Trần Thị Lam Chức vụ: Giám Đốc
Đại diện: Chức vụ:



2. Bên giao (Bên B) : CÔNG TY CP THIẾT BỊ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
MÔI TRƯỜNG BÁCH KHOA

Đại diện: Ông Phạm Quốc Vương Chức vụ: Nhân viên

3. Tên, loại sản phẩm: (theo các nội dung trong bảng sau)

STT	Thiết bị, máy móc	Số lượng	Đơn vị	Ghi chú
1	Hệ thống xử lý nước thải y tế	01	Hệ thống	Đúng yêu cầu kỹ thuật

4. Kiểm tra chất lượng, thông số, chủng loại.

- ✓ Đúng số lượng chủng loại theo đơn đặt hàng.
- ✓ Đã kiểm tra đúng kỹ thuật theo bảng chào hàng và đơn đặt hàng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.

5. Kết luận, kiểm tra.

- ✓ Đã kiểm tra và nhận đúng số lượng theo hợp đồng.
- ✓ Hàng mới 100% quy cách, xuất xứ và thông số kỹ thuật theo yêu cầu của hợp đồng.
- ✓ Bên B đã giao hàng, hướng dẫn vận hành và chạy thử thiết bị. Kết quả đáp ứng đúng theo hợp đồng của hai bên.
- ✓ Bên A đồng ý ký Biên bản nghiệm thu, đưa thiết bị vào sử dụng từ ngày ký biên bản.

6. Giá trị hợp đồng thanh toán:

Sau khi kiểm tra hai bên thống nhất xác thực với số lượng trên và cùng ký kết làm chứng từ thanh toán.

Biên bản được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản./.

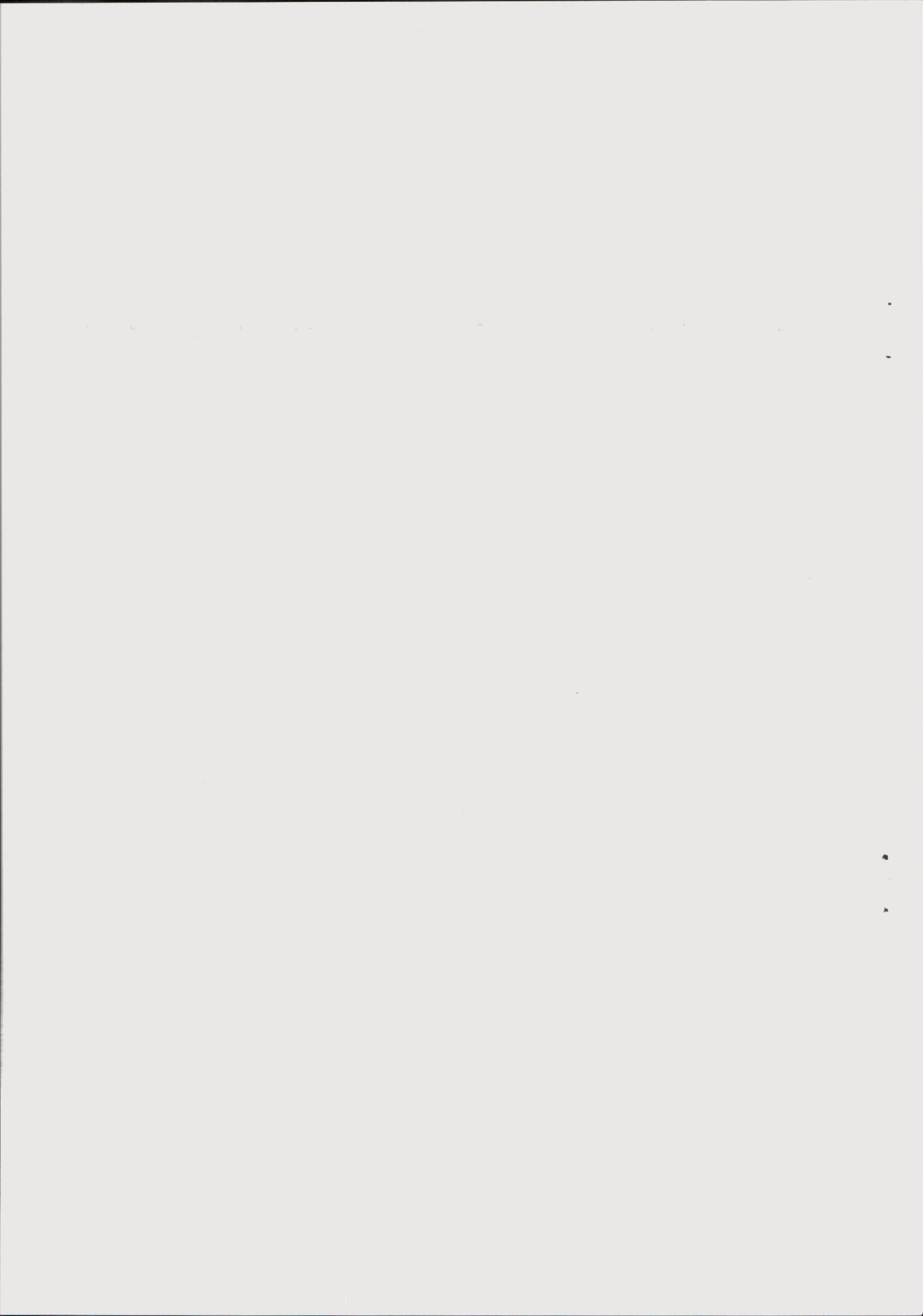
Đại diện bên A
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đại diện bên B
(Ký, ghi rõ họ tên)



GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam

Phạm Quốc Vương





CHỨNG NHẬN CERTIFICATE

CHUNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CỦA *THIS IS TO CERTIFY THE MANAGEMENT SYSTEM OF:*

**CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ VÀ XỬ LÝ MÔI TRƯỜNG BẠCH KHOA
BACH KHOA ENVIRONMENTAL TREATMENT AND TECHNOLOGY J.S.C**

ĐỊA CHỈ/ADDRESS:

Số nhà 2, Ngách 84/44 Hòa Bình, Tổ 15, phường Yên Nghĩa, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

No.2, Alley 84/44 Hoa Binh, Group 15, Yen Nghia Ward, Ha Dong District, Ha Noi city

ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ PHÙ HỢP VỚI CÁC YÊU CẦU CỦA TIÊU CHUẨN

HAS BEEN ASSESSED AND FOUND TO COMPLY WITH THE REQUIREMENTS OF:

ISO 9001:2015

CHỌI PHẠM VI/ FOR SCOPE:

Tư vấn, thiết kế và lắp đặt các công trình hệ thống xử lý nước thải, nước cấp./

Consulting, designing and installing works of wastewater treatment systems, water supply./

VICAS số/ VICAS No.: 022-QMS

Chứng chỉ số/ Certification No.: 210402.QMS.CN21

Ngày cấp/ Issued date: 27/04/2021

Ngày hết hạn/ Expired date: 26/04/2024

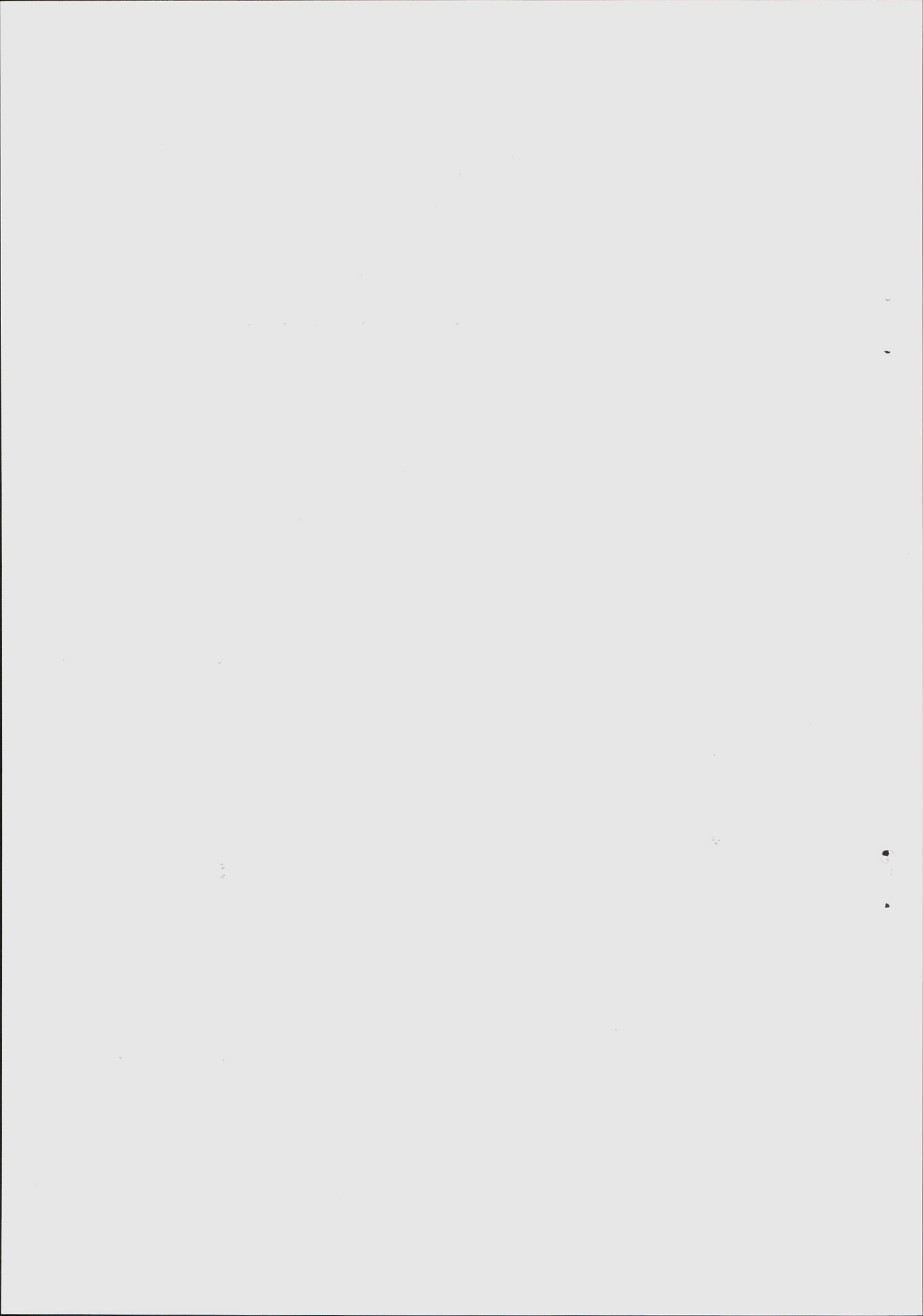


NGUYỄN THANH TÙNG

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

Chứng chỉ sẽ mất hiệu lực nếu hệ thống quản lý của khách hàng không vượt qua cuộc kiểm tra giám sát hàng năm của ICB. *This certificate will be invalid if the customer's management system does not pass the surveillance of ICB.*





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;

Hôm nay, ngày 06 tháng 11 năm 2024, Tại Số 238A Trần Phú, Khối 10, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Các Bên gồm:

BÊN A (BÊN CHO THUÊ):

Họ và tên : Bà **TRẦN THỊ HẢI LÝ**

Sinh năm : 1980

CCCD số : 042180004345 Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

Địa chỉ thường trú : Phường Hà Huy Tập, TP. Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

BÊN B (BÊN THUÊ):

CÔNG TY TNHH CKTM DA LIỄU

Mã số thuế : 2902204693

Địa chỉ : Số 238A đường Trần Phú, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

Đại diện theo pháp luật : Bà **TRẦN THỊ LAM**

Chức vụ: Giám đốc

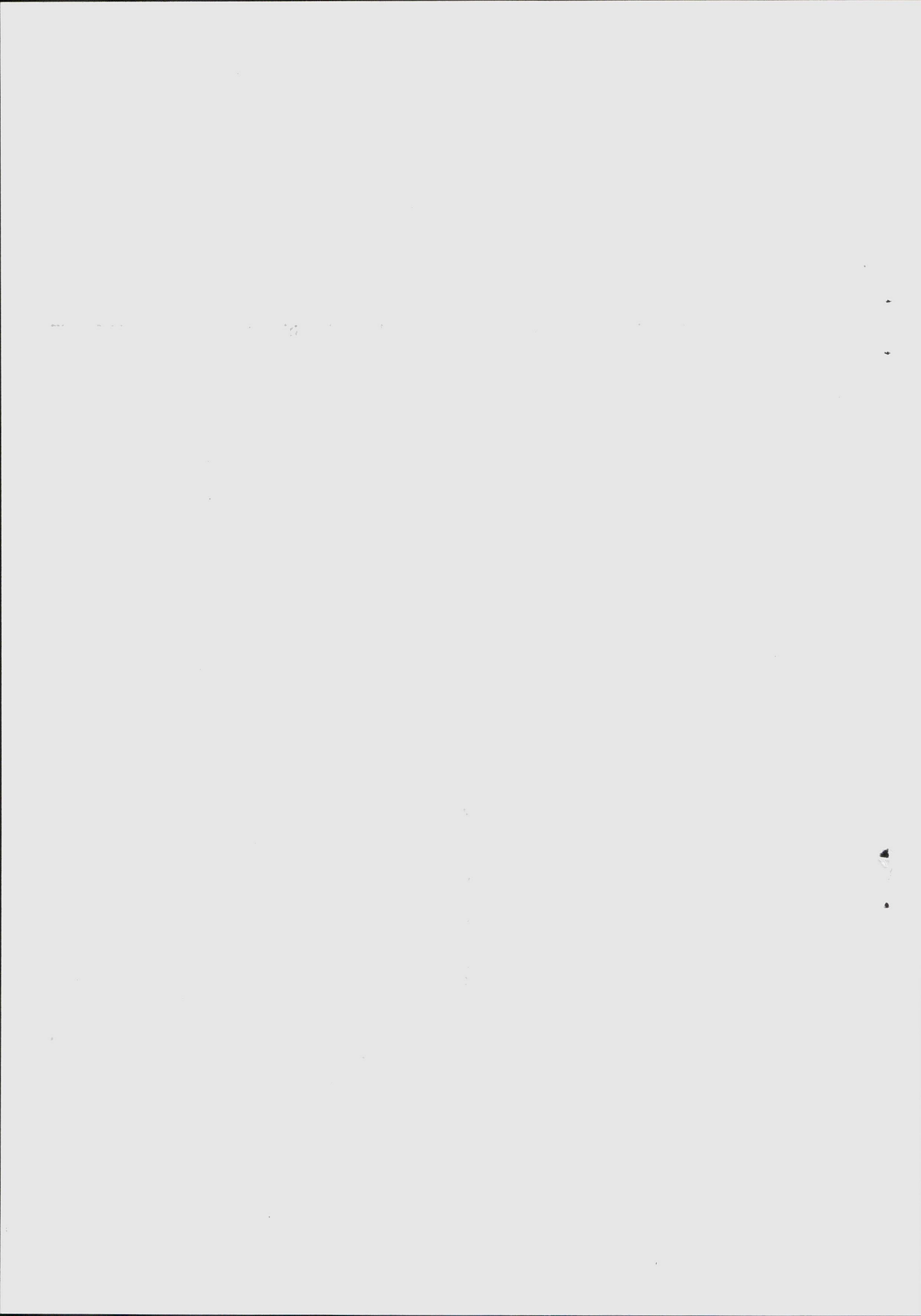
Bên A và Bên B sau đây gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**".

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng thuê tài sản gắn liền với đất ("**Hợp Đồng**") với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

ĐIỀU 1: TÀI SẢN THUÊ

- Tầng 1, 2 Căn nhà Số 238A Trần Phú, Khối 10, Phường Hồng Sơn, Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, thuộc quyền sử dụng hợp pháp của Bà Trần Thị Hải Lý theo: Giấy





6. Việc giao và nhận số tiền nêu tại khoản 1 và 2 Điều 4 của Hợp đồng này do hai bên tự thực hiện và chịu trách nhiệm trước pháp luật.

ĐIỀU 5: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1. Quyền của Bên A:

- Yêu cầu Bên B thanh toán Tiền Thuê và Chi phí sử dụng Diện Tích Thuê đầy đủ, đúng hạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng.
- Yêu cầu chấm dứt Hợp đồng khi Bên B sử dụng nhà không đúng mục đích, buôn bán hàng quốc cấm và bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền tước giấy phép kinh doanh
- Yêu cầu Bên B trả lại nhà khi kết thúc thời hạn thuê nhà mà không được gia hạn.

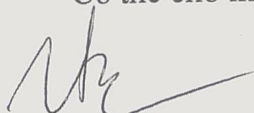
5.2. Nghĩa vụ của Bên A:

- Bàn giao nhà cho Bên B theo đúng thời gian quy định trong Hợp Đồng;
- Đảm bảo việc cho thuê theo Hợp Đồng này là đúng quy định của pháp luật, Bên A tự chịu trách nhiệm giải quyết với Bên thứ ba có quyền, nghĩa vụ liên quan đến tài sản thuê;
- Thanh toán toàn bộ tiền điện nước, tiền điện thoại, tiền mạng internet, phí vệ sinh, an ninh trật tự và các khoản nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) cho toàn bộ thời gian trước khi bàn giao căn nhà cho Bên B
- Tạo mọi điều kiện để Bên B được sử dụng căn nhà thuận tiện, không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của bên B, hỗ trợ Bên B các thủ tục pháp lý liên quan đến việc sử dụng căn nhà (nếu có).

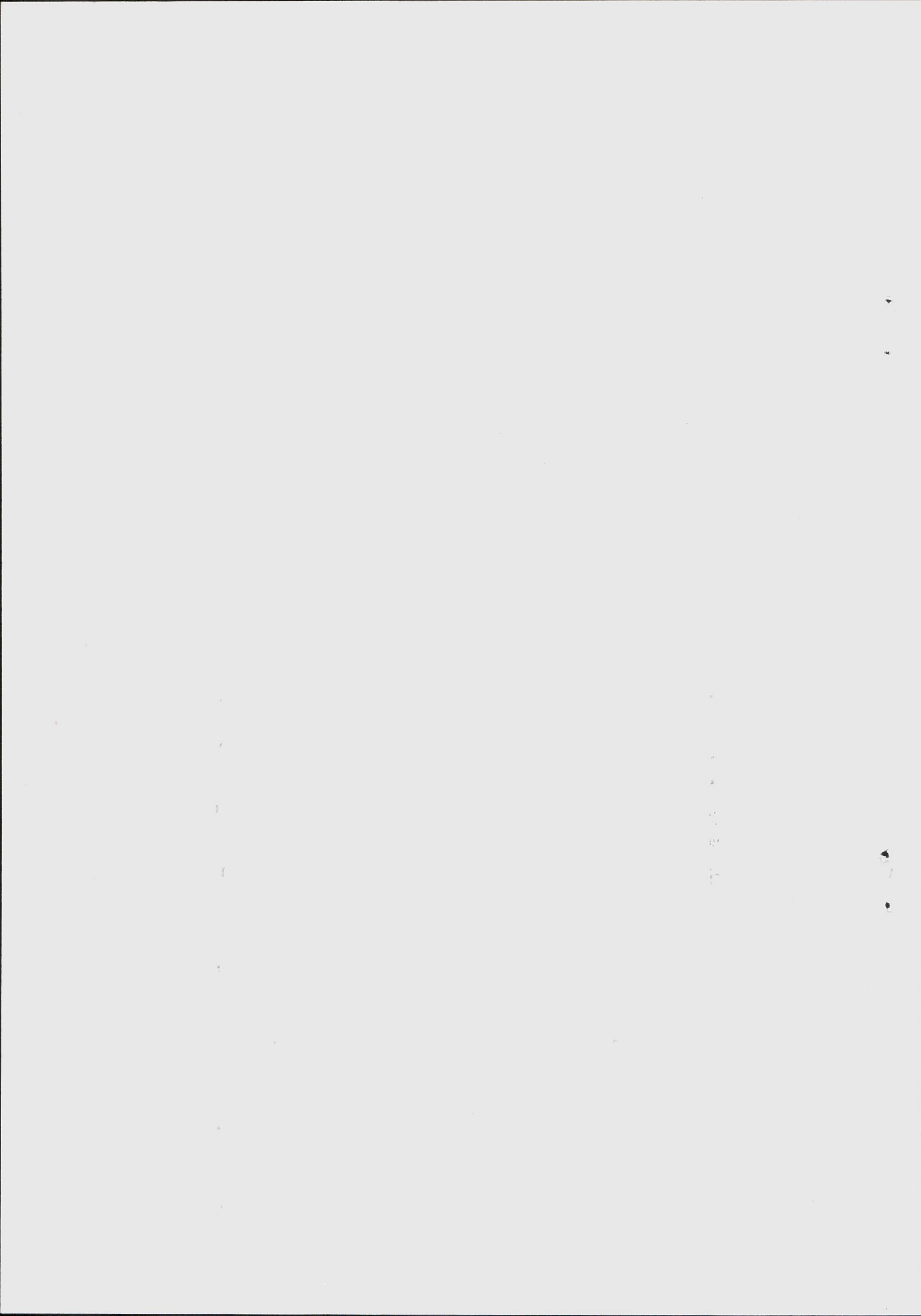
ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

6.1. Quyền của Bên B:

- Nhận bàn giao nhà theo đúng thoả thuận trong Hợp Đồng;
- Được sử dụng phần Diện Tích Thuê làm nơi để ở và các hoạt động hợp pháp khác;
- Lắp đặt các thiết bị, hệ thống dây điện thoại, hệ thống mạng và các thiết bị cần thiết khác phục vụ cho mục đích kinh doanh. Được cải tạo, sửa chữa nhà khi được sự nhất trí của Bên A.
- Được tạo điều kiện sử dụng toàn bộ phần diện tích vỉa hè dùng để xe của nhân viên và khách hàng, không gian mặt tiền để treo biển quảng cáo... theo quy định của pháp luật.
- Được tháo dỡ và đem ra khỏi phần Diện Tích Thuê các tài sản, trang thiết bị của bên B đã lắp đặt trong phần Diện Tích Thuê khi hết Thời Hạn Thuê nhưng phải trả lại nguyên trạng căn nhà cho Bên A.
- Có thể cho mượn căn nhà nhưng phải có sự đồng ý của Bên A



3/1
TY
H
M
I
E
N
G



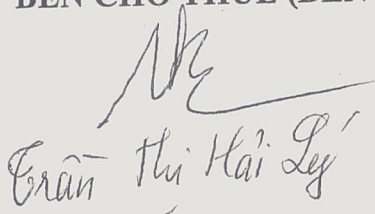
8.2. Cam kết của Bên B:

- Những thông tin về nhân thân đã ghi trong hợp đồng này là đúng sự thật.
- Đã xem xét kỹ, biết rõ về tài sản thuê nêu tại Điều 1 Hợp đồng này và các giấy tờ về quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất
- Việc giao kết hợp đồng này là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc
- Thực hiện đúng đủ các thỏa thuận trong Hợp đồng này.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

- Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu phát sinh tranh chấp, các bên sẽ cùng nhau thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thể tự thương lượng giải quyết tranh chấp thì một trong các bên có quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết theo quy định của pháp luật.
- Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các thỏa thuận trong Hợp Đồng này trên tinh thần hợp tác, thiện chí.
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng phải được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của mỗi Bên. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp Đồng có giá trị pháp lý như Hợp Đồng, là một phần không tách rời của Hợp Đồng này.
- Khi Hợp đồng này hết hạn, nếu Bên B có nhu cầu thuê tiếp thì Bên A sẽ ưu tiên cho Bên B được tiếp tục thuê trên cơ sở thỏa thuận của hai bên bằng một hợp đồng mới. trong trường hợp này, hai bên sẽ phải thông báo cho nhau bằng văn bản trước ngày hợp đồng hết hạn tối thiểu 30 (ba mươi) ngày. Giá thuê và những điều kiện cho thuê sẽ được hai bên bàn bạc và thống nhất bằng một hợp đồng mới.
- Ngoài các điều khoản đã nêu trong hợp đồng, các điều khoản khác được thực hiện theo quy định của pháp luật
- Hai bên hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của mình, hậu quả pháp lý của việc giao kết hợp đồng và ký tên dưới đây để làm bằng chứng.
- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày công chứng.
- Hợp Đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị như nhau, Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

BÊN CHO THUÊ (BÊN A)


Trần Thị Hải Lý



GIÁM ĐỐC
Trần Thị Lam

20

10.11.11